

NGUYỄN THỤY LONG

HỘI KÝ VIẾT TRÊN "GẠC BÚT"



VĂN NGHỆ

hồi ký
viết trên gác bút

Nguyễn Thụy Long

Nhà xuất bản Văn Nghệ

Hồi ký viết trên gác bút

nguyễn thụy long

Bìa: *NXB Văn Nghệ*

Nguồn: *Internet*

Trình bày: *Muôn Phương*

hồi ký
viết trên gác bút

NGUYỄN THỤY LONG

NHÀ XUẤT BẢN VĂN NGHỆ

TIỂU SỬ NHÀ VĂN
NGUYỄN THỤY LONG
(1938 – 2009)



Di ảnh
nhà văn NGUYỄN THỤY LONG

Tiểu sử văn học:
NGUYỄN THỤY LONG

Nhà Văn Nguyễn Thụy Long sinh ngày 09/08/ 1938 tại Hà Nội.

Mất ngày 03/9/2009, lúc 14 giờ tại bệnh viện Nhân Dân Gia Định.

Năm 1952, ông và gia đình vào Nam sinh sống tại Sài Gòn.

Cựu học sinh trường trung học Hồ Ngọc Cẩn.

Sinh viên trường Cao Đẳng Mỹ Thuật Gia Định.

Cộng tác báo Ngàn Khơi với nhà văn Nhã Ca, nhật báo Sống của nhà văn Chu Tử.

Trước 1975, ông xuất bản hơn 30 tác phẩm. Tiểu thuyết đầu tay có tên Vác Nhà Voi (1965) với bút hiệu Lan Giao. Các tác phẩm sau, đều lấy tên thật là Nguyễn Thụy Long.

Ngoài hơn 30 tác phẩm xuất bản, Nguyễn Thụy Long còn cả trăm truyện ngắn và những tác phẩm sáng tác sau này.

Tiểu thuyết Loan Mắt Nhung gây xao động từ tác phẩm, đến tập phim Loan Mắt Nhung do đạo diễn Lê Dân dàn dựng năm 1970.

Năm 2005, ông được phát giải Văn Chương Toàn Sự Nghiệp do Nguyệt san Khởi Hành (Mỹ) trao tặng, nhưng vì sức yếu không tham dự được.

TÁC PHẨM NGUYỄN THỤY LONG: (tiêu biểu)

1/ Vác Ngà Voi (1965, với bút hiệu Lan Giao)

2/ Sầu Đời (Âu Cơ, 1967)

3/ Bước Giang Hồ (1967)

4/ Vòng Tay Đàn Ông (1967)

5/ Chim Trên Ngọn Khô (1967)

6/ Loạn Mắt Nhung (1967)

7/ Tay Anh Chị (1968)

8/ Bà Chúa Tám Cửa Ngục (1968)

9/ Vết Thù (1968)

10/ Đêm Đen (1968)

- 11/ Gái Thời Loạn (1968)
- 12/ Bóng Tối (1968)
- 13/ Kinh Nước Đen (1969)
- 14/ Nữ Chúa (1969)
- 15/ Xóm Cô Hồn (1969)
- 16/ Kiếp Hoang (1969)
- 17/ Nợ Máu (1969)
- 18/ Nhà Chúa (1970)
- 19/ Ven Đô (1970)
- 20/ Bão Rớt (1970)
- 21/ Cầu Cá (1970)
- 22/ Dấu Chân Gió Chạy (1970)
- 23/ Biển Đen (1971)

24/ Biệt Thự Phù Du (1971)

25/ Đàn Ông Đàn Bà (1971)

26/ Hạt Giống Của Trời (1971)

27/ Những Cánh Tay Thuồng Luồng
(1971)

28/ Tối Đen (1971)

29/ Vang Tiếng Ruồi Xanh (1971)

30/ Dưới Chân Non Nước (1972)

31/ Gió Hú (1972)

32/ Tử Tội Hoan Hỉ (1972)

33/ Mặt Biển Đen (1973)

34/ Nửa Đời Bóng Tối (1991)

35/ Viết Trên Gác Bút (1999)

36/ Giữa Đêm Trường (2000)

37/ Người Xây Lò (2001)

38/ Thìn Ma (2007)

.....

Ngoài ra, Nguyễn Thụy Long còn 3 tác phẩm mới viết:

*Hồi Ưc 40 Năm Cầm Bút

*Hồi Ký Thuở Mơ Làm Văn Sĩ

* Vùng Mả Động (2009)

NGUYỄN THỤY LONG,
BÓNG CHIM TRÊN NGỌN KHÔ
NGÔ NGUYỄN NGHIÊM

DU NHẬP VÀO NHỮNG
ĐƯỜNG HƯỚNG mới trong
văn học nghệ thuật thập niên 60, quả
nhiên có nhiều ngã rẽ, lập dựng cho
mỗi văn nghệ sĩ thời đó một nét nhìn
sáng hóa đặc biệt, giúp tác phẩm được
bùng vỡ mãnh liệt. Mỗi người văn nghệ
đột phát cho mình một phương hướng
sáng tạo riêng biệt, không lẫn lộn vào

ai, tạo cho văn chương miền Nam nhiều hướng đi mới rạng rỡ, đối chiếu không thua sút văn chương nước ngoài. Từ thơ văn nhạc kịch biên khảo hội họa kinh kịch sân khấu kiến trúc điêu khắc, nhìn lại thật hãnh diện cho bước đường sáng hóa của nghệ thuật giai đoạn sơ khai này. Từ những bóng dáng khai hoang văn nghệ của lớp đi trước ở phía Nam như Nguyễn Chánh Sắt, Hồ Biểu Chánh, Phú Đức, Phi Long... dẫn đến Nguyễn Văn Hầu, Nguyễn Bá Thế, Truy Phong, Sơn Nam, Kiên Giang, Nguyễn Minh Tâm... Đến lớp sĩ phu Bắc hà như Vũ Hoàng Chương, Đinh Hùng, Vũ Khắc Khoan và lớp văn nghệ sĩ gần gũi thế hệ văn chương phía Nam trong thập niên 60 như Mai Thảo, Viên Linh, Duyên Anh, Lý Hoàng Phong, Hoàng Trúc Ly nổi tay cùng bóng dáng

của Trần Tuấn Kiệt, Phạm Công Thiện, Dương Hà, Ngọc Linh, Dương Trữ La, Hoài Điệp Tử, Phan Bá Thụy Dương, Võ Hồng, Nguyễn Thị Thụy Vũ, Nhã Ca... Còn nhiều tên tuổi nữa gắn bó tạo một sinh khí đa dạng, tân lập cho phong hóa văn chương thời bấy giờ, chuyển biến cùng cực và kỳ diệu.

Nguyễn Thụy Long là một nhà văn cũng bùng vỡ tài hoa trong giai đoạn thập niên 60 này, tác phẩm của Ông chột bước vào một lối rẽ sáng tạo mới. Ông đi thẳng vào đề tài tuổi trẻ khơi dậy trong nỗi quạnh hiu bất công cuộc đời, đưa nhân vật hùng cứ một phương cách sống trong một xã hội đen biệt lập. Trước 1965, vài tác phẩm của Nguyễn Thụy Long ra đời cũng đã biểu hiện phong cách tự do theo nghĩa ngoài lề xã hội. Từ Vác Ngà Voi vẫn còn mang

một bút hiệu khác Mặc Lan Giao, là hình như tác giả còn ẩn nấp trong tư thế chờ đợi. Đến những tác phẩm kế tiếp, tên tuổi Nguyễn Thụy Long bùng sáng trong giới giang hồ văn chương, nhất là những tác phẩm nổi đình nổi đám như *Loan Mắt Nhung* (1967) rồi *Kinh Nước Đen* (1969)...Khi *Loan Mắt Nhung* được chuyển hóa phim ảnh do đạo diễn Lê Dân thực hiện với Huỳnh Thanh Trà, Thanh Nga, Tâm Phan, Ngọc Phu, Kim Xuân, Nguyên Hạnh...phim truyện Việt Nam bắt đầu tiếp nối tranh bá quyền với phim Hồng Kong, Ấn Độ.

Sức sáng tạo những năm trước 1975 của Nguyễn Thụy Long thật mãnh liệt, tác phẩm như dòng suối tuôn trào không thời gian ngừng nghỉ. Tôi bước vào lối đi của Ông, bằng sự tò mò như

tò mò với Hồ Thắm Tư Tưởng của Phạm Công Thiện, tò mò với những bộ tiểu thuyết Yêu – Điên - Loạn... của Chu Tử. Nhưng sự bất gặp kinh khiếp với những hình ảnh phơi bày cực kỳ ghê rợn trong tác phẩm Chim Trên Ngọn Khô, ám ảnh tang thương trong đời sống hạ tầng bị dấn quá, bị dấn trước thiên nhiên, trước nhân tình và cuộc đời, khiến tôi thường xuyên tìm kiếm tác phẩm Ông. Hình như, Chim Trên Ngọn Khô xuất hiện trước Loan Mắt Nhung, nhưng chính vì phong cách tài tình trong dựng truyện, khiến Nguyễn Thụy Long được đặt trên ngôi vị độc đáo trường phái riêng.

Thật sự, trước những tác phẩm quyết định hướng đi cho sự hòa nhập vào xã hội đen, bằng một lối rẽ phải có trong tận cùng đời sống đầy cá tính

phản kháng với đời thường. Mỗi mặt trái mặt phải đều nặng nề một cương lĩnh đạo lý khác biệt. Nghĩa khí và cách trao đổi cuộc sống thắm đẫm tư duy sinh học chên nhau như những vòng xoắn hình ống trong một không gian hình học ba chiều. Nên cách cư xử như thế thường của lý triết hủ nho không đầy được bản chất phá cách, liễu lĩnh, tư duy của một xã hội tận cùng nếp sống. Nguyễn Thụy Long hoàn toàn bình tĩnh bước vào môi trường đột biến như vậy, hóa thân trong tâm thức và hành động của những con người phá cách đó. Ông thành công mãnh liệt trong hai bộ tiểu thuyết *Loan Mắt Nhung* và *Kinh Nước Đen*. Theo hồi ký viết *Trên Gác Bút* (NXB Văn Nghệ, California 1999), Nguyễn Thụy Long bước vào làm ký giả báo *Sống* của nhà văn

Chu Tử, được sự khuyến khích hợp với cách viết theo trào lưu của một xã hội có thực những anh hùng của một xã hội có lối rẽ riêng. Tác phẩm Loan Mất Nhung ra đời năm 1967, bằng hình ảnh một cậu học trò lương thiện sống tại đô thành Sài Gòn trong thập niên 60, trước những áp bức cuồng rối phủ dập tạo nên hoàn cảnh xã hội đẩy đưa trở thành du đảng nổi tiếng. Sống cuồng loạn trong một xã hội đen như một thủ lĩnh anh chị làng dao búa. Nhưng trong những phút giây bất chợt, vẫn cảm thấy cô đơn trong cuộc đời, hối hận đánh mất một thời tuổi trẻ, muốn hoàn lương bằng cách cuối cùng diệt kẻ ác rồi nộp mình cho cảnh sát. Cách viết bạch hóa sự gai góc trong cuộc đời của lớp người sống trong hoàn cảnh của xã hội đen tối.

Thật ra, trong giai đoạn đầy rẫy hỗn loạn của thời kỳ thập niên 60, với nhiều sự du nhập những khuynh hướng ngoại lai, và những hiện trạng bất an trong xã hội đương thời, khiến cuộc sống phân cách theo xu hướng nhận định tự kỷ. Chính vậy, sự tách biệt nhiều thành phần trong xã hội cũng là một logic, Nguyễn Thụy Long thành công như hoàn chỉnh một luận án sâu sắc của thế giới tận cùng. Tác phẩm thành công như bước đi mới trong đoạn đường phá cách lối sáng tác với điển tích sáo mòn.

Hàng chục tác phẩm liên tiếp ra đời, nối tiếp những hình ảnh sinh động trong thế giới như thế, đương nhiên Nguyễn Thụy Long trở thành một nhà văn “du đảng”, bằng phong cách viết như thế...Thật ra, người nghệ sĩ đều

muốn mình có một thế giới văn phong riêng, tạo dựng cho chính sáng tác một sự sáng hóa biệt lập. Sự tự do đó giúp nhà văn xây dựng được hình ảnh đặc thù độc đáo trong văn học.

Sau 1975, những buổi trưa ngồi với Nguyễn Thụy Long trong hẻm nhỏ 6C đường Tú Xương Quận 3, tôi lặng lẽ nhìn hình ảnh một “đại ca” văn nghệ oanh liệt một thời. Cung cách sống vẫn còn hào nhoáng khí phách, vẫn bụi đời trên trang phục thô ráp, vẫn lịch thiệp cùng những bạn bè văn nghệ nhỏ tuổi quay quần bên Ông. Thời chưa mở cửa, mỗi ngày gặp gỡ là những lần chung đụng những tàn phai của quá khứ, tâm sự cho qua ngày tháng bên những chai bia lên men con cộp, cười đùa thăm viếng trong mọi vấn đề cần hỏi, rồi theo gót buổi chiều sắp băng lãng hoàng

hôn, chìa tay đóng góp trả quán ra về, không quên hẹn lại ngày mai... Nguyễn Thụy Long vẫn cung cách trang trọng lịch lãm, nhưng anh em đều hiểu rõ sự cơ cực phủ đầy trên nếp áo. Ngoài căn bệnh huyết áp cao, Nguyễn Thụy Long còn tiểu đường nặng với nhiều di chứng. Hình như, cũng vài lần Nguyễn Thụy Long đương đầu với triệu chứng tai biến mạch máu não. Nhưng mỗi lần thù tạc, anh em khuyên uống ít thôi, thì Ông cười ngó tôi có thấy thuốc lo gì? Tâm trạng hình như Ông thích gập gở bằng hữu để giải tỏa những bức bách trong lòng, mọi bệnh trạng khắc nghiệt như thế nhưng Nguyễn Thụy Long vẫn trầm tĩnh như không còn thời giờ ngó ngang tới.

Khoảng hơn 15 năm gác bút, mười năm kế tiếp (1991-2001) Nguyễn Thụy

Long viết được thêm 4 tác phẩm: Nửa Đời Đối Bóng (1991), Viết Trên Gác Bút (1999), Giữa Đêm Trường (2000), Người Xây Lò (2001). Bước qua thiên niên kỷ mới, Nguyễn Thụy Long viết lại hồi ký và tác phẩm Thìn Ma (2007), Ông tâm đắc trong quyển Hồi ức 40 Năm Cầm Bút và Hồi Ký Thuở Mơ Làm Văn Sĩ. Trong cuộc sống khắc nghiệt cơ cực, nên trong Hồi ức 40 Năm Cầm Bút, Nguyễn Thụy Long trần tình mình không bao giờ giấu diếm những thói hư tật xấu, nên viết thật như đã sống thật với cuộc đời, với vinh nhục xấp lổp trong cuộc sống, nhưng vẫn thản nhiên phó mặc những vui dập trôi nổi chung quanh. Chính vậy, nhân vật của nhà văn Nguyễn Thụy Long thường nhẵn nhụi, chịu đựng những nghịch cảnh, nhân ái và độ lượng.

Năm 2009, Ông dồn hết tâm huyết cho bộ bản thảo Mả Động, dự trù khoảng 4000 trang, nhưng đến khi nhắm mắt lìa đời, Mả Động mới viết được hơn 1000 trang.

Nguyễn Thụy Long để lại, ngoài dang dở của bộ tác phẩm Mả Động còn hơn trăm truyện ngắn, (nằm u buồn vất vưởng giữa thế gian !!!....)

NGÔ NGUYỄN NGHIÊM
Viết tại Thư trang Quang Hạnh
Cuối Đông/2012

<https://luanhoan.net/gocchung2013/html/bm%2025-10-2013%2018.htm>

TỰA

VIẾT HỒI KÝ MÀ VIẾT TỰA, vô duyên quá phải không, nhất là tự mình viết cho mình. Nhưng tôi thấy có những lời cần được thừa thốt trước khi độc giả mở vào những trang hồi ký của tôi.

Cái tựa đặt cho “Hồi ký viết trên GÁC BÚT”. Cái tựa đã láo lại có điều xác xược. Gác bút hiểu theo nghĩa đen hoặc nghĩa bóng đều được cả. Căn gác của một nhà văn, của thi nhân, của kẻ hàn sĩ để làm ra thơ, văn, nhạc, họa

cũng được hoặc tự gác cây bút lên giá, không viết nữa cũng xong.

Tập hồi ký của tôi cũng có thể mang cả hai ý nghĩa ấy: danh từ hay động từ, căn gác cũ ở căn nhà xưa của tôi ở ấp Đông Ba Gia Định. Nay là khu giải tỏa Rạch Miễu. Tôi đã ở đó từ hơn bốn chục năm nay, từ ngày khởi nghiệp viết văn làm báo tuổi còn trẻ măng, đến nay tôi đã là một lão già hơi lẩm cẩm, ưa giận hờn, cái kinh lo chuyện trời sập.

Nhà tôi thuộc khu giải tỏa, chắc chắn sẽ bị ủi sập, căn gác kia phải được kéo đổ. Vì lo chuyện trời sập mà sau nhiều năm gác bút nay tôi lại cầm bút lên viết hồi ký “trối gia” trên căn gác bút.

Cầm cây bút lên bây giờ nặng nề lắm, nhất là viết hồi ký. Hồi ký tất nhiên nằm trong một đời người. Đời tôi, một người viết văn, sống bằng nghề viết cả nửa đời người ở trên quê hương mình. Một đời cầm bút của tôi, tôi chưa hề viết nổi một truyện ngắn, truyện dài trữ tình nào. Cái chất trong văn chương của tôi từ xưa tới nay vẫn là những bão táp cuộc đời, đời sống. Nay viết hồi ký, hẳn nhiên là hồi ký của của tôi, đời tôi.

Tôi nhật ra những mẫu đời sống của mình hẳn nhiên chẳng mấy đẹp đẽ. Viết hồi ký, là sự thật, không thể hư cấu để đánh bóng cho đẹp đẽ, đọc lên nghe du dương cho tâm hồn bay bổng. Không có điều đó trong tập hồi ký này.

Tôi giới hạn tập hồi ký này từ năm 1975 đến hôm nay, cuối năm 1997.

Viết tất nhiên có người đọc đến bị ngộ nhận, tôi không muốn hồi ký của mình mang màu sắc chính trị. Ngộ nhận đến bị xuyên tạc không mấy xa. Tối hiểu điều đó, vẫn cố tránh khi viết. Để nói rõ hơn, tôi chỉ muốn nói đến con người, vấn đề nhân bản.

Trong đời sống và quanh bằng hữu, tốt xấu, đau khổ hay vui cười. Hoặc đau khổ quá mà bật ra tiếng cười. Từ xưa đến nay tính chất của tôi vẫn là từng từng trong đời sống. Theo chủ nghĩa Mackênô (tức là Mặc kệ nó). Muốn đến đâu thì đến.

Nói thế thì nói chứ, tôi vẫn còn có những ích kỷ một con người đang sinh tồn. Từ năm năm nay tôi vẫn lo cho căn nhà tôi bị giải tỏa, giải tỏa trắng toàn khu Rạch Miễu, ấp Đông Ba xưa

được coi là khu quy hoạch, nghĩa là nhà tôi sẽ bị giật sập, căn gác riêng tư của tôi bị kéo đổ. Nấn ná suy nghĩ mãi tôi mới quyết định viết hồi ký, để kỷ niệm nơi mình đã ngồi viết từ thuở đầu đời, theo đuổi nghiệp dĩ. Tôi cố gắng viết cho xong. Lắm cà lắm cảm tôi ngồi thâu đêm suốt sáng như thuở còn niên thiếu.

Buổi sáng buông bút tôi ngồi nghe tiếng chim hót sau vườn chùa Huê Nghiêm, uống ly trà lạnh để qua đêm rồi tập tễnh vào xóm rủ bạn già đi uống cà phê Chú Lì. Nói ba điều bốn chuyện với bạn lối xóm.

Cũng ở nơi này, tôi những đứa con của tôi đã ra đời, tôi đã làm nên nhiều tác phẩm, những nhân vật của tôi hoặc còn sống hoặc đã chết. Ngôi mã đá xưa

cũ kia, tôi đã chẳng từng hư cấu thành một truyện dã sử đó sao. Ngày loạn quân Lê Văn Khôi nổi dậy chống sự hà khắc của triều đình.

Tôi muốn yên hưởng tuổi già. Tôi viết hồi ký. Nghề cầm bút tưởng là gác bút được, nay lại ngồi viết trên gác bút.

Những ngày tháng cuối năm trời trở lạnh, tin khí tượng cho biết có cơn bão thổi qua Việt Nam. Tin thủy văn báo nước dâng trên sông Tiền, sông Hậu ở đồng bằng sông Cửu Long. Đồng bào tôi phải làm nhà cao cảng chống lũ lụt. Mọi năm lũ lụt làm ngập úng bao nhiêu là lúa gạo, cuốn trôi nhà cửa, người và gia súc. Dân tôi gom góp cứu trợ, lá rách đùm lá nát. Vậy mà có những kẻ nỡ ăn cắp cả đồ cứu trợ của kẻ sắp chết đuối để làm giàu cho mình.

Điều đó không phải tôi nói mà báo đài nói.

Tôi nhâm nhi uống cà phê, vân vê những sợi râu bạc suy nghĩ chuyện đời. Bạn già lối xóm hỏi tại sao tôi lại cười khan. Tôi không trả lời.

Ông bạn già nói vu vơ, như uống rượu đế mà chẳng có đồ đưa cay.

CHƯƠNG 1

NGUỜI ĐẠI ÚY BỘ ĐỘI
TRẺ XEM ĐỒNG HỒ ĐEO
tay, ngẩng lên nói với tôi, ngồi đối diện
bàn làm việc của anh:

– Trời sáng rồi, như vậy là chúng ta
đã làm việc với nhau suốt một đêm.

Tôi vừa mệt mỏi vừa chán nản:

– Bây giờ ông bắt tôi chú?

Người đại úy trẻ, phường trưởng
phường Tân Định cười, lộ hàm răng
trắng bóng dưới ánh đèn

– Đứng ra theo lệnh và căn cứ vào
lời tố cáo của vợ anh, tôi có thể bắt giữ
anh để điều tra, vì bây giờ đang thời
gian quân quản. Quân đội được toàn
quyền để gìn giữ an ninh trật tự trong
thành phố. Nhưng thôi, sau một đêm
làm việc với anh, tôi hiểu, tôi tha anh.
Anh nên ra khỏi đây ngay và đi khỏi
khu phố này, như thế tốt hơn. Tôi
không còn trách nhiệm về anh nữa.

– Vợ con tôi?

Người đại úy trẻ nhìn thẳng vào
mặt tôi, có vẻ bức mình, gắt khề:

– Anh nhiều tình cảm và lắm cảm
quá, đúng là nhà văn, anh đã rõ vợ anh

cạn tàu ráo máng với anh rồi mà. Đi ngay đi kéo hồi không kịp.

Tôi vẫn còn ảm ức:

– Đã đành, nhưng còn hai đứa con gái nhỏ của tôi...

Người đại úy nhún vai trả lời:

– Can đảm lên, một việc làm cuối cùng tôi giúp được anh là cắt tên anh khỏi sổ gia đình để anh về một nơi khác. Chẳng hạn nhà mẹ anh đang ở, như anh đã nói với tôi hồi đêm. Bây giờ tôi viết cho anh tờ giấy, đóng mộc ký tên về trình diện địa phương. Mẹ anh không lẽ không lo cho anh vào nhà.

– Vâng, tôi xin nghe lời ông, cảm ơn đại úy.

Tôi gấp gọn tờ giấy bỏ túi, ra khỏi phòng quân quản. Trời đã sáng rõ, tôi ngược mặt nhìn trời buổi sớm mai. Những con chim én đan đường bay ngang dọc trên trời thành phố.

Bây giờ là những ngày đầu giải phóng. Tháng đầu tiên hay tháng thứ hai gì đó. Tôi chẳng còn để ý gì đến thời gian. Một đời sống lao đao của tất cả mọi người thị dân trong thành phố. Những người như tôi, bỗng dưng mất việc làm, bỗng dưng hẫng hụt hoặc quy ngã. Nếu mình không còn can đảm chịu đựng vết thương này, mình cũng quy ngã luôn không bao giờ đứng dậy được nữa.

Không, không thể như thế được, còn hai con gái của bố. Các con còn nhỏ quá. Vợ tôi sao nàng lại nỡ tệ hại với

tôi quá thế này. Trong hoàn cảnh này nhiều đôi vợ chồng có sự rạn nứt với nhau từ trước còn cố hàn gắn để cùng lo cho những đứa con, lo cho tương lai gia đình. Tôi không ở vào trong trường hợp ấy mà chỉ có sự tệ hại ném vào mặt, sự rửa xả cay nghiệt. Tôi là người chồng sa cơ nhận thêm cái đập ân huệ.

Tôi lần thẩn nói và lần thẩn nghĩ ngợi, chẳng biết ma đưa lối quỷ dẫn đường tôi lại đi qua nhà mình. Cửa sắt đóng im ỉm. Trời còn sớm quá. Nhưng tôi biết rõ trong căn nhà ấy không có con tôi nằm ngủ, chúng đã bị tổng khử đi đâu mà tôi không biết. Căn nhà giờ đây chỉ có vợ tôi cùng đám bà con anh em tập kết trở về.

Ngôi nhà này và những đồ đạc đối với họ quá tiện nghi và quý giá. Một

đời họ chưa từng thấy, được thụ hưởng. Họ bám lấy những thứ chiến lợi phẩm, khi họ là kẻ chiến thắng. Riêng tôi đau thất ruột. Tôi đã mất tất cả, tay trắng trần truồng như thuở sơ sinh.

“Tôi không hề biết vợ tôi là con cái liệt sĩ, cũng không biết bà ta có anh em bà con với rất nhiều người cách mạng. Ngày tôi lấy vợ, tôi chỉ biết nàng mồ côi, mẹ nàng bệnh chết, hiểu sâu sa thêm chút nữa thì bố nàng bị Tây giết...”

Tôi đã khai với người đại ủy phường trưởng hồi đêm như thế.

“Sau ngày giải phóng, dép râu và mũ cối vào đầy nhà, tất cả những người đó đều là bà con cật ruột với vợ tôi. Họ nói sẵn sàng mở rộng vòng tay cứu vớt những người bà con ở miền Nam lầm

đường lạc lối, họ xâm nhập vào gia đình, xía vào tất cả mọi chuyện riêng tư, sẵn sàng đấu tranh và căm thù thay cho người khác.

Đó là điều cấm kỵ từ trước đến nay không hề có và không thể có được ở miền Nam. Nhưng bây giờ là sự đương nhiên bị áp đặt gọi là tình nghĩa được khoác cho cái từ là đạo đức cách mạng.

Một cậu em họ vợ tôi nằm ăn dầm ở đề nhà tôi “tự nhiên như người Hà Nội”. Nghiên cứu, ghi chép cả một tủ sách vĩ đại trong nhà. Trong đó có cả mấy chục tác phẩm của tôi đã xuất bản và của bạn bè đồng nghiệp viết trong nhiều năm. Cậu ta nói, cậu là người tập tành làm văn hóa cần nghiên cứu làm luận án tiến sĩ văn hóa miền Nam thời tạm chiếm.

Ngày nhà nước phát động phong trào diệt văn hóa đồi trụy, phản động, tử sách nhà tôi bị dọn sạch, lớp bị lấy đi. Lớp bị thiêu hủy. Chiến dịch ấy vẫn chưa chấm dứt.

Sau này một số tác phẩm của của tôi và bạn bè thấy trưng bày chung với súng đạn, xe tăng, máy chém ở nhà trưng bày Tội Ác Mỹ Ngụy.

Cũng thời gian đó, đại tác phẩm “Vạch mặt những tên biệt kích văn nghệ”, luận án dọn thi bằng luận án tiến sĩ của cậu em vợ tôi ra đời. Trong đó có nhiều tác phẩm mang tên tôi và bạn bè làm nghề viết văn ở miền Nam. Tác phẩm bị mổ xẻ, vạch vòi, thẩm tra và giống như lời lấy khẩu cung tội phạm. Ngài tiến sĩ được phong vị giáo sư. Đơn giản thế thôi, như một quả đạn pháo

kích rơi nổ vào giữa đám máu thịt bấy hầy.

Chiều hôm qua tại căn nhà của tôi, bên họ họp đại gia đình cách mạng để xử tôi về tội ăn cắp tiền bạc. Hai đứa con tôi không biết được mang đi đâu để tránh nhục nhã vì bố. Ngoài vụ xử tôi về tội trộm cắp tài sản, tiền bạc còn kèm theo lá đơn ly dị, mà tôi phải ký tên chấp thuận để người thân của họ thoát khỏi “nanh vuốt” thẳng chống Ngụy khốn kiếp, phản động.

Những chiếc dép râu đầy nhà, họ ngồi chồm hổm ngay trên ghế salon của tôi. Mồm bà chị ruột của vợ tôi lúc thì bô lô ba loa, khi thì như thổi kèn xung phong, động viên em gái:

– Dũng cảm lên em, không thể như thế này được. Chị biết em đã phải sống bao nhiêu năm trong nanh vuốt gia đình kiểu này. Bây giờ là lúc em được giải phóng, đừng khóc em. Tội nghiệp em gái tôi quá đau khổ. Dũng cảm lên! Hãy dũng cảm lên!

Tôi nghe tiếng “sát” vang lên trong đầu mình. Đang đau khổ, suýt nữa tôi bật phì cười. Cuối cùng tôi cũng nói được mấy câu:

– Tôi rất ngạc nhiên vì tôi bị khép tội ăn cắp tài sản của chính tôi tạo ra. Tôi cư ngụ bất hợp pháp trên căn nhà tôi làm chủ. Tại sao tôi phải xa lìa những đứa con tôi, chúng không tội tình gì. Tôi không ký gì hết.

– Ngoan cố.

Buổi tối tôi bị đưa ra phòng quân quản phân xử tiếp. Người đại úy quân quản trẻ có quyền tiền trạm hậu tấu ngồi nghe và xử tôi suốt đêm. Anh ta dễ chịu nghe tôi kể lại hoàn cảnh của mình. Anh bị tôi khuấy phục chăng? Không, tôi nhận thấy anh vẫn là một con người biết nghe lý phải trái, một chiến sĩ thẳng thắn, kiên cường, có lý tưởng rõ ràng phân minh. Biết mình đang làm gì. Quyết định cuối cùng trong quyền hạn của anh ta là thả tôi khi trời rạng đông. Tôi nhớ câu cuối cùng của anh:

– Chuyện như thế này xảy ra ở Hà Nội nhiều lắm hồi năm tư (54).

Hồi Ký Viết Trên «Gác Bút» Trời sáng rõ, đèn đường tắt. Cờ bay đỏ phấp phới. Những khẩu hiệu chiến thắng

giăng mắc đầy đường, tường nhà, phố chợ. Những em nhỏ mang băng tay đỏ, áo bà ba, “mốt” mang dép râu, nôi vòng tay lớn nhảy múa bập bẹ hát hồng rồi làm lại trật tự lòng lề đường. Không còn bóng dáng những tà áo dài trắng nữ sinh tha thướt nữa. Một số em khác nỗ lực truy tìm văn hóa đôi trụ. Đám trẻ xộc vào nhà người ta khuân ra ngoài lề đường từng đồng sách báo. Nồi lửa đốt khói lên ngút trời.

Một ông lớn tuổi đầu hói mang kính cận dây cộm chạy ra la giăng lại cuốn sách đóng bìa da to vĩ đại:

– Các cháu ơi cho bác xin, đây là quyển Bách Khoa Từ điển tiếng Tây. Không phải văn hóa đôi trụ.

Chú nhóc miệng còn hôi sữa giăng

lại cuốn sách, ném luôn vào thùng phuy đang bốc lửa:

– Đốt hết, đốt hết, sách là đốt. Lệnh trên như vậy.

Ông già ôm mặt khóc bên lề đường. Tôi quay mặt nhìn đi chỗ khác, tôi biết ông cụ. Giáo sư đại học luật, Vũ Đăng Dung. Tiến sĩ luật công pháp quốc tế. Ông cụ ở đường bên cạnh nhà tôi, đường Đinh Công Tráng, con đường nổi tiếng bán bánh xèo.

Bây giờ tôi đi đâu? Về đâu? Không cần biết, hãy cứ rong chơi một ngày trước khi về với mẹ, nơi trú ẩn cuối cùng. Tôi có độc nhất bộ quần áo mặc trên người. Một đôi dép Nhật dưới chân. Tôi cuốc bộ trên rác rưởi, tro tàn của những đồng sách bị thiêu hủy,

giữa chợ trời bày bán những tàn dư Mỹ Ngụy.

Những con người bị ném ra ngoài lề đường bất đắc dĩ. Những hàng quán cà phê rớt những mặt thị dân, giữa đồ cổ, khẩu hiệu và những tiếng đồng chí. Những chiếc xe Molotova chở đầy bộ đội võ trang. Đến ngày hôm nay thì xe đạp chạy nhiều hơn trong thành phố. Thành phố như mở hội, hội hổ lốn, như những đồ ăn thừa sau ngày giỗ tết nấu tổng hợp trong một cái nồi đồng móp méo.

Nóc tháp chuông nhà thờ Tân Định cao vút, cây thánh giá mảnh mai vẫn vươn lên trời cao, một cụm mây trắng trôi qua, cây thánh giá như cố níu lấy đám mây, nhưng mây vẫn vô tình trôi đi.

Trước cửa trường Thiên Phước bên cạnh nhà thờ, một xe nước mía đang ép. Bà sơ gậy còm đánh đu trên bánh xe quay ép mía. Bà ta mặc áo cánh, quần thâm, nhưng trên đầu vẫn còn chít cái khăn nữ tu sĩ màu xám. Trước đây ngôi trường này nuôi dạy trẻ mồ côi do giáo hội và cơ quan Caritas đồng tài trợ. Không biết bây giờ thế nào. Nhưng tôi vẫn nghe tiếng trẻ nhỏ reo cười sau bức tường cao. Hàng phượng vĩ vẫn nở hoa đỏ thắm trong sân trường.

Trời đã vào hè. Ôi hai con gái yêu của bố. Bây giờ các con ở đâu? Từ Quyên? Lộng Ngọc?

Nắng đã lên, tôi đi về phía mặt trời mọc, bóng tôi đổ dài trên lề đường. Rạp chiếu bóng viết quảng cáo phim: “Năm người từ trên trời rơi xuống”. Rạp hát

mở nhạc từng bừng nhưng vẫn vắng hoe. Tôi thấy có “Ba người tù trong rạp đi ra”. Những phim chiếu có tính cách tuyên truyền. Nhạc mời gọi khách xem hát cũng có tính cách tuyên truyền. Rạp hát nào cũng vậy cả. Tôi nghe lẫn trong những âm thanh có tiếng loa phóng thanh, tiếng chửi bởi bọn văn Ngụy bồi bút, biệt kích có cả tên tôi ở phía đầu đường nhà tôi.

Hắn là có nhiều người hài lòng, trong đó có vợ tôi và những người họ hàng nhà vợ. Riêng tôi thì trơ trẽn, chẳng buồn gì cả mà nghĩ là mình được phong thánh. Một hôm Duyên Anh nói với tôi con anh ta đi học bị bạn bè chửi lên đầu vì là con thằng nhà văn Ngụy tên là Duyên Anh. Nó khóc vì bị nhục. Duyên Anh khuyên con nên chửi bố nó nhiều hơn, vì chính nó đủ tư cách

nhất chửi bố. Tôi thua Duyên Anh một điểm. Tính nó thế đấy, chuyện gì cũng bốn cột được.

Trên khắp các ngã đường vẫn có những anh bộ đội đứng gác. Họ sẵn sàng can thiệp ngay khi có sự cố, bất cứ qua hình thức nào. Họ coi hiền lành, nhưng cũng dữ dội, cương quyết khi ra tay. Ấy vậy mà nhiều chuyện vẫn cứ xảy ra, có kẻ đói, chán đời, không thiết sống. Làm ra một vụ cướp giật, hành hung ai đó để lãnh đạn chơi. Liều lĩnh một cách vô thức như con thiêu thân. Bộ đội đứng gác mặc quân phục xanh vải Nam Định, đội mũ cối, mang dép râu, có người đội mũ tai bèo. Cánh tay mang băng đỏ, họ có nhiệm vụ giữ gìn an ninh trật tự cho thành phố Sài Gòn nay mang tên Bác.

Tôi bỗng rùng mình khi nghĩ đến suốt đêm qua khi mình đã đối diện trước một người có súng đạn và đầy quyền lực. Tôi chỉ có duy nhất may mắn là đã ngồi trước một con người. Những bước chân mệt mỏi của tôi trở nên mệt mỏi, lao đao, chệnh choạng.

– Ép! Ép! Ép!

Một chiếc xe đạp sau lưng thúc vào đít làm tôi ngã lăn kên. Đà té làm tôi xô vào một người, văng cả kính trắng. Anh ta đỡ tôi, nhặt cái kính trắng đưa lại cho tôi. Người đi xe đạp dựng tôi nhảy xuống, anh ta mặc áo ca rô đỏ, quần tây sần móng lợn, đeo kính râm màu xanh ve chai, đầu đội mũ cối và đi dép râu. Anh ta sùng sộ:

– Đi đâu vô ý thế, mắt để đâu, tai đâu, người ta đã ếp ếp mà không biết đường tránh, ông chệt cho thì “củ tỏi”. Thật “nà!”...

Tôi quay sang nhìn người lạ bằng đôi mắt vừa mệt mỏi, vừa quái dị. Người lạ càng sùng sộ:

– “Nại” còn giương mắt “nên” mà nhìn sao, ông “nại” nã cho một viên bây giờ. Rõ thật “nà” không còn biết thế nào “nà” văn minh văn hóa nữa.

Người đỡ tôi cười, chỉ tôi:

– Xin lỗi đồng chí, đây là người quen của tôi có bệnh câm điếc, mù dở nên không biết. Đồng chí tha lỗi cho...

– Ai đồng chí với nhà anh, thôi được, nếu thế thì ông tha cho.

Anh ta đứng một chân lên pê đan xe đạp, đẩy xe chạy có đà rồi nhún người nhảy vọt lên yên xe đạp đi. Miệng kêu ếp ếp cùng đường.

Tôi đeo lại cái kính trắng. Tôi nhận ra người đỡ mình là người quen, đang cười rũ rượi coi rất khỉ:

- Sao Biển đó phải không?
- Chính ta đây, sao mà gây quá vậy?
- Mà cũng vậy, hình như tất cả chúng ta gây đi rất nhiều. Tao tưởng mà đã đi trước ngày 30 tháng 4 rồi.
- Gia đình tao đông quá, không một tàu di tản nào chứa hết. Nhưng thôi, không quan trọng. Buổi sáng đẹp thế này chúng ta nên đi uống cà phê.

Đầu đường kia là quán cà phê của em ca sĩ Nao Nao mới mở, mình đến uống ủng hộ.

Sao Biển là người bạn làm báo với tôi, bây giờ anh chung phận thất nghiệp với tôi. Nhà anh ở đường Lý Trần Quán, gần nhà tôi. Tôi hỏi Sao Biển:

– Cái xe vespa của mày đâu rồi?

– Tao cũng muốn hỏi mày cái xe hơi hiệu Austin của mày đâu? Mày cũng có cái Vespa, Honda, Mobylette và xế guồng hiệu Lucia nữa kia mà.

Tôi không trả lời vì không thể trả lời được. Sao Biển tiếp:

– Tao phải bán dần đồ nhà đi ăn, vợ con tao đông quá, hôm qua tao bán cái radio chưa lấy tiền, còn gửi thẳng

Đàm ngồi chợ trời ngoài kia. Hôm nay tao bán cái đèn pin, hai cục pin của ta hết điện nên nó chê. Đi uống cà phê đã, tao còn mấy điều thuốc lá Quân Tiếp Vụ, thuốc mốc rồi nhưng vẫn “phê” ra phết. Sau đó tao có cái hẹn với một thằng Tàu bụng bự bán con Bokassa. Cú áp phe này trúng là tao ăn lớn.

– Mà bán chó à?

Sao Biển trợn mắt:

– Sao lại chó, con Bokassa nhà tao mà không biết sao, con nhỏ lai Phi châu, Sénégalaise ấy mà, con nuôi của bà mẹ vợ tao. Bán được nó là món lời lớn, nó là con lai nên được coi là ngoại kiều. Thằng Ba Tàu làm hôn thú với nó thì được theo vợ ra nước ngoài. Mà không biết dịch vụ béo bở ấy sao, bây

giờ đang nở rộ, tao có cây nhà lá vườn
tội gì không đem bán...

Tôi nhớ ra con nhỏ lai da đen ở
nhà Sao Biển. Mà hẳn ta phong cho cái
tên nghe rất kêu là công chúa Bokassa,
con gái hoàng đế Bokassa ở Phi châu,
xứ giàu kim cương hồng ngọc nhất thế
giới. Tôi nói:

– Mà ác quá, tao biết con ấy có
thằng nhân tình là Minh Sọ mà...

– Chính là tao làm chuyện phúc
đức. Thằng Minh Sọ bị bệnh điên nằm
nhà thương rồi, con Bokassa phải cứu
bồ, nó làm hôn thú với thằng Ba Tàu
lấy tiền để cứu bồ nó. Tình nghĩa ghê
đi ấy chứ, tao phải thuyết phục mãi đấy.
Dĩ nhiên là ta có ăn hoa hồng. Không
có thì cả hai đứa chết chùm.

Quái gở, thằng cha này luôn luôn có người đòn chơi rất lạ ít thấy trên cõi đời ô trọc này. Tôi vui lây với bạn:

– Cảm động như nàng Kiều của Nguyễn Du.

– Mà có thể viết tiểu thuyết được đó, lấy được rất nhiều nước mắt...

– Còn viết lách mẹ gì nữa, mà không thấy tao bị chửi đó sao. Cái loa ở ngay đầu đường nhà mà.

– Dững cảm lên, mà đang được phong thánh.

Ý nghĩ đều cái ấy sao giống tôi thế. Phải có một sự thần giao cách cảm theo khoa học huyền bí. Thì ra hai thằng tôi cùng môn phái.

Quán cà phê của em gái ca sĩ Nao Nao ở góc đường, chông trơ vài chiếc bàn và mười cái ghế đầu, che bạt nilông xanh đỏ. Quán mang tên là “Cõi Tạm”. Em gái Nao Nao vẫn son phấn, mặc quần ống loe, áo hoa tay bông. Em cười toe toét mời chào:

– Mời hai anh vào uống cà phê, kìa có cả đàn anh nhà văn Thụy Long.

Miệng Sao Biển tía lia:

– Cho anh hai anh hai cà phê đen đặc biệt, nhớ đừng pha cà phê bắp rang.

– Được thôi, nhưng bán cà phê thôi chứ không cho.

– Biết rồi, anh mà xin em thì xin cho đáng chứ lý cà phê đáng vào đâu.

Em ca sĩ Nao Nao háy mắt:

- Xin gì nào?
- Một quả văn nghệ thôi.
- Nỡm, chết vì cái mồm bây giờ.
- Thằng chồng sĩ quan của em đi học tập rồi phải không?
- Ảnh mới đi trình diện mấy ngày hôm nay, các anh là may mắn thôi.

Mùi cà phê bốc khói thơm, phin chảy chậm. Nao Nao mang ra thêm một đĩa thuốc lá thơm tặng cho tôi:

- Em tặng anh hút cho thơm râu.

Sao Biển la lên:

- Còn anh nữa, sao em lại có của ngon vật lạ thế này, em bên trọng bên khinh rồi.

Tôi châm điếu thuốc, nói với Sao Biển:

– Mình hút chung điếu thuốc này được rồi, cảm ơn em gái.

Nao Nao nói chũ:

– Còn một điếu hôm trước em tiễn chồng lên đường, tụi em vào nhà hàng quốc doanh Continental uống cà phê sữa mới mua kèm được bốn điếu thuốc. Em buồn nên đốt hết ba điếu rồi. Chồng em hẹn một tháng sau sẽ về, như hạ sĩ quan chỉ ba ngày.

Nhưng sau này tôi biết, cái hẹn đó đã kéo dài nhiều năm tháng, mười mười lăm năm là chuyện thường. Bao nhiêu gia đình. Bao nhiêu cặp vợ chồng tan nát vì thời gian. Như người anh hùng Ulysse trong thần thoại Hy

Lạc đã lạc đường về... suýt nữa thì bị quên lãng theo thời gian nếu không có thi sĩ Homère cất lên lời ca huyền thoại thành Troise.

Chất khói và hương cà phê đê mê.

Quán Cối Tạm có thêm vài người khách. Chợ trời bày bán đầy lễ đường. Một anh chàng cầm chiếc đồng hồ đeo tay nhá nhá mấy khách cán bộ, bộ đội đi qua.

– Đồng hồ tối tân, biết bơi, mười hai trụ đèn, không người lái, hai cửa sổ. Xem hàng đi đồng chí. Cái đồng hồ này đáng giá cả một gia tài, nhưng bây giờ chỉ bán ủng hộ, giá rẻ mạt. Cứ trả giá, thuận mua vừa bán. Có lời chúc mừng đồng chí nào làm chủ gia tài này.

Tôi quay lại hỏi ca sĩ Nao Nao cho có chuyện:

– Em không đi hát nữa sao?

Cô ca sĩ cười:

– Ai cho hát, những ca sĩ Hà Nội vào người ta hú chứ có phải hát đâu. Em thì không biết hú. Em nghe nói chị Thái Thanh đi bán xôi ở vườn hoa Công Lý, anh Hoài Bắc đi bán đồng hồ, đài ở chợ trời Sài Gòn. Thế là cả ban hợp ca Thăng Long xuống đường. Tất cả chúng ta đều phải xuống đường kiếm sống. Người ta nói các nhà giáo bây giờ “mất dạy” nên “vô lương”. Các văn nghệ sĩ như các anh sẽ ra sao?

Tôi chép miệng đùa:

– Em có nhìn thấy những đồng sách báo bị đốt kia không? Có lẽ các anh sẽ cháy theo luôn. Người anh mới ngún khói, chưa bốc lửa, chỉ cần thêm một giọt dầu, vèo... thế là xong.

Câu nói rơi rớt lại nỗi buồn. Sao Biển đánh tan ngay nỗi buồn ấy bằng câu pha trò:

– Này em gái, bỏ ngay cái quần ống loe đi nhé, bị bắt đấy.

– Anh chỉ nói tầm bậy!

– Không tầm bậy đâu, anh thề, chuyện mới xảy ra ở Cầu Kiệu chiều hôm qua thôi.

Mọi người ngóng ngóng nghe, kể cả khách mới vào quán. Giọng Sao Biển như thật:

– Chiều hôm ở dốc cầu Kiệu sang Phú Nhuận, có một cô bé mặc quần ống loe màu tím đi qua cầu. Một tổ bảo vệ văn minh văn hóa đứng gác ở đầu cầu chặn cô bé lại, cô bé được “giáo dục” cẩn thận. Cuối cùng là bị xử phạt nghiêm khắc.

Sao Biển ngưng kể nhìn mọi người. Tất cả đều chăm chú, anh tiếp:

– Một người cầm sẵn cái kéo, kê vào ống quần xẻ một đường dọc lên tận háng cô ta, và ống quần bên kia cũng bị như vậy.

Mọi người ồ lên một tiếng. Sao Biển tỉnh queo kể tiếp:

– Cô gái đứng im, mặt bình tĩnh dễ sợ, xong xuôi cô ta hỏi một câu: “Xong chưa?” – “Rồi cho mà nhớ đời nhé”.

Người con gái nói: “Nhớ chú, coi này, nhà anh cũng phải nhớ luôn!”. Người con gái tụt ngay quần ra chòng vào đầu anh cầm kéo: “Tất cả chúng mày phải nhớ hết”. Bây giờ cô gái cởi truồng nong nong đi xuống dốc cầu. Nói là cởi truồng thì hơi quá đáng, chỉ còn trần xì một cái quần lót. Tôi từng nổi tiếng là thẳng phét lác, nhưng chuyện này ai muốn tin thì tin, không tin thì thôi. Sợ bị văng miếng thì đi chỗ khác chơi, nhớ trả tiền cho em gái Nao Nao rồi hãy đi. Mình lá rách đùm lá nát mí nhau.

Em gái Nao Nao cười bò lăn, em nói:

– Em chẳng tin đâu, nhưng buồn cười quá!

Mọi người vừa buồn cười vừa bàn tán chuyện thật giả. Tôi cho là hẳn ta ngựa nghề nhật tin “xe cán chó, chó cán xe”.

Em gái Nao Nao cũng ngựa nghề vừa pha cà phê vừa cất tiếng hát. Em hát bài: “Nếu em không là người yêu của lính”. Bản nhạc sống không micro như ở sàn nhảy, nhà hàng hay sân khấu ngày nào, dĩ nhiên không cả kỹ thuật âm thanh cũng làm cho khách uống cà phê buồn gục mặt.

Ngoài đường vỉa hè có một anh chụp hình rong mồm oang oang tán một anh cán bộ. Đúng là anh cán bộ chệt xe tôi hồi sáng:

– Chụp một tấm ảnh đi đồng chí, chụp ảnh lấy liền sau ba mươi giây

bằng máy ảnh tối tân khoa học có tên là Polaroid. Ba mươi giây xong một tấm ảnh in bằng giấy ảnh Liên Xô vĩ đại, cỡ 9x12, chỉ còn một ít phim đặc biệt, chụp ngay đi kéo hết. Xem nào, tôi là nhà điện ảnh lớn tốt nghiệp Tiệp Khắc, có thể đạo diễn cho đồng chí chụp cả bộ “Đạp – Đồng – Đài”.

Anh cán bộ Ép Ép hét lên:

– Nghĩa “nà” thế “lào”?

– Dạ nghĩa là chụp cho đồng chí đủ bộ, trong ảnh có cả hình xe đạp, đồng hồ đeo tay, đài nghe phát thanh đeo ở bên nách. Chụp đi đồng chí gửi về Hà Nội làm kỷ niệm, đồng chí đi giải phóng miền Nam giàu sang thế đấy.

– Bao lâu thì lấy ảnh được?

– Chỉ ba mươi giây như tôi đã cam kết.

– Nói “náo”, “nàm” như người ta không biết gì cả, cả đời không nhìn thấy cái máy chụp ảnh. Nay đừng có bịp thằng này, Hà Nội thiếu gì máy ảnh.

– Tôi nói thật mà đồng chí, nếu nói láo thì cứ bắn tôi đi.

– Thôi được, “náo” thì nhà anh chết. Phải có ảnh mới giả tiền.

– Một ngàn đồng Ngụy một tấm.

– Tiền bao nhiêu cũng được, tao mới đổi tiền Hà Nội được một mớ. Một cái ảnh một đồng bạc chứ mấy, đáng nhẽ ra chỉ một vài hào thôi. Thôi được, “giai Hà Nội” hào hoa phong nhã mà...

Sao Biển bùng miệng cười:

– Mẹ kiếp, nó nói “giai Hà Nội” mà ngọng lúu tùu tiu...

Tôi vui lây với cái vui của bạn:

– Tao cảm điếc, mủ giở nên chả biết gì hết.

Sao Biển vừa uống cà phê vừa quan sát anh thợ ảnh đạo diễn cho anh cán bộ “ép ép” chụp pô hình “đạp–đồng–đài”. Anh thợ ảnh miệng tía lia:

– Được rồi, xe đạp dựng trước, vén bên tay áo đeo đồng lên, nghiêng người một chút cho nhìn rõ cái đài đeo bên mình, nhìn thẳng vào máy này, đứng nghiêm trang như thế... Tươi lên nào! Toét miệng cười toe đi... Xong rồi.

Máy bấm tách một cái. Anh thợ chụp ảnh nhảy ngay vào, giấu người

sau gốc cây rút tấm hình trong máy ra, nhưng anh ta không đưa ngay cho khách hàng:

– Xong rồi, đẹp lắm!

Anh cán bộ đưa tay ra:

– Đưa xem nào?

– Đưa tiền đây thì đưa ảnh, tiền trao cháo múc!

– Ô hay “nàm” gì mà “chắc nẹp” thế, đẹp thì trả tiền “niền”.

Anh thợ chụp hình xua tay:

– Không đưa, đưa tiền đã, đây là vấn đề nghệ thuật, không phải hàng tôm hang cá. Anh xem rồi lại làm bộ chê ỏng chê eo rồi đòi bớt xén thì sao.

Anh cán bộ đành xì tiền ra, anh ta cầm lấy tấm hình, mấy người tò mò ghé mắt xem trộm trồ khen đẹp mà oai ghê. Anh cán bộ còn chê:

– Chưa được, anh phó nhòm này, sao miệng tôi còn méo, thế “nà” nghiệp vụ anh chưa cao.

– Khó gì, chụp một pô nữa, tôi gò lại cái miệng cho. Tôi cứ tưởng đồng chí dung cái mõi che răng sún chứ.

– BỐ “náo”, Chụp “nại” cái khác. Chụp năm cái, tôi chỉ “nấy” một cái đẹp nhất. Trả tiền đủ, tôi là tay chơi ảnh mà.

– Xin chiều lòng quý khách, nào xin mời, đứng lại tư thế cũ.

Anh cán bộ kêu thất thanh:

– Ô hay, cái xe đạp của tôi đâu rồi?

Anh thợ ảnh cũng la lên:

– Người anh em nào đùa giai, đưa lại chiếc xế cho đồng chí cán bộ đi, để cán bộ còn chụp ảnh chứ. Ai thấy làm ơn mách bảo giùm.

Một người nói:

– Tôi vừa thấy một người dắt đi, tôi lại tưởng xe của anh ta...

Thôi đúng tên vô xế chính hiệu rồi.

Anh cán bộ rồi tỉnh lên, mặt như chàm đỏ:

– “Náo” thật, náo thật, quân này ăn cắp như ranh. Ông mà tóm được thì chết với ông, ai thấy nó chạy đường nào thì báo cáo đi.

Người chỉ đường này, kẻ chỉ đường kia cứ lú lù cả lên. Anh cán bộ đừng đừng nổi giận:

– Á à, chúng mày đồng “nõa” với nhau cả, che mắt ông để cướp tài sản của công dân “nương” thiện.

Anh ta móc mãi trong túi quần ra một vật bọc ni lông. Anh gỡ nhiều lần dây quấn. Lòi ra một cây súng. Sao Biển lòi tôi:

– Linh đi thôi, nó điên lên dám nổ bậy lắm.

Mọi người thấy anh cán bộ có súng đều tìm đường lui hết. Anh ở lại một mình la hét chửi bới Mỹ Ngụy và căn bã của nó còn sót lại một cách thật cô đơn.

Ở cuối đường đằng kia thằng ăn cắp xe đạp, đứng bán sang tay ngay cho một anh cán bộ khác có nhu cầu đi tậu xe. Anh đòi cái hóa đơn, có ngay người cung cấp, ghi luôn cả số sườn xe đạp. Bảo đảm không phải đồ gian.

Cuối cùng thì cả hai anh cán bộ gặp nhau. Hai anh cãi nhau rồi cùng xuất trình giấy tờ chủ quyền hợp pháp, cùng mang nhãn hiệu xe «de-lu-xe» (Deluxe). Chuyện này phải đưa ra bộ đội quân quản phân xử. Chẳng biết kết quả ra sao.

Tôi ghi nhận lại tất cả mọi hoạt cảnh thành phố những ngày đầu giải phóng. Thì ra mình vẫn đang làm việc. Một cuộc đi thực tế kéo dài hai mươi năm trời. Những tư liệu vô cùng quý giá.

Tôi đi lang thang suốt một ngày đến tối mới về nhà mẹ. Người đờm mùi rượu khó ngủ. Tôi đưa mẹ tờ giấy chuyển về địa phương. Bà cụ hỏi:

– Đã đành, nhưng còn ba con bé thì sao, cháu nội mẹ?

– Hiện giờ con không biết, nhưng con phải tìm ra chúng thôi.

Cả vài tháng sau tôi mới tìm ra chúng ở trong viện mồ côi do mấy bà sơ nuôi dạy. Tôi nghiệp các con tôi. Tôi nghiệp những đứa trẻ khác đồng cảnh ngộ... Nay viết lại hồi ký tôi còn thấy vị cay cay nước mắt mình. Tôi biết lòng mình vẫn nguyên vẹn như thuở nào...

CHƯƠNG 2

SAU NGÀY GIẢI PHÓNG
MIỀN NAM 30-4-1975, tôi trở
thành một kẻ thất nghiệp, chẳng phải
riêng tôi mà nhiều người, trong mọi
ngành mọi nghề. Nghề tôi đeo đuổi
bấy lâu nay là nghề viết văn làm báo.
Một nghề được coi là quá sức nặng nề
với chế độ mới. Chúng tôi được đánh
giá “cá mè một lứa” là tội làm bồi bút
cho chế độ cũ – NGUYỄN – Chế độ mới

tung ra một mẻ lưới vợ bắt, tôi và một số anh em rất ít lọt lưới.

May mắn đầu tiên đã tới, vậy thì phải sống thôi. Muốn được sống cần thiết nhất là phải có lương thực. Muốn có lương thực phải có công việc làm. Khó khăn lắm, thời buổi mới mẻ này có được công việc làm đâu phải dễ dàng. Phải có sự giới thiệu, phải có thân nhân làm cách mạng, phải có một lý lịch “sạch sẽ”. Điều này thì tôi lấy đâu ra, bạn tôi khuyên tôi nên đi xoay, xoay đàng trước ra đàng sau rồi xoay tua thôi. Tôi thua.

Tôi không thể nào giống như một vài anh em đồng nghiệp xoay ra một tờ giấy viết tay chữ như gà bới của một tay cách mạng nào đó chứng nhận anh ta là người đã từng giúp đỡ cách mạng,

thuở cách mạng còn nằm trong nôi. Tờ giấy được ép bao ni lông, xỏ dây đeo vào cổ như tấm bùa hộ mạng. Tôi chẳng thể nào có được tờ giấy quý giá ấy.

Một hôm tôi thất kinh hồn vía khi bước vào nhà của ký giả Người Thăng Long để uống rượu “quốc lủi” do anh cất. Người Thăng Long là người có nhiều bài viết chống cách mạng khét tiếng, khi anh vượt tuyến vào Nam sau di cư năm 1954. Bây giờ ở giữa nhà anh trang hoàng một bàn thờ tổ quốc. Cờ đỏ sao vàng, hình Bác, bên cạnh đó mũ cối và dép râu. Một tấm bằng khen GIA ĐÌNH VẺ VANG lồng kiếng 60x90 đập ngay vào mắt khách. Mãi tôi mới dám ngồi hỏi mua ly rượu giá một hào uống đỡ. Tôi nghĩ nhiều người nguy trang tài thật. Trong giới bạn bè đồng nghiệp tôi

cũng nhiều người tài. Họ biết xoay xở, không phải xoay đàng trước ra đàng sau như tôi mà xoay tít thò lò. Tôi tâm phục, khẩu phục rồi biển.

Tôi chán đời, bất mãn xằng và chớm trở thành kẻ nghiện rượu... Tôi có một triệu lý do để chán đời để nghiện rượu, để tự tàn phá đời mình, văng tục và chửi bậy. Tôi chẳng sợ ai và biết chẳng ai sợ mình. Tôi coi trời đất nhỏ như hạt cát. Tôi ngênh ngang trong một tâm hồn rách rưới, tiêu tụy. Tôi hiểu miếng ăn cái mặc khi đó quý giá là dường nào. Tôi phải đi tìm nó, dù ở chân trời góc biển nào.

Nhà văn nữ Lê Hằng thấy hoàn cảnh đói rách của tôi, chị hứa tìm cho một việc làm, dĩ nhiên là việc làm thì

có ngay, nhưng phải đi xa. Một công việc lao động, tôi chấp nhận.

Tổ hợp Việt Nam kỹ thuật của ngài cựu tài phiệt Nguyễn Văn Ngời. Công trình của ông Ngời rất to lớn, ông ta đang kiến thiết đất nước Tân Cà Mau, nhập tỉnh Bạc Liêu Cà Mau lại thành một tỉnh lấy tên chung là tỉnh Minh Hải. Các công trường ở khắp mọi nơi. Ngay cả thị xã Cà Mau, huyện Giá Rai, đê biển thị xã Bạc Liêu. Hàng ngàn công nhân năng nổ làm việc ngày đêm.

Thế là tôi được xuống Cà Mau, sau khi tôi đã phải viết một đề án công tác bảo vệ kho lẫm. Tôi được làm trưởng ban bảo vệ công trường. Nhà văn Thế Phong làm tổ trưởng thi công. Nhà văn Cung Tích Biền làm ban hành chánh. Chúng tôi được điều về huyện Giá Rai,

nơi ấy bắt đầu xây dựng một trại chăn nuôi heo. Tại sao lại toàn những nhà văn, nhà báo làm cái nghề này? Chúng tôi quen biết nhau cả, nếu không nói là thân nhau. Cùng cảnh khó khăn hết trong lúc đổi đời. Trên danh nghĩa là trưởng ban nọ trưởng ban kia. Thật ra là làm cu li.

Ông chủ nhiệm Nguyễn Văn Ngời với chúng tôi cũng chẳng phải ai xa lạ. Ông ta từng là người tài trợ cho nhật báo Sóng Thần cả bao nhiêu triệu đồng, khi tờ báo èo uột tưởng chết. Chúng tôi nhong nhong ở công trường Giá Rai, khuôn vác vài bao xi măng, vài ba cây củ tràm. Riêng tôi “có tài lái xe jeep. Nên công việc phụ của tôi là mỗi tuần lái xe về Sài Gòn. Chiếc xe tôi lái thuộc ty nông nghiệp tỉnh Minh Hải. Đi qua các trạm kiểm soát kinh tế để

dàng và chẳng bao giờ bị xét hỏi. Tôi không quên mang về cho gia đình thịt, mỡ, gạo trắng.

Nhân dân Sài Gòn lúc đó thêm những thứ này lắm, vì bị bóp mồm bóp miệng theo đúng đường lối kinh tế xã hội chủ nghĩa. Đói vêu mồm mà có ai dám kêu, dám xuống đường biểu tình đâu. Mỗi tuần tôi từ Cà Mau về thành phố Sài Gòn cứ y như là Việt kiều từ nước ngoài về thăm quê hương. Tôi tha hồ vênh vào khoác lác.

Cũng thời gian đó tôi tìm ra hai con từ trại mồ côi ra. Con gái tôi mút miếng thịt heo đến bã ra, con em nó ngậm miếng cơm trắng nhão thành bột mới dám nuốt. Ly nước mía bố cho uống thay cho kem, hai đứa con tôi uống nhắm tịt cả mắt. Chúng khen

ngon quá, cả đời nó chưa được uống nước mía bao giờ (!). Tôi ngăn người vì con tôi mới nứt mắt ra mà đã điều toa, nhưng tôi dần tức bực lại ngay, vì trước đây tôi có cho con tôi uống nước mía bao giờ đâu, tôi chỉ cho chúng uống nước cam nguyên chất ướp lạnh, ăn kem ba màu và sữa tươi nguyên chất, ăn kem Givral.

Để chuộc lại lỗi lầm của kẻ làm cha tôi lái xe đưa cháu ra rạp hát Moderne ở Tân Định xem phim “ Ba hạt dẻ cho cô bé lọ lem”. Mẹ tôi thì có quà là những dùm tôm khô, tôi mua ở Hồ Phòng Cà Mau, một can mỡ heo, tóp mỡ, nồi thịt kho và những hạt gạo trắng lóng lánh như những hạt ngọc. Vài chục bạc tiền lương để gia đình xây xài. Mẹ tôi có thể xúc vài lon gạo châu báu đó biểu bà con lối xóm để cụ được tăng phúc tăng thọ.

Mẹ hai đứa trẻ tôi không cần phải nói đến, vì bà là con cái cách mạng, con nhà nòi liệt sĩ. Đối với bà ta bây giờ tôi là người xa lạ hết thời, đơn giản vậy thôi. Đơn giản như cái sự đời...

Sài Gòn thiếu lương thực trầm trọng. Hiện là thời hoàng kim của của những nhân vật như bà Ba Thi, sếp sòng của ngành lúa gạo. Ai cũng phải nói đến tên và ai cũng phải ngưỡng mộ bà khi bà phải đứng xếp hàng mua lương thực nói chung mua gạo đồ tới nói riêng. Thuở Sài Gòn trong thời “gạo châu củi quế”. Đói, đầu gối phải bò, tôi là nhà văn nên tất là ngây thơ vô tội. Tôi chẳng có tí mảnh mung nào hết.

Buổi chiều ngày thứ sáu, các bạn tôi Thế Phong và Cung Tích Biển chạy nháo lên ra chợ Giá Rai mua vét thịt

cá, mỡ, gạo để “làm hàng” mang về Sài Gòn trao lại cho gia đình. Tôi không phải lo chuyện ấy vì hai người bạn tôi làm giùm. Tôi ngồi ở quán cà phê có tên là Nhớ, tán tỉnh cô Thủy, con gái chủ quán cho đỡ vãng cái bên “đĩ mồm”. Cô bé Thủy ngây thơ, mở cho tôi nghe băng nhạc có bài “Hà Nội niềm tin và hy vọng” rồi bài “Tiếng chày trên sóc Bo Bo”. Tôi tỏ ra hào sảng với nàng:

– Ngày mai anh về Sài Gòn, có về chơi thành phố không, anh có xe.

Thủy lưỡng lự lắc đầu:

– Nhưng em không có người quen ở thành phố!

– Về ở nhà anh!

– Trời, về với anh để vợ anh xé xác

em ra à? Thôi anh về một mình “ên” đi.

Thế là bể mánh. Gái quê mà cũng có cảnh giác cao. Tôi thử lại chiếc xe jeep một lần nữa trước khi về lán trại. Các bạn tôi lại bày ra một châu tiệc nhậu với đồ mỗi là một rổ tóp mỡ, mớ ba khía chiên giòn, lít rượu đế nếp, tôm nhúng nước dừa chấm muối chanh ớt. Đồ mỗi bắt đáo để. Sáng ngày mai tôi phải lên đường sớm nên bạn bè khuyên tôi nên uống rượu ít thôi. Tôi đi công tác, nhân tiện mang lương thực về thành phố cho gia đình bạn bè. Thế Phong nói với tôi:

– Mày mang can mỡ này về đưa cho vợ tao, có nôi thịt và ít gạo đấy. Tội nghiệp các con tao, có tí tiền lương tao gửi luôn, mẹ nó thẳng tài vụ đòi trừ lương tao, tao “bốc xê” nó thấy mẹ, đã

mang thân đi làm cu ly mà cũng không yên với chúng nó.

Cung Tích Biền gửi những thứ tương tự không quên dặn:

– Sau khi mày đưa “hàng” xong nhớ đưa thằng Kỳ nhà tao lên xe hơi đi chơi một vòng.

Tôi biết quá rõ thằng bé này mà nhớ cả cái ngày nó ra đời. Ôi kỷ niệm tuyệt vời và đáng thương làm sao. Tôi nhớ ngày hôm ấy là ngày 28 Tết, đường xá đông đảo, tôi lái xe hơi luồn lách mãi mới về đến trại gia binh Gò Vấp, nơi Cung Tích Biền ở. Cũng đêm đó trại bị pháo kích. Gia đình Biền vô sự.

Đương nhiên tôi phải thương phải quý các bạn tôi. Bây giờ chúng tôi đang ở bên nhau, cùng chung hoàn cảnh.

4 giờ 30 phút sáng tôi đã dậy, đồ đạc được xếp sẵn trên xe. Anh chủ nhiệm Nguyễn Văn Ngời đã chờ tôi. Anh đưa tôi ra trạm xăng, lấy đầy một phuy xăng như thường lệ chở theo. Anh nói câu cố hữu:

– Anh có thể bán xăng dọc đường lấy tiền làm công tác phí, miễn là đủ xăng để chạy về lại được Cà Mau chiều thứ hai. Anh phải hoàn thành công tác trong ngày chủ nhật. Này, tiện thể mang cái cặp này giao cho vợ tôi ở Bình Triệu. Cái này anh phải giữ luôn bên mình, không được rời và nhớ giao tận tay vợ tôi...

Một chiếc cặp samsonite xinh xinh mà cũng nặng nề. Tôi còn thắc mắc:

– Tôi nhớ là vợ anh ở Bạc Liêu cơ mà?

– Không phải, đó là bà hai của tôi.
Bà ở Bình Triệu là bà cả.

Tôi biết thêm về mình không phải là thằng tham lam lợi dụng vào lòng tin của kẻ khác để làm bậy.

Anh Nguyễn Văn Ngời mặc áo sơ mi trắng cụt tay, một cái quần kaki vải Nam Định, màu cứt ngựa, dép râu. Và tôi không biết anh làm cách nào lại có một cái mũ cối. Anh có chiếc xe hơi riêng và tài xế. Nhìn anh lúc này ra vẻ một cán bộ lớn, việc giao thiệp của anh rộng rãi, toàn là những vị cán bộ có tầm cỡ. Anh tới cơ quan nào cũng lọt. Tôi chỉ có thể kết luận về anh là một người khôn ngoan. Xứng danh là một tay tài phiệt chuyên làm ăn lớn và có lẽ chưa chịu dừng lại.

Năm giờ sáng tôi khởi hành từ Giá Rai. Nơi đó có những địa danh tên nghe thật vui. Tôi cũng chẳng hiểu tại sao lại có những tên ấy nữa. Tắc Vân, Hộ Phòng, Cây Gừa, cầu Nọc Ngang, Giá Rai, Ghềnh Hào... Ngay chính những nơi đó đã xảy ra những cuộc hiến đẫm máu. Người dân thì thật thà chân thật, người Việt, người Miên ở chung với nhau, những bữa nhậu Miên Việt say bí tỉ, chén chú chén anh. Những buổi hát tuồng “Thạch Sanh chém chàng tinh” cùng chung niềm vui trong đêm hội. Những cô gái Miên ngây thơ chân thực, những tiếng cười ròn tan khi thanh niên người Việt buông lời chọc ghẹo. Họ hiền hòa chân thật.

Tôi từng bật phì cười khi ngồi nhậu với một ông già, nghe ông nói:

– Tao có mấy đứa con gái đó, mày ưng đứa nào tao gả cho. Mày có tiền thì làm một con heo, nếu không thì làm con gà làm bữa nhậu cũng xong. Một đôi bông tai...

Tôi chỉ đi cái lỗ miệng chứ đâu dám Sở Khanh, dối trá với những con người chân thật ấy. Một mình tôi và chiếc xe về đến Bạc Liêu trời sáng bạch. Xe tôi chạy vào thị xã. Những chiếc xe lô chạy theo tôi xin “để lại” cho ít lít xăng. Tôi ngồi ở nhà lồng chợ, ăn tô bún nước lèo thơm ngon, mua ít ký lạp xưởng về làm quà, rồi các loại quà bánh khác, cả trái cây, mùa nào thức ấy của đồng bằng sông Cửu Long.

Tôi yên tâm mẹ và các con tôi tạm thời no đủ được ăn gạo trắng, thịt và cả bánh kẹo. Khi đó Sài Gòn hầu hết

ăn mì sợi, khoai lang sùng đẳng. Tôi đã thấy thằng “Thùng” con cô Năm xóm tôi mỗi lần thấy mì sợi ăn thay cơm nó khóc ré lên, dấy đành ạch. Sài Gòn thiếu lương thực trầm trọng, trong khi các tỉnh thì thừa mứa.

Tôi cũng nghe nói có gia đình mua gạo lậu, nấu một nồi cháo thuốc chuột ăn bữa ngũ cốc cuối cùng. Chuyện đó bị cải chính kịch liệt, không biết có hay không hay chỉ là luận điệu phản động chống phá cách mạng. Trường hợp thiên hồi ký này tôi xin gác chuyện chính trị ra ngoài. Tôi chỉ nói những hiện tượng ắt phải có trong buổi giao thời, đang từ một chế độ này bước sang một chế độ khác. Thời kỳ quá độ của nền kinh tế cho là đúng vì có nền móng kinh điển của chủ nghĩa làm mẫu mực và chỉ đạo. Chuyện không đúng như vậy là sai trái,

từ sai trái bước đến phạm pháp không mấy xa.

Tôi lái xe đi một đôi đường dưới những tia nắng bình minh. Đồng bằng sông Cửu Long bao la bát ngát trải dài đến chân trời. Đất nước tôi thật sự thanh bình, không còn nghe tiếng bom nổ, tiếng đạn réo, tiếng rầm rĩ động cơ máy bay trên bầu trời. Thay vào đó những đàn đàn cò trắng bay lả bay la...

Ở khúc đường trước mặt tôi có mấy người đàn bà đứng vẫy xe. Họ xin quá giang. Tôi cho xe đi chậm dần rồi dừng lại trước mặt ba người đàn bà. Tất cả là những người đàn bà có bầu, bụng mang dạ chửa. Tất cả trong hoàn cảnh này đều đáng giúp.

– Tôi đi công tác, tôi giúp gì được các bà?

– Chúng tôi xin quá giang lên thành phố.

– Được thôi chắc các bà đi sanh? Xe tôi chạy mau lắm sợ sóc không tốt cho các bà thai nghén.

Một người cười:

– Dạ, không sao, chúng tôi đẻ non một chút càng tốt. Chúng tôi cần nhà bảo sanh, miệt dưới này thiếu thốn quá, chỉ ở thành phố mới giúp được chúng tôi thôi. Các bà mụ vườn dưới này...

Các bà bầu tốt lên xe tôi, không chờ phải có sự đồng ý của tôi. Tôi cho là bản tính người dân quê thực thà chân thật. Tôi liếc nhìn vào kính chiếu hậu, ba người đàn bà, tất cả đều chứa vượt mặt. Trong ba người đàn bà có thai, tôi thấy hai người hơi bất bình thường. Một

bà quá già, phải đến 70 tuổi thì đúng hơn. Một bà thì lại quá trẻ, một cô bé mới lớn, khoảng 12, 13. Vậy mà sắp đến nơi rồi. Còn người kia chẳng có gì đáng nói, chỉ là một người đàn bà có thai bình thường. Tôi vừa lái xe vừa lên tiếng về sự thắc mắc ấy. “Bà cụ có bầu” cười chỉ « cô bé có bầu”:

– Có chi lạ, con bé này mười sáu tuổi rồi đấy. Nó có chồng được cả năm rồi, lần này nó đẻ con so. Tại đời sống dưới quê khổ cực quá nên người nó teo lại, lớn không nổi.

– Còn bà cụ thì sao?

Bà cụ cười lớn lên:

– Trời ơi, sao anh lại gọi em là bà cụ, em mới hơn bốn mươi tuổi hà, đứa con này là đứa con thứ mười hai của

em. Chết không, đời sống khổ quá nên nhan sắc sớm phai. Anh chạy lẹ đi lên đến thành phố còn kịp giờ vào viện.

Tôi tạm tin lời, lái xe chạy ào ào, nếu có còi hú, tôi sẽ bấm còi hú vì tôi đang làm công việc cấp cứu, xe tôi phải được ưu tiên. Tôi qua những trạm kiểm soát veo veo, qua bắc Mỹ Thuận. Trời về trưa nắng như đổ lửa, tôi không dừng xe uống nước mà tu nước trong bị đông mang theo, bữa ăn buổi sáng giúp tôi no bụng đến chiều, Về nhà nấu cơm ăn còn kịp chán. Ba giờ chiều xe tôi về đến xa cảng miền Tây. Các bà bầu xin xuống xe. Tôi thắc mắc:

– Chưa tới Từ Dũ mà. Tiện thể tôi đưa các bà đến nơi, khỏi đón xe ngoài.

“Bà cụ bầu” cảm ơn, móc tiền trong túi ra:

– Cám ơn chú, cứ cho chị em tôi xuống đây, ở đây chúng tôi có người thân, chúng tôi cần có người săn sóc khi sanh nở. Chúng tôi đi xe ngoài cũng vậy, chúng tôi xin được đến ơn chú gọi là tiền cà phê...

Máu quân tử Tàu của tôi bốc lên, dĩ nhiên tôi từ chối quyết liệt, yên tâm mình đã làm được một việc tốt. Tôi lái xe đi vào thành phố. Trên trục lộ Phú Lâm tôi thấy người ta bán đầy thịt heo, những miếng thịt bèo nhèo và thâm sệt. Nhưng thời buổi khó khăn này cũng là miếng thịt vậy. Con cá ươn cũng là cá. Nấm gạo hẩm cũng là gạo. Chính danh lương thực.

Gia đình tôi tạm thời thoát khỏi cơn hiểm nghèo trong một nền kinh tế “cấm chợ ngăn sông”. Nền kinh tế

chợ trời, ve chai, lạc soong nở rộ. Sự lừa đảo, dối trá và láu cá nảy sinh từng bùng trong xã hội. Tất cả chỉ vì miếng ăn, có cái tọng vào họng là được rồi. Người ta bắt đầu cho những cuộc trốn chạy. Ca sĩ Trần Văn Trạch đã tuyên bố trên đài BBC rằng “là cái gì có chân thì nó cũng chuẩn”. Ở Cà Mau tôi biết có một địa danh người ta thường mò xuống đó để vượt biên là Ghềnh Hào.

Một hôm tôi gặp ca sĩ Hùng Cường ở thị xã Bạc Liêu. Tôi hỏi anh xuống đây làm gì, anh dối quanh, nhưng sau do sự thâm tình, vì tôi và anh ta chơi với nhau từ nhỏ ở trong xóm nên anh ta thú thật rằng anh đi vượt biên, nhưng không thoát được vì cái mặt anh là một nghệ sĩ cải lương có danh nên được mọi người ngưỡng mộ, anh bị lộ ngay bất cứ ở đâu khi lộ mặt ra. Mãi sau này

tôi nghe Hùng Cường thoát được bằng cách người ta bỏ anh vào rọ, hai người khiêng anh ra bãi như khiêng heo. Tôi lại nghe anh ca hát vi vút ở đài phát thanh ngoại quốc và tuyên bố i sèò.

Bánh no Trung Quốc bán đầy ngoài chợ trời, người ta mua tích trữ. Người ta thậm chí quảng cáo cho nhau rằng chỉ cần “cháp” một viên bánh no là nhịn được mấy ngày.

Nếu tôi mua lại được một thùng bánh no của bộ đội là tôi trúng mảnh. Nhưng tôi dốt về mặt buôn bán vô cùng. Bây giờ không cầm bút nữa thì tôi dùng cái thân trâu nước của tôi làm thuê làm mướn, làm cu li kiếm sống thôi. Tôi vụng về như anh mù dờ loay hoay xỏ mãi sợi chỉ qua kim để tự vá may cái quần đùi rách quá đát ba năm

của mình mà không xong. Sự may mắn kiếm được miếng ăn của tôi bây giờ cũng hơn nhiều người khác. Suy nghĩ tính toán làm gì cho mệt. Mưu sự tại nhân thành sự tại thiên.

Hàng tuần, tôi vẫn giữ nhiệm vụ lái xe về Sài Gòn công tác. Khoảng năm giờ sáng tôi đến Bạc Liêu. Tôi lại gặp ba người đàn bà chữa xin quá giang xe. Các bà mồm năm miệng mười:

– Thưa chú, chúng tôi chưa sinh được, bởi tại chúng tôi phải lao động cực nhọc quá nên động thai. Bây giờ mỗi tuần đều phải lên thành phố để bác sĩ ở trên săn sóc, khám thai thường xuyên. Cũng phải cả tháng nữa mới sanh...

Tôi lại chở ba bà bầu lên Sài Gòn, lại xuống quen ở xa cảng miền Tây. Tôi ngồi lại ở quán dọc đường uống cà phê cho tỉnh ngủ, tôi thấy ba bà từ trong chợ đi ra, cái bụng xẹp lép, ba bà bị công an dong đi với ba giỏ thịt heo tang vật. Ba bà lái buôn lậu thịt heo chuyên nghiệp, bị bắt tại trận khi đang bỏ hàng.

Tôi bị hỏi giấy, bà cụ bầu 70 tuổi la lên với tôi:

– Trời ơi, thả tội tôi xuống sao không đi ngay như những lần trước, ngồi đây chi vậy để mắc tội oan. Tôi tưởng anh đi rồi mới đưa các anh này ra bắt đồng lõa, anh đi rồi thì thôi, ai dè còn ngồi đây. Thiệt tội cho phải tố cáo người đã giúp đỡ mình. Xin các anh thông cảm, chúng tôi mới là kẻ có tội, còn anh “cán bộ” này không biết gì

hết, hoàn toàn có lòng tốt. Thấy người bụng mang dạ chửa thì giúp đỡ thôi. Anh chẳng chia chác với chúng tôi một đồng bạc, một hào lẻ nào hết.

Tôi bị đưa vào trạm kiểm soát kinh tế, bị “lên lớp” học tập bài cảnh giác kẻ gian lợi dụng cán bộ tiếp tay cho chúng làm điều xằng bậy, có tội với cách mạng. Các “đồng chí” làm nhiệm vụ kiểm soát kinh tế cảnh cáo tôi, không giam xe tôi, tôi phải làm một tờ kiểm điểm nhận cái tội ngu của mình có mắt mà như mù, rồi tha để tôi hoàn thành trách nhiệm công tác trên đã giao phó.

Thấy tôi nói giọng đặc Bắc kỳ, anh bạn kiểm soát kinh tế thân mật vỗ vai tôi:

– Đồng chí nên đặt sự cảnh giác lên

hàng đầu. Cách mạng đang gặp nhiều khó khăn, lơ mơ là bọn dân Ngụy này qua mặt đó. Người cách mạng vốn dĩ chân thật như đồng chí ấy, chúng nó buôn lậu thịt heo chứ chẳng phải bầu bì gì, chúng độn thịt vào bụng giả làm bụng chứa.

Xin cảm ơn đời, tôi nhìn thấy ở trên đời vẫn còn nhiều người tốt, có tình người. Người vô bắt có tình người, người bị bắt làm chuyện trái phép không đổ thừa cho người làm ơn cho mình.

Vì vậy mà tôi sống, sống mãi cho tới ngày nay nhìn cho rõ cái sự đời trên quê hương tôi. Dù hai mươi năm qua nhanh như cái chớp mắt.

Mưu sự tại nhân thành sự tại thiên.
Âm mưu trốn chạy khỏi quê hương

nhiều đau khổ của tập đoàn Nguyễn Văn Ngời không thành công. Kế hoạch “đánh quả” bị lộ không biết từ đâu. Lễ Giáng Sinh năm đó Nguyễn Văn Ngời bị bắt, cả tập đoàn bị tan rã. Tôi và một số anh em trở lại Sài Gòn kiếm ăn. Thế Phong xin được một chân làm ở công ty xe buýt thành phố. Cung Tích Biền buôn bán rồi làm giàu. Tôi lang thang chợ trời.

Gia đình tôi tan rã thảm hại. Tôi về sống với mẹ ở ấp Đông Ba Gia Định. Kiếm được miếng ăn thì bữa no bữa đói. Tôi buồn, chán đời bị gia đình nhà vợ khinh khi, bị kết án như một tên lưu manh, trộm cắp, côn đồ chuyên nghiệp. Một hình phạt cay đắng và nhục nhã mà tôi phải gánh chịu, phải nuốt xuống.

Nguyễn Nghiệp Nhượng, chồng của ca sĩ Hồng Vân phải ký tên vào đơn xin ly dị với vợ, không ký cũng không được. Hồng Vân có một người chồng cán bộ khác, cũng làm văn hóa văn nghệ gì đó, so với Nguyễn Nghiệp Nhượng bây giờ, thằng thợ ngồi sửa xe đạp lề đường thì một trời một vực. Buổi trưa tôi thấy thằng cu Bi, con của Nhượng và Hồng Vân, mang đồ ăn ra cho bố. Mờ gần gà-men ra tôi thấy mấy củ khoai luộc, loại lương thực bán ở tổ dân phố, củ khoai nào cũng bị sâu ăn đẳng nhét đến hai phần ba.

Ngồi ở dốc cầu Bông, tôi nhìn thấy người vợ đầu gối tay ấp của tôi, ngồi sau xe của một thằng Tây lai mặt đầy trứng cá chở đi. Nàng làm thủ tục kết hôn, dĩ nhiên nàng được xuất cảnh ra đi theo chồng diện con lai.

Bên cạnh người ngồi lê đường là một quán cóc bán mấy thứ rượu, đồ mỗi lèo tèo và chắc chắn là những thứ hạng bét. Buổi sáng tôi bán được mấy cái bù loong kiếm được mấy hào. Tôi mua được một xị rượu cùng uống giải sầu. Nhượng góp một con cá khô nướng làm mỗi đĩa cay.

Tôi nhạy cảm nên muốn uống rượu rồi khóc như diễn viên điện ảnh Huy Cường. Nhưng khi nhìn mặt Nhượng sắt lại. Đôi mắt dỗi dỗi nhìn xuống giòng kinh Nhiêu Lộc đục ngầu, bốc mùi hôi thối đến lợm giọng.

Tôi và Nguyễn Nghiệp Nhượng nói với nhau những câu vô nghĩa.

– Tao không bao giờ tắm ở con kinh này.

– Tao gác bút, tạm thời gác bút.

– Đúng thôi, mày nên làm “phụ tá đặc biệt” cho tao để kiểm soát sống qua ngày. Chưa biết sửa xe thì mày giữ nhiệm vụ bơm xe, bỏ tí sức lao động ra, mỗi chiếc bánh xe cũng được một hào đấy, rồi học vá xe, từ vá tay đến và ép mấy hồi... Máy móc xe đạp cũng đơn giản thôi, khó nhất là rút cãm xe đạp.

Tôi rất phục Nguyễn Nghiệp Nhượng vì anh ta có năng khiếu khoa học kỹ thuật về xe đạp. Hồi xưa tôi đã thấy anh ta tháo tung cả chiếc máy chữ lau dầu rồi sửa chữa tốt lại. Thì ngày nay cái xe đạp, xe honda cũ rích có nhằm nhò gì.

– Tao gác bút!

– Ai cho mày viết văn mà chẳng

gác. Coi chừng bị đếm lịch. Học lấy một nghề mà kiếm ăn, không phải nuôi vợ con thì nuôi mẹ già mày. Tao có phúc hơn mày vì còn được nuôi mẹ nuôi con. Thôi cầm miệng đi rồi uống rượu. Ngồi trên “con kinh nước đen” này chẳng nên thơ tí nào.

– Ừ thì cầm nhưng tao là thằng Trâu nước lợi dưới kinh nước đen.

– Tốt, tốt, Nhưng “rượu chưa đủ” đâu. A mày nghe gì về Dương Nghiễm Mậu không?

– Nó ở tù, mới ra, bây giờ nó làm nghề sơn mài. Ngồi uống cà phê cứ có ba người là nó đứng dậy biến, nó cảnh giác cao như sống trong thời Thương Ưởng phò Tần Hiến Công thuở Đông Chu Liệt Quốc.

– Phải thôi, nhưng mình cũng nên cầm miệng lại. Trâu nước, tao biết mày có bệnh vạ miệng. Có miệng thì cấp, có nấp thì đậy.

Lạc soong là nghề có nhiều bộ môn khác nhau. Bán quần áo cũ, đồng hồ từ hạng cao cấp đến hạ cấp. Có giá nhất là loại đồng hồ đeo tay không người lái, biết bơi, mười hai trụ đèn, hai cửa sổ. Bán xe đạp và đồ xe đạp cũ được tân trang. Radio (đài), ti vi, máy hát hăm bà làng.

Tôi gặp vợ chồng anh nhà báo Nguyễn Khắc Giảng bày bán sách cũ ở trên đường Tự Do. Trong đó có cả những cuốn sách của tôi, của Duyên Anh, Hoàng Hải Thủy và rất nhiều loại khác của nhiều tác giả. Những sách báo đó đều xuất bản ở miền Nam

trước năm 1975. Tất cả đều bị coi là có tội. Tác giả của nó đương nhiên có tội nhiều hơn. Cả miền Nam nói chung, thành phố nói riêng vắng bóng dần những mặt quen: văn nghệ sĩ, sĩ quan quân đội Cộng hòa. Họ đi học tập cải tạo hết ráo!

Chiến dịch truy quét văn hóa phẩm đồi trụy, phản động nổ ra ở Sài Gòn. Hàng vạn cuốn sách bị thiêu đốt. Sách báo trong nhà tư nhân bị lôi ra hỏa thiêu. Trong các cửa hàng kinh doanh sách báo bị thu gom tất cả, coi như đốt cháy cả cơ nghiệp, cả con người những cá nhân. Các em nhỏ đeo băng đỏ thi hành công tác một cách vô tư mẫn cán. Phản ứng của người bị tội tất nhiên phải có.

Một cửa hiệu chuyên cho thuê

truyện tại đường Huỳnh Quang Tiên bên cạnh nhà thờ Ba Chuông tại Phú Nhuận phát nổ khi đoàn thu gom sách mang bằng đồ xâm nhập tiệm. Ông chủ nhà sách mời tất cả vào nhà. Rồi một trái lựu đạn nổ. Chuyện xảy ra không ai ngờ. Đương nhiên là có đồ máu, có kẻ mạng vong. Những chú nhỏ miệng còn hôi sữa, những cô bé chưa ráo máu đầu là nạn nhân vô tội. Trên cánh tay còn đeo tấm băng đỏ, quả thật súng đạn vô tình! Cả chủ tiệm cũng mạng vong.

Trên đường Lý Thái Tổ, trước mặt phở Tàu Bay là trại lính quân cảnh của chế độ cũ bỗng dừng phát nổ khi các em nhi đồng đi làm “kế hoạch nhỏ”, thu gom đồ sắt thép phế liệu. Người ta đưa vào bệnh viện nhi đồng cả mấy chục xác trẻ em.

Hàng loạt những chuyện không hay xảy ra. Nhà nước nhân đạo bắt buộc phải thu gom nhiều phần tử phản động và có tư tưởng phản động, tàn dư Mỹ Ngụy cho đi học tập cải tạo. Phần tử nào cứng đầu, có chứng cứ thì bị đưa ra xét xử, tuyên một bản án, vậy là rồi đời.

Đầu mối của những chuyện như thế ở chợ trời. Tôi là người suốt ngày lang thang nên quen biết cũng nhiều. Lại toàn anh em cả, nay tôi lại thêm bệnh uống rượu. Hình như đôi khi cũng phát ngôn bừa bãi. Tôi sống cho đến qua Giáng Sinh năm ấy. Tôi vốn dĩ là kẻ thích lang thang nên Noel không thể không đi.

Cảnh Giáng Sinh trong những năm đầu giải phóng buồn hiu. Các nhà thờ

không treo đèn kết hoa, không hang Bélem máng cỏ nơi Chúa sinh ra đời. Không cả những bản nhạc Giáng Sinh. Loa phóng thanh mở vang đường phố. Tôi nhớ những mùa Giáng Sinh cũ... Thây kệ, chiều 24 dân Sài Gòn cũng đổ ra đường mỗi lúc một đông. Tôi cũng ra đường mặc dầu là người không có đạo. Trong sóng người đông đảo, mặc lực lượng vũ trang đứng gác giữ gìn an ninh trật tự. Kẻ gian có móc túi rạch bóp ai được, vì chẳng ai có tiền để chúng ăn cắp. Đi chơi đêm Noel có vài hào trong túi đã là bánh rồi. Tôi có tới ba hào rủng rỉnh trong túi quần. Diện áo sơ mi trắng, quần ống loe, giày Santiago mô đen cuối thời 1974. Tôi tự nhủ rằng sẽ mang ra chợ trời phát mại ngay sau đêm Noel này.

Dân Sài Gòn cũ đụng mặt nhau chan chất trong sóng người đông đảo. Tôi muốn nói đến những người quen nhau. Câu hỏi đầu môi chót lưỡi là: “Ủa, mày còn đây à?” “Mày còn sống sao?”. Chẳng chết thẳng Tây đen nào hết!”.

Tôi gặp anh Hoàng Hải Thủy cùng chị Alice, vợ anh. Cả hai đều bảnh bao. Hoàng Hải Thủy vẫn “đẹp giai”, mặc dầu tóc bạc trắng, ăn mặc “síc”, chị Alice mặc áo màu gì đó mà tôi quên mất rồi, thướt tha trẻ đẹp như thuở nào. Hoàng Hải Thủy nói với tôi:

– Noel mình phải ra đường chứ, để người ta thấy dân Sài Gòn vẫn vậy, chẳng có gì đổi khác hết.

Chúng tôi dừng lại ở đầu đường khi chuông nhà thờ dóng lên báo hiệu giờ chúc Giáng Sinh. Chúng tôi mời nhau ly nước mía thay cho ăn Réveillon. Một mùa Giáng Sinh đói rách nhưng vẫn vui. Trong đầu tôi vẫn vang vang lời ca tụng Chúa Hải Đồng giáng sinh xóa tội cho thế gian.

Trời gần về sáng, tôi ngồi một mình ở đầu đường uống chén rượu cay xè, hát một bài ca Giáng Sinh. “Sinh giàu... Sinh giàu...” vui đáo để. Nhưng vui đó rồi lại buồn ngay đó.

Trời sáng hẳn, tôi có mặt ở chợ trời, lột bộ đồ “vía” tàn dư Mỹ Ngụy ngay tại chỗ rao bán. Tôi mặc may ô quần đùi về nhà, xách theo hai kí lô gạo hầm...

Ra chợ trời có nhiều mảnh kiếm

ăn, tôi chẳng được quý phái như nhiều tay chợ trời khác. Như ký giả Hồng Dương buôn bán vàng ở chợ Lê Thánh Tôn. Vải vóc, quần áo cũ hay sách báo lậu, môi giới ăn hoa hồng.

Tôi cũng là dân chợ trời nhưng mua đi bán lại vài ba cái bù loong dĩ nên rất là đói rách...

Tôi yêu nghề viết của tôi nên đôi lần cũng nghĩ đến chuyện cầm lại cây bút. Một ông cậu của tôi từ ngoài Bắc vào chơi, khuyên tôi một câu;

– Vác cây bút của Xã Hội Chủ Nghĩa nặng lắm cháu ạ, cháu nên học lấy một nghề như sửa radio hay thợ thuyền gì để kiếm sống thì tốt hơn.

Tôi nhớ mãi câu nói của cậu đến bây giờ. Một vài lần tôi cãi lời cậu, tôi càng

thấy câu khuyên nhủ tôi là đúng là chí tình. một người dày dạn kinh nghiệm trong chế độ Xã Hội Chủ Nghĩa. Từng bị học tập cải tạo cả một thập kỷ trong chế độ Xã Hội Chủ Nghĩa ở miền Bắc vì tội là người trí thức.

CHƯƠNG 3

 HỀ LÀ TOI MẤT TOI GẦN
MỘT NĂM, những ngày bị
tạm giam ở Bàng Ky. Ngày tù (học tập
cải tạo) của tôi chỉ được tính từ ngày
lên trại học tập cải tạo, nhận lãnh án
lao động khổ sai, tôi không được biết
người ta vô tình hay cố ý, khi đó thật
lòng tôi cũng chẳng cần biết đến chuyện
đó. Cứ ra khỏi chốn địa ngục này là tốt
rồi. Ra khỏi cổng trại người ta lại đổi ý
thì khốn.

Mắt tôi đã thấy một anh bạn tù, tên là Ái, ra khỏi trại mua một thẻ nhang cắm ở cổng đốt lên vái vọng vào trong, nơi mình đã ở nhiều năm, lập tức bị anh cán bộ vệ binh lôi tuột trở vào. Thầy kệ lời khóc than van xin, tôi không biết sự thể kết quả ra sao. Tôi và anh bạn tù, luật sư Triệu Bá Thiệp dìu dắt nhau đi thật xa mới dám dừng bước. Thiệp nói:

– Bao giờ mình ăn gì thì ăn, xa nơi hắc ám này đã.

– Tôi thèm ăn phở, nhưng tiền nhà nước chi mình về xe ít quá.

Phải ăn ngay, cần thì mình đi ăn mày, đồng bào ta thương người cải tạo lắm, ít có người từ chối bọn “áo xanh” chúng mình.

Chúng tôi đồng loạt vận quần áo

bà ba màu xanh nước biển, áo quần đều có in bí số trại học tập cải tạo, kẻ đi đất, người đi dép râu. Ai nhìn cũng biết ngay là tù. Số tiền được cấp phát để “về quê” sau ba năm lao động học tập cải tạo đủ ăn một bữa, đến vèo một cái, miệng còn chua.

Đường về thành phố Sài Gòn, nay gọi là thành phố Hồ Chí Minh còn xa quá... Chúng tôi đi ăn mày ở thị xã. Ngượng miệng rất là khó nói. Tôi đùn cho Triệu Bá Thiệp:

– Anh xin đi, anh là luật sư quen ăn nói.

– Bố lão, tôi ăn nói, bào chữa ở tòa án chứ đâu có gào ăn xin bao giờ... Anh cũng là nhà văn nhà báo quen ăn nói vậy...

– Tôi chỉ gào thét bằng chữ chứ chưa hề lay ông, lay bà.

Chúng tôi suýt nữa cãi nhau. Đang đôi co thì có một tay khác, chú Hạp gọi giật giọng:

– Lại đây đi xe về Sài Gòn, đồng bào thuê nguyên một xe cho mình.

Tôi ngạc nhiên, nhưng hết ngạc nhiên ngay vì các bà bỏ tiền ra thuê nguyên một chuyến xe than cho chúng tôi về thành phố, là những con buôn chuyên nghiệp, họ chất theo hàng tạ bắp đậu, khoai theo lên xe. Họ dặn chúng tôi khi nào đến trạm kiểm soát thì đứng lên, cần thì hô khẩu hiệu, người ta biết cái tạo được tự do sẽ cho xe đi. Các bà sẽ đóng vai vợ con, mẹ già của các cải tạo viên đi đón thân nhân

“lầm đường lạc lối” về xây dựng lại đất nước làm công dân Việt Nam lương thiện. Màn kịch thành công mỹ mãn, cả hai bên đều có lợi. Dựa vào nhau mà sống.

Tôi chia tay “bà vợ hờ” nào đó ở bến xe Văn Thánh. Ở đây bây giờ là buổi chiều. Bến xe náo nhiệt, ráng chiều đỏ phía miền Tây. Thành phố đối với tôi trở nên xa lạ, hình như người ta có đông hơn hồi tôi ra đi, những quán nhậu dài dài hai bên lề đường. Tôi về đâu chiều nay? Tôi không còn vợ con nữa. Tôi về với mẹ. Tôi nhớ câu hát của Nguyễn Tôn Dục trong trại học tập:

“Mai tôi về. chắc gì gặp lại... Mẹ già tôi... tóc trắng bạc sương...”

Nguyễn Tôn Dục vẫn còn ở lại trại

học tập cải tạo. Có lẽ tội anh ta còn nặng.

Tay điêu khắc gia Nguyễn Đức Điệp, người chuyên khắc tượng Chúa, người ta đẩy ả anh đến đống đã bỏ xác, Chúa đã gọi anh về. Linh hồn anh được tự do bay bổng lên trời. Bay đến mỗi cánh thiên thần. Cầu cho anh đừng rụng lông cánh rơi xuống trở lại thế gian. Tôi lầm lũi đi trong buổi chiều tàn với một ba lô nặng trĩu niềm thống khổ trên lưng.

Tôi vào thành phố, qua Đakao, qua đường Nguyễn Phi Khanh, căn nhà của tôi, tôi đã ở đó, vợ con tôi đã ở đó. Nay thì không còn gì nữa.

Nhưng sao tôi vẫn đến. Tôi ngồi xuống bậc thềm trước cái song cửa sắt

to rộng, mà xưa kia chiếc xe hơi của tôi có thể lái thẳng vào trong nhà.

Hiện tôi đang ngồi trước căn nhà đó như một tên ăn mày chờ bố thí. Trong căn nhà đó mọi người đang sinh hoạt. Những người hoàn toàn xa lạ với tôi. Còn đâu hai đứa con gái nhỏ của tôi reo vui, đứng trong cửa sắt:

– A! Bố về, mở cửa cho bố, mẹ ơi!

Tôi muốn khóc khi nghĩ đến những điều đó. Không còn gì hết. Con tôi giờ không biết ở phương trời nào. Ngôi nhà này tôi đã mất, dù rằng tôi biết từng viên gạch, từng cái bể nước, từng miếng gạch men làm bếp, cái cầu tiêu, buồng tắm, cái bàn viết của tôi kê ở đâu. Con chim trống đã xây dựng nên cái tổ ấm, nay thì... gió mưa tưới tã.

Tôi không gọi cửa để xin vào thăm lại ngôi nhà xưa, mà chắc gì họ đã cho vào. Nhưng nỗi đau còn đó, nằm trong đầu tôi. Tôi mất thật rồi, mất tất cả.

Ngôi giáo đường họ Tân Định cao vút có cây thập tự giá mỏng manh vẫn vươn lên trời xanh. Cạnh đó là trường học Thiên Phước của các bà sơ, hai đứa con gái tôi đã theo học. Rồi sau vào hẳn viện mồ côi cũng ở đó do các bà sơ đói rách sau năm 1975 nuôi dạy. Các bà sơ làm chuyện phước thiện, nhưng không còn được một sự tài trợ nào. Bà thì phải về quê làm ruộng kiếm khoai sắn mang về cho bấy trẻ đói, bà đi bán bún riêu ở chợ Tân Định, bà đứng đánh đu lên bánh xe quay ép nước mía bán như con nhái bén ở cửa trường.

Hai đứa con gái tôi được sửa soạn

hai mẹ hành tỏi chanh ớt ra chợ bán, kiếm lời góp lương thực. Tôi tìm thấy chúng. Ba bố con ôm nhau khóc trong sân trường. Tôi được bà sơ nhất của viện mồ côi Thiên Phước cho biết mẹ nó đã gửi chúng cho các bà nuôi nói rằng bố nó (là tôi) đã bị giết chết ngày 30 tháng 4 rồi. Mẹ nó không còn đủ sức nuôi nên xin nhờ vào lòng bác ái của Chúa. Bà nhất nói làm chuyện bác ái thì không cần phải xác minh. Ai dối trá sẽ tự có tội với Chúa. Đơn giản thế thôi. Những việc làm cũng phước thiện tấm lòng ngay thẳng không có gì làm cong queo được.

Tôi biết mẹ chúng hiện sống một mình trong căn nhà rộng thênh thang, thỉnh thoảng có những anh chị em tập kết từ miền Bắc về sống chung. Căn nhà đủ tiện nghi có ti vi, tủ lạnh, đài,

píc cốp, xe cộ. Bộ xa lông quý giá của tôi thay vì ngồi thì những đôi dép râu chằm chằm trên đó. Còn mẹ các con tôi có việc làm ở một ngân hàng đường Trần Quang Khải, gần nhà. Nàng là công nhân viên, lý lịch có dòng giống liệt sĩ.

Tôi đã bị tổng khứ khỏi nhà do những nguyên nhân sâu xa từ sau năm 1975. Bà vợ tôi không còn muốn chung sống với tôi nữa. Điều đó thú thật tôi không ham, tôi chỉ tội nghiệp hai đứa con tôi bỗng dưng bị sống cảnh gia đình ly tán. Nên cố níu kéo, nhưng rồi ngày đó cũng tới, thời cơ thuận lợi cho người đàn bà ở thế mạnh. Tôi ngã ngựa rồi. Tôi mất trắng, tay không ra khỏi nhà trong niềm sợ hãi, bị bắt bớ, bị đánh đập, có thể. Tôi bị đổ lên đầu nhiều thứ tội, từ tội trộm cắp tài sản

của chính mình, tôi phản động, tôi nhà văn, nhà báo người chế độ cũ. Phiên tòa án gia đình toàn là người anh em bà con vợ tôi, những người có “bề dày” làm cách mạng xử tôi những tội danh trên. Họ kịch liệt lên án tôi.

Vợ tôi, người vợ đã có một thời đầu gối tay ấp của tôi, lấy nhau vì tình. Quả nhiên dũng cảm đến độ “tàn bạo”. Nàng quất tôi tôi bời tá lả. Rụng như lá mùa thu... Tôi thua sau trận bị bôi tro trát trấu vào mặt, bị ỉa lên đầu. Nhưng ỉa lên đầu của cái tôi trong căn nhà này. Tôi tự an ủi, cũng chẳng sao, tôi có phải ra đi con tôi cũng hưởng.

Bây giờ thì tôi biết con tôi chẳng hưởng gì, chúng bị bỏ trong viện mồ côi cho mấy bà sơ đói rách trách nhiệm. Nhưng đầy tình người bác ái. Đó là sự

thật. Sau phiên tòa, bị cáo (tôi) được tự bào chữa, cũng là nói lời cuối cùng. Lời nói bây giờ yếu xiu, không hiệu quả. Tôi nói như thế này:

– Tôi lấy vợ do hai bên cùng ưng thuận, có tí ti tình yêu. Vợ tôi mồ côi cả cha lẫn mẹ sống với ông chú là công chức bưu điện. Sau này bà ta là con nuôi ông Chu Tử, chủ nhiệm tờ báo Sống. Chúng tôi lấy nhau, thời gian đó tôi đang làm ký giả cho báo Sống. Việc chúng tôi lấy nhau cũng do ông Chu Tử giúp đỡ. Vợ tôi chưa từng có của cải hay đồng xu teng hồi môn mang về. Gia đình tôi có tiền bạc, nhà cửa, xe cộ, kẻ ăn người làm cũng do một bàn tay tôi gây dựng, bằng công việc làm của tôi, nghề cầm bút. Bây giờ khép tội tôi là kẻ ăn cắp tiền bạc thì tôi ăn cắp của ai? Các ông các bà hãy nhìn xem bộ quần

áo bà ta đang mặc trên người cũng do tiền tôi mua sắm.

Còn nguyên nhân tôi lộn xộn đòi ly dị không phải mới có đây, có từ khi miền Nam này còn thịnh trị, quân đội Mỹ còn ở miền Nam kia. Người vợ tôi có mộng đi ra nước ngoài để mở tầm mắt nhìn thế giới, nhìn văn minh loài người không phải người Việt Nam. Vợ tôi đưa ra một đề nghị mà người chồng Việt Nam nào cũng phải thất kinh. Bất chồng phải ly dị, để làm hôn thú với ngoại kiều, chẳng biết một anh lính Mỹ, anh Tây hay anh thợ điện Phi Luật Tân nào đó. Để ra đi hợp pháp. Dĩ nhiên tôi không thể chấp nhận đề nghị đó, một đề nghị tàn nhẫn, vô nhân đạo, cạn tài ráo máng, bôi cứt vào mặt chồng. Thuở đó miền Nam này việc đi lấy Mỹ, lấy ngoại kiều là điều không tốt đẹp gì,

một việc bản cùng bất đắc dĩ, việc làm vì hoàn cảnh. Gia đình tôi không đến đổi ở trong hoàn cảnh đó.

Ông Chu Tử, chủ nhiệm của tôi, người bố nuôi của vợ tôi, ông là nhà văn, tâm hồn phóng khoáng. Ông phải la vào mặt tôi:

– Anh nên nhớ rằng người ta lấy dĩ về làm vợ, không ai lấy vợ về cho đi làm dĩ. Nếu anh chiều theo ý cô ấy, tôi không biết anh là con người gì. Anh bôi cứt vào mặt anh, vào liềm sủ của anh mà sống được à? Chuyện này không thể được!

Ngày 30-4 dịp may đến. Quân miền Nam bại trận. Gia đình tôi trốn đi mà đi không thoát. Hôm nay tôi còn ngồi đây... Tôi biết còn nhiều hoàn cảnh

bi thảm khác, hơn hoàn cảnh của tôi nhiều mà người ta vẫn còn chịu đựng được. Tôi linh cảm thấy sắp có những chuyện xấu tồi tệ xảy ra cho tôi. Tôi sẵn sàng đón nhận nó.

Tôi trở thành một tên ngoan cố, ngụy biện. Tôi bị điệu lên phòng rồi ra khỏi nhà với hai bàn tay trắng. Tôi không gặp hai đứa con tôi. Nhưng tôi cố nhẫn nại chịu đựng, rồi cũng có ngày nhìn lại được chúng. Tôi chỉ không ngờ khi nhìn lại hai đứa trẻ trong hoàn cảnh thảm hại như thế. Trong ai oán, trong nước mắt.

Tôi ngồi mãi ở thềm nhà xưa nhìn lên cây thập tự trên tháp chuông nhà thờ Tân Định. Bộ quần áo cải tạo bạc màu có nhiều miếng vá vụng về, cái túi xách nghèo nàn chứa vài món đồ kỷ

niệm con con, lương thực không còn đến một củ khoai. Tôi nhớ con, nhớ những người bạn tù còn ở trong trại, giờ này keng đã đánh vang, tất cả đã phải vào lán trại. Niềm vui cuối cùng của kẻ tù tội được ngồi bên nhau. Có lẽ bạn tôi đang nghĩ đến tôi, tôi mang những lời nhắn nhẹ về cho gia đình họ. Những đứa trẻ xa lạ, con bạn tôi gọi tôi bằng chú hoặc bác. Còn con tôi, chúng ở phương trời nào? Bây giờ cuối năm hơi lạnh lạnh.

Trong căn nhà cũ của tôi có tiếng đàn bà:

– Con ra xem ai ngồi ngoài cửa kia!

Có tiếng mở cửa sắt, rồi một cái đầu cô gái ló ra hỏi tôi:

– Ngồi chi vậy, đi đi, không có gì đâu.

Thân phận tôi bị hạ thấp xuống thêm một bậc nữa. Tôi giải thích làm gì, tôi đứng dậy và uể oải đi. Bà Tàu, hàng xóm nhà tôi, nhìn tôi, có lẽ nhận ta, bà ta lên tiếng:

– Ông về đó à, sao gầy ốm thế, cô ấy đi rồi, bây giờ nhà ông có chủ khác.

– Cám ơn, tôi biết cả, tôi chỉ về nhìn lại căn nhà xưa một lần cuối.

– Mời ông vào nhà tôi uống ly nước.

– Xin cảm ơn!

Nhiều năm sau tôi không về lại căn nhà xưa, con đường quen thuộc xưa. Tôi giữ tiếng reo cười của con tôi vang mãi trong đầu tôi, tôi không muốn tiếng

cười trong sáng ấy lẫn trong những lời rửa xả cay nghiệt của cuộc đời.

Tôi thất thủ đi trên con đường Nguyễn Phi Khanh, dời xa dần ngôi nhà mang số 100. Ngôi nhà mà trước đây nổi tiếng Ô Mai Mơ Bắc Việt. Con đường cũng nổi tiếng theo là con đường ô mai cho lứa tuổi mộng mơ, mà một thời nhà văn Duyên Anh đã phong cho nó qua những tác phẩm trong sáng viết cho tuổi thơ ngọc ngà. Bây giờ chính anh ta cũng đang nằm trong trại học tập cải tạo, trại Gia Trung. Chúng tôi biết tin nhau qua những buổi được đi thăm nuôi.

Đi hết con đường Nguyễn Phi Khanh, băng qua ngã tư Trần Quang Khải, tôi đi vào đường Trần Khắc Chân. Leo qua hai cây cầu gỗ bắc ngang kinh

Nhiều Lộc xuống cù lao địa phận ấp Đông Ba, nay là Phường 6 quận Phú Nhuận. Tôi trở về ngôi nhà xưa thuở đầu đời. Nay mẹ tôi đang sống. Trời tối mịt tôi mới về đến nhà. Mẹ tôi mừng rỡ:

– Mẹ biết con về, hôm qua mẹ đi họp người ta nói con được tha, chỉ về trong nay mai. Ngày hôm nay mắt mẹ nháy nhiều.

Mẹ tôi vét thùng gạo, toan nấu cho tôi một chút cơm. Nhưng tôi từ chối, tôi xin mẹ tôi đi thăm hàng xóm, những người đã gửi cho tôi nải chuối, củ khoai hoặc tán đường trong những lần mẹ tôi đi thăm nuôi tôi trong trại học tập cải tạo.

Tôi trình ngay giấy tờ ra trại cho

công an phường. Người công an nghiêm khắc nói với tôi:

– Anh được ra trại nhưng chưa phải là tốt đâu. Anh chưa thể có quyền công dân, anh phải chịu sự thử thách của phường, chừng nào thật tốt mới có quyền công dân. Từ ngày mai anh làm gì, đi đâu, gặp ai phải ghi vào một cuốn sổ, cuối tuần phải trình cho công an duyệt xét. Không được từ chối bất cứ điều gì phường yêu cầu.

Thế là tôi phải làm công việc ấy. Trước khi cuốn sổ báo cáo được ký, tôi phải làm công việc quét phường, nhặt cỏ rác hay lên một luống khoai. Chịu sự sai bảo của những “ông bà chủ”. Tôi chỉ không đến đổi bị đánh đập như những tên nô lệ da đen ở Mỹ thời mới lập quốc. Tôi là tên nô lệ chưa được

phóng thích. Điều đó gọi là “quản chế”, một người tù được tha mà vẫn bị coi là tội phạm.

Hai mươi năm sau, tôi vẫn là người sống không có hộ khẩu, không có chứng minh nhân dân, dù rằng tôi phải chạy chọt khắp nơi, qua các cơ quan của quan cả chục lần. Tôi cư ngụ bất hợp pháp trong căn nhà tôi làm chủ. Mãi sau tôi được cấp một tờ kiểm tra, một chứng minh thư nhân dân tạm, có giá trị đến năm 1999. Không có giá trị gì hết ngoài sự kiểm tra. Tôi không biết mình đã có quyền công dân chưa. Tôi vẫn được đi bầu cử, bỏ phiếu. Điều ước mơ của tôi bấy nhiêu năm là được đi nước ngoài, sống tự do những năm tháng còn lại của tuổi già. Tôi đã bị ngồi lại ở đây không biết đến bao giờ ước mơ của tôi mới thành sự thật.

Những lần được gọi lên công an thành phố, phòng PA15 hỏi ba điều bốn chuyện, tôi đều mang theo một giỏ xách, trong đó đựng quần đùi, áo may ô, bàn chải đánh răng. Lúc nào tôi cũng sẵn sàng để đón nhận tình huống xấu nhất có thể xảy ra cho tôi. Dù rằng tôi biết chắc tôi chẳng làm điều gì đến nỗi....

Ra khỏi tù tôi lại lang thang ở chợ trời, vừa kiếm ăn và cũng vừa tìm đường biển. Nói cách khác là tìm đường vượt biên bất cứ cách nào, đường biển hoặc đường bộ. Ở một nơi nào đó có thể cầm lại được cây bút. Sáng tác những gì tôi thích viết. Đó là một nghề tôi theo đuổi từ thuở đầu đời, đam mê nó đến độ không thể từ bỏ được, như cai thuốc phiện, bỏ rượu hay bỏ thuốc lá...

Cho đến bây giờ, khi viết những trang hồi ký này, đời sống tôi khác xưa nhiều lắm. Tôi đã từ bỏ nhiều thứ cho đời sống đỡ rắc rối, nhưng viết thì không bỏ được, không cần cả đăng báo, in sách nữa, chẳng thành vấn đề với tôi. Tôi viết và viết, cũng chẳng ai biên tập, có thể gặp nguy hiểm. Có sao đâu. Tôi vẫn an toàn trên gác bút. Trên cái bàn tự đóng lấy, thô sơ, mộc mạc bằng gỗ tạp. Tôi có thể ngồi như thế suốt đêm, từ đêm này qua đêm khác. Những ngày tháng năm còn cầm nổi cây bút.

Sự nghèo nàn, túng thiếu, miếng muối mè, chao tương, rau mồng tơi leo hàng rào không làm tôi nản. Thế là đủ rồi. Tôi lại lắm nhảm, rồi có lẽ bởi tuổi già nên hơi lắm điều và lắm cảm.

Tôi nhớ ra rồi, tôi đang viết hồi ký, thuở những năm 1980, thuở đất nước Việt Nam tôi hiện đang sống, chế độ đang đứng trước ngưỡng cửa của cái gọi là “mở cửa” để dân mình đỡ khổ sở sau nhiều năm chiến tranh. Đổi mới, danh từ vừa xa lạ vừa gần gũi với tất cả mọi người. Người ta vẫn tìm mọi cách để vượt biên, chết không sợ, nguy hiểm cũng coi thường, cướp biển Thái Lan chỉ là bọn côn đồ, mất nhân tính. Tù tội chẳng may sa cơ thì thành thật khai báo rằng: Chúng con đói, chúng con đi tìm miếng cơm, manh áo.

Ở đâu cũng được hết. Chuyện thập tử nhất sinh mà. Người ta phát xuất ra nhiều câu vè, đồng dao, đồng dao trẻ con réo vang ngoài đường phố. Nay thì tôi lú lẫn nên quên mất những câu đồng dao đó rồi. Nhưng có đó, hẳn có người

còn nhớ. Kể cả những mẫu chuyện tiểu lâm cười ra nước mắt. Nhà văn Vũ Bằng đã mất nhiều năm ngồi cà phê chờ trời ghi ghi chép chép. Nay ông đã mất. Tập truyện tiểu lâm và những bài đồng dao ấy còn hay không, tôi không được biết.

Tôi vài ba phen ở tù và xem ở tù vì có âm mưu trốn ra nước ngoài. Rồi tôi có vợ, có con. Tôi dẹp những đau khổ vì đời vợ trước sang một bên, nhưng rồi cũng chẳng lâu la gì. Tôi làm nghề bán phụ tùng xe đạp.

Giỗ Minh Đăng Khánh lần thứ ba, chúng tôi có đủ mặt. Có mặt Duyên Anh, “người tù mới được tha”. Duyên Anh vẫn cái tính ngổ ngáo, lóc cóc, ưa chọc ghẹo, ưa chửi bới người khác và ưa “nói giọng cha”. Có lẽ vì vậy mà suốt những năm tù tội anh mang tiếng

rất nhiều. Tôi không ở chung một trại với anh nên không rõ. Tôi nghe toàn những lời đồn đãi, dĩ nhiên là không tốt cho Duyên Anh. Anh ta làm “ăng ten” đã hại ai chưa, tôi không biết và những ai là nạn nhân, tôi cũng chưa gặp. Tôi nghe rất nhiều những lời đồn kể này anh hùng, ca tụng một tác đến trời, kẻ kia xấu xa bị băm vằm đến bấy hầy như thịt xiu mại. Kẻ tốt người xấu lẫn lộn. Tôi nghĩ đó là chuyện bình thường, ắt phải có thôi.

Sau bữa giỗ, Duyên Anh rủ tôi và họa sĩ Vị Ý đi chơi. Chúng tôi lại ngồi nhậu với nhau ở chợ Thái Bình, phía trước nhà in Nguyễn Đình Vượng ngày xưa. Anh hiện ở nhờ nhà bà Nguyễn Đình Vượng. Căn nhà của anh ở đường Công Lý đã bán rồi, vợ con anh đã được

bảo lãnh đi Pháp hết. Chỉ còn mình ở lại Việt Nam.

Duyên Anh cho tôi xem những giấy tờ xuất cảnh hợp pháp:

– Nhưng “moa” không đi bằng mớ giấy tờ này đâu, “moa” phải tự “chuồn” mới anh hùng.

– Phải có “cây cối”!

– Dĩ nhiên, cái nhà ở Công Lý mua bán được mấy chục cây, dư sức chưa nào. “Toa” có đi không?

– Không có tiền!

– Moa cho toa một vé có đi không?

– Không!

– Lý do?

– Moa chờ một thằng con trai, vợ mua sắp đập bầu.

– Thì thôi vậy, đỡ tốn, ít khi moa tốt với ai lắm. Đừng hối hận cũng đừng tiếc rẻ.

Buổi tối hôm đó, lần cuối cùng tôi gặp Duyên Anh. Sau này tôi nghe anh đã vượt biên thoát. Nhưng gặp nạn ở đảo, bị “kẻ thù” là những người anh em đập tôi tả, đến độ trại phải cho sống cách ly và anh được bảo lãnh định cư sớm ở Anh hay Pháp gì đó. Thời gian sau, tiếng tăm anh lại nổi dậy, nghe nói ngoài nghề viết văn ra anh còn sáng tác nhạc, cũng có thứ lắm. Năm 1990 tôi lại nghe anh bị nạn nữa. Anh bị kẻ lạ mặt đánh, khi anh từ Pháp qua Mỹ để phát hành một cuốn sách vào ngày 30-4. Không biết có phải vì ân oán

giang hồ không? Kết quả là anh bị tê liệt và á khẩu một thời gian. Đầu năm 1997, năm con trâu, tôi nghe tin Duyên Anh đã chết. Dù muốn dù không, tôi ngậm ngùi nghĩ đến anh. Nhớ truyện ngắn đọc đến mũi lòng của anh, có tựa đề là “Con sáo của em tôi” đăng trên Chỉ Đạo năm 1956. Rồi “Dưới dàn hoa thiên lý”. Những truyện ngắn, dài thật trong sáng cho tuổi ô mai. Với Duyên Anh tôi chỉ có những cảm nghĩ đó, loại truyện du côn du đàng, anh chị tôi không muốn có ý kiến.

Hồi tháng tư vừa qua (1997), nhà báo Hồng Dương từ Mỹ về Việt Nam chơi. Trong câu chuyện nói về Duyên Anh, Hồng Dương khen:

– Thằng ấy có chí thật, nó bị liệt, tự tập viết lấy bằng tay trái. Thế mà thành

công. Nhiều thằng đã phải bỏ nghề, vậy mà nó đeo nghề đến hơi thở cuối cùng.

Tôi xin thắp cho Duyên Anh Vũ Mộng Long một nén nhang.

Những nhà văn dù có bị đe dọa bị áp lực, bắt phải uốn cong ngòi bút, không nhiều lắm. Ít ai có đủ nghị lực đeo đuổi nghề của mình, hay nguyện trang cho mình một nghề nghiệp kiếm cơm rồi vẫn âm thầm đeo đuổi, âm thầm suy nghĩ. Những con người ấy sống cô đơn trong niềm kiêu hãnh vĩ đại. Anh sống một mình trong những đêm trường. Ngoài kia là bóng đêm trùng trùng, anh âm thầm với bảy muỗi đói, dàn trải mình trên trang giấy dưới một khoảnh ánh sáng hạn hẹp.

Có lẽ xưa kia Đặng Trần Côn cũng đốt lửa dưới hầm trong kinh thành Thăng Long để có Chình Phụ Ngâm. Có lẽ đầu đời nhà Nguyễn ở kinh đô Huế trong cảnh ngựa xe rộn rã, mũ áo xênh xang, trong những đêm mưa dai dẳng Tiên Điền Nguyễn Du đã sáng tác nên Kim Vân Kiều.. Tâm hồn người nghệ sĩ bay bổng, toát ra khỏi đời sống thường tình để làm nên những trang tuyệt bút.

Tôi suy nghĩ hoài về những tác phẩm kỳ diệu ấy. Thời gian đứng lại mà đời sống thì sinh động, êm đềm hoặc bát nháo, gây gổ hoặc nổi giận trên những trang giấy. Tư Mã Thiên có sử ký, Thị Nại Am có Thủy Hử, một vũng đầm lầy tầm thường trở thành một thiên anh hùng ca vang mãi đến muôn đời.

Sự nguy hiểm luôn rình rập người nghệ sĩ, Biết đâu? Biết đâu đó? Hàng loạt cái biết đâu như những móc câu trên tấm đại kỳ của giặc cờ đen chuyên dùng để bắt người sẵn sàng chụp xuống đầu kẻ bất hạnh. Nạn nhân yếu đuối, mong manh nhưng chỉ còn ánh mắt long lanh phán xử trên tất cả.

Hai mươi hai năm sau tôi ngồi trên gác bút, tôi suy nghĩ và tự hỏi. Mình bắt đầu từ đâu? Dừng lại ở đâu? Công việc viết hồi ký này ví như một chiếc xe đứt thắng, không hãm lại được, nó chỉ dừng lại khi hết đà, hết nhiên liệu. Với con người tuổi già và cái chết. Hai thứ đó đã gần kề với tôi. Tôi cố gắng giữ vững tay lái để không rơi xuống vực thẳm. Không tan tành xác thân thành những mảnh phế liệu. Những tác phẩm của tôi, của bạn bè tôi từng

bị thiêu đốt. Lá đại kỳ có móc lưỡi câu của giặc cờ đen từng chụp lên vò xé thi hành án cho những thú tội danh mơ hồ. Điều đó đã xảy ra ngày đó tháng đó năm đó.

Tượng đài nhà học giả Trương Vĩnh Ký, do tiền đóng góp của nhân dân lục tỉnh Nam kỳ bị kéo sập, trong một lý do căm thù vu vơ. Ông Trương Vĩnh Ký là sĩ phu miền Nam nói riêng, Việt Nam nói chung. Là học giả suốt một đời làm văn hóa và hy sinh cho văn hóa. Cái đó không thể gọi là tội được, không thể căm thù. Giáo sư triết học Nguyễn Văn Trung có ghi lại trong sách “Trương Vĩnh Ký nhà văn hóa”. Có ai quên quên đâu, dễ gì quên được?

Đêm hôm qua trời nóng nực, nửa đêm trời đổ ập cơn mưa rào. Tảng sáng

nay tôi ngồi trước bàn trên căn gác bút nhìn qua cửa sổ. Tôi thấy những đám mây đen bị gió Tây thổi bạt về hướng Đông, tôi có cảm tưởng mây đen là thấp sát mái nhà. Trên ngọn dừa cao kia. Tuy tường che khuất nhưng tôi cũng biết dưới gốc dừa là sân chơi của một trường mẫu giáo, một nhà trẻ vang tiếng cười trẻ thơ trong sáng và hồn nhiên. Ve sầu kêu ra báo hiệu mùa hè.

CHƯƠNG 4

CẢ NƯỚC PHẢI CHỊU QUỐC TANG, nhà nhà treo cờ rủ, đường Thống Nhất trước dinh Độc Lập xưa kia, nay đổi tên là đường Lê Duẩn, nhà lãnh tụ tối cao của đảng cộng sản đang cầm quyền đã nằm xuống...

Có ngay nhà lãnh đạo khác lên nắm quyền. Nhân dân hy vọng một sự đổi mới hoặc đổi khác, đời sống đỡ bị o ép, đỡ hà khắc. Guồng máy chính

quyền cai trị trong sạch hơn. Có nhiều người quan tâm về chuyện đó và cũng có người thì dừng dừng như chẳng có chuyện gì xảy ra. Người dân có chuyện gì thì phải lên đến cửa quan, qua không biết bao nhiêu cửa, nộp không biết bao nhiêu là thứ giấy tờ. Nếu đem cân được cũng phải mấy ký lô. Hầu hết phần nhiều không đạt kết quả, đôi khi còn bị mắng mỏ, qua những lời “thiếu văn hóa” của các quan. Vẫn phải ngậm bồ hòn làm ngọt, phải cười, cười rất là... hèn.

Tôi vẫn là đứa con hoang sống trong thành phố. Hai mươi hai năm trời vẫn không có được tên trong hộ khẩu, không có chứng minh nhân dân. Vậy thì tôi tồn tại và sống như cỏ cây. Quyền công dân không phải bỗng dưng ai đem đến dâng cho mình. Phải đi xin,

phải làm đơn, phải gõ mọi cửa quan. Chạy chọt cho ra giấy giới thiệu, bảo lãnh của người có chức sắc. Vậy mà tôi vẫn thua. Cho đến nay tôi vẫn không hiểu mình là giống gì đang sống trên đất nước này.

Có người bạn tù nói với tôi:

– Mày đừng hy vọng gì, người ta cấp cho mày cái giấy tạm để kiểm soát mày, biết mày ở đâu, khi có việc cần “xài” đến thì người ta móc ra, khỏi phải mất công làm lệnh truy nã.

Nhà cửa sang đẹp của những ông bà có chức có quyền mọc lên như nấm.

Người nghèo hèn vẫn nghèo hèn, như một sự tự nhiên có từ bao nhiêu đời nay. Nghèo hèn có truyền thống, có “gien” di truyền. Kêu ca cái nỗi gì.

Kẻ nào đang ở cảnh nghèo hèn, bỗng dựng nháy lên một địa vị khác là do “may mắn”, hoặc nói cách khác là “trúng mảnh” chứ không do số trời hay tài năng.

Người ta từng đồn đại rằng thời buổi này có nhiều vị giám đốc của xí nghiệp này hay công ty nọ, về học thức chỉ cần biết ký tên và đóng dấu. Tài năng kinh bang tế thế của anh không giá trị bằng những năm tuổi đảng. Người ta cần sự trung thành, đặt đầu ngồi đó, yên phận thì được hưởng miếng đỉnh chung, Nếu không, anh được chụp ngay lên đầu cái mũ thoái hóa. Anh có thể ra tòa, có thể toi mạng, như một con dê tế thần. Để chứng minh rằng luật pháp rất công minh. Pháp bắt vị thân. Do sự ngu dốt của nhiều kẻ liều lĩnh không biết sợ là gì, luôn luôn vướng vào những sự sai

lầm nghiêm trọng. Đất nước rối beng, kẻ phạm pháp được những ông to bà lớn đỡ đầu nên gia tăng tốc độ phi mã. Thời gian sau này, người ta không còn đổ tại “tàn dư của Mỹ Ngụy” nữa. Câu nói này là câu cửa miệng của người cách mạng trong những năm đầu giải phóng miền Nam.

Một cuộc chiến không cân sức, hay sự chống trả cay cú giữa những tàn dư Mỹ Ngụy và người giải phóng vẫn diễn ra trong xã hội. Tôi muốn nói đến những mẩu chuyện tiểu lâm, những câu vè, những bài đồng dao phổ biến lén lút ở bất cứ chỗ nào nếu gặp được người đồng điệu. Chuyện tiểu lâm, đồng dao hay vè đương nhiên không có tác giả. Người ta có thể gán ghép của thi sĩ này hoặc nhà văn kia. Cũng có tác giả và cũng có thể không. Chẳng sao

hết. Phổ biến rất mạnh và rất kỹ do rĩ tai, truyền khẩu, không đăng báo, không in sách xuất bản, không đăng báo lậu. Vì làm gì có báo lậu. Cứ coi bộ biên tập đó là nhân dân, từ nhân dân mà ra.

Có một thời người ta, những người âm thầm “làm văn học nghệ thuật” nháo lên đi tìm ai là tác giả hai câu sục mũi phản động mà tôi không nhớ. Người thì nói tác giả là thi sĩ Vũ Hoàng Chương, người thì nói của Ninh Chữ. Vì hai câu thơ đó anh đã ở tù mười năm. Nhưng chẳng ai đúng hết. Vì hai thi sĩ đó, một già một trẻ đã chết cả rồi.

Thời gian sau giải phóng, thời gạo châu củi quế, thời ngăn sông cấm chợ. Thời của những người đàn ông, thanh niên miền Nam làm thân trâu ngựa đi thồ gạo lậu, than củi lậu, thập phần

nguy hiểm để tiếp tế chuyện thành phố. Họ làm bất cứ nghề gì để kiếm cơm cho bản thân và gia đình. Cay đắng, nhục nhằn đều chịu đựng được cả, kể cả chẳng may bỏ mạng vì bị xe cán hay viên đạn lạc. Người viết hồi ký này từng là nạn nhân, từng bị người ta đập cây vào ống quyển, bị ngã dập đầu gối vì tội thả gạo lậu trên đường Đức Hòa – Đức Huệ thành phố Hồ Chí Minh. Có đau, có què và có bật khóc vì tủi nhục. Nhưng sau đó tôi bật cười được ngay qua câu chuyện tếu của anh bạn nạn nhân cùng chuyển và cùng tội. Anh bạn an ủi khi tôi mất toi ba gia gạo (mỗi gia 31 kg), nếu chịu nộp phạt thì khỏi bị tịch thu chiếc xe đạp thồ.

– Này bạn, hôm qua tôi mới gặp Văn Vĩ đó!

– À, tôi biết có phải anh chàng nghệ sĩ mù tịt đồn cổ nhạc nổi tiếng không?

– Đúng vậy, anh ta bỏ nghề đồn rồi, bây giờ anh ta làm nghề khác kiếm ăn. Tôi gặp anh ta ở bến xe...

– Đi ăn mày à?

– Không, bây nào, Văn Vĩ lao động đảng hoàng, có chất lượng đáo để.

– Lao động gì được, anh ta mù bẩm sinh mà.

– Chở xe ôm!

Tôi hét lên:

– Bố lão, đại bố lão, xạo sự đại xạo sự.

Người bạn vẫn ôn tồn, mặt tỉnh khô như không:

– Thật đó, đầu tiên tôi cũng không tin, nhưng rồi tin, tin chắc như bấp.

Tôi nổi giận, chỉ vào mặt anh ta mà rửa:

– Anh mới là thằng mù, nhìn một thằng mù bẩm sinh mà anh lại có thể nói nó chạy xe ôm được, thuốc nào chữa nổi...

Người bạn tôi toe miệng cười:

– Chuyện khó tin mà có thật. Anh Văn Vĩ giải thích với tôi rằng nhờ có giải phóng nên mắt anh mới sáng ra, anh bèn bỏ nghề đồn, làm nghề chở xe ôm vì anh nghĩ lao động mới là vinh quang.

Trời đất ơi, tôi bò lăn ra cười, quên mình vừa bị đòn đau. Đúng là một mẫu

chuyện tiểu lâm thú vị. Trong sự tận cùng của đau khổ bỗng nhiên người ta bật ra tiếng cười. Một liều thuốc an thần. Tôi cố gắng móc tiền nộp phạt chuộc xe. Những lần sau đi “buôn lậu” tôi dùng hai thanh tre bó hai ống quyển lại. Tôi dẫn thân vào con đường phạm pháp có giáp trụ phòng thân.

Đời sống dễ thở hơn một chút. Những người dân miền Nam được giải phóng lai rai có thân nhân nước ngoài gửi đồ về “cứu bồ” xóa đói giảm nghèo. Gởi tiền gặp khó khăn thì gởi đồ. Ở sân bay Tân Sơn Nhất, ở bưu điện đường Hai Bà Trưng phát sinh một nghề mới, nghề chợ trời mua thu gom đồ. Họ búi lấy người được lãnh đồ như ruồi, không tiền đóng thuế cho hải quan, họ tình nguyện đóng thuế giùm, miễn là bán lại đồ cho họ.

Tôi đã trải qua tình trạng ấy, chẳng đáng bao nhiêu mà cũng tức hộc máu mồm. Một bà cô ruột định cư ở Mỹ thương tình thằng cháu và gửi cho cháu một bịch thuốc lá Pall Mall mười gói. Thằng cháu là tôi hí hửng ra bưu điện làm đủ mọi thủ tục lãnh đồ. Bây giờ bịch thuốc lá thơm tho đã ngồi chồm chồm trên quầy chờ bàn tay sở hữu chủ vô lấy. Thuế má cũng đã đóng cả rồi. Nhưng chưa được phép. Người hải quan cho tôi biết rằng thân nhân của tôi bên Mỹ đã gửi đồ một cách phạm pháp cho tôi. Tôi sợ bỏ mẹ, nhưng cũng ráng hỏi trong hồi hộp:

– Thưa... trong những gói thuốc này có... heroin?

– Không, nhà nước xử nhẹ thôi, sẽ mua lại với giá chính thức, và cho

lại anh một gói hút lấy thảo gọi là tình nghĩa với bà con.

Tôi vỡ nhẽ và tôi nổi giận, tiền đóng thuế và tiền nhà nước mua lại của tôi với giá chính thức có sự chênh lệch, phần lỗ đứng về phía tôi cho thêm phần chính nghĩa. Luật là luật, muốn nổi loạn, muốn chống đối thì nói chuyện với “chèo” (công an) đứng ngay bên cạnh. Tôi đi lãnh đồ mà bị lỗ nặng. Chính gói thuốc tôi được cho lại phải bỏ tiền ra mua. Ai oán quá chừng.

Có một anh chợ trời người ba Tàu xách một cái giỏ bụi đứng ngoài quầy vơ lấy những gói thuốc lá của tôi như lùa những quân mạt chược về phía mình:

– Lần sau gởi nhiều nhiều một chút nhé!

Tôi lợm giọng, tôi muốn khắc một bãi đờm nhưng tôi vặc ra được một câu chửi bằng tiếng Trung Quốc

– Tỉu nà ma cái nị!

Anh chàng con buôn ba Tàu mặt cứ nghệt ra, ngẩn tò te như chúa Tàu nghe kèn. Tôi hãi quá, ù té chạy như thằng móc túi bị phát hiện. Mười phút sau, tôi gặp chính anh con buôn đó xách giỏ thuốc lá đi bỏ mối cho những quây thuốc lá cao cấp trên đường Tự Do (đường Nam Kỳ khởi nghĩa bây giờ). Anh nói với người bán hàng:

– Thuốc ngoại “din” bên Mỹ gửi về, mua đi kéo hết. Tôi kiếm chút đỉnh tiền lời mà.

Thế thì có tức không, có lộn tiết canh lên đầu không. Một vụ ăn cướp

trong nhiều vụ ăn cướp xảy ra mỗi ngày. Nói không tin được, chỉ khi chính mình là nạn nhân mới biết thế nào là cay cú. Nếu sự vụ bị lộ, bị nạn nhân làm dữ, kiểu như “thằng điếc không sợ súng”, cái mồm cứ kêu quang quác như quạ hay cào cua ăn vạ như nhân vật Chí Phèo của Nam Cao, đui lý, người ta bèn đổ thừa cho cá nhân tiêu cực làm bậy. Cấm không được nghĩ bậy. Bị đội xếp bắt bỏ tù như chơi. Chuyện đó từng xảy ra.

Thuở tiền đô la từ ngoại quốc gửi về Việt Nam còn rất khó khăn. Các thân nhân, bố bịch ở ngoại quốc muốn giúp bạn bè ở quê nhà rất là gian nan, công khai nhất là gửi đồ, những thùng đồ càng to càng tốt. Nhiều khi trong những món đồ đó cũng lén lút có đô. Trong cây kem đánh răng, ruột một

cây bút bic hay trăm phương ngàn kế gì khác mà tôi không được biết hết. Những người kinh nghiệm ở Hải Quan giàu kinh nghiệm biết nhiều hơn. Tờ đô la bị bắt ngay chóc. Có thể bị làm biên bản rồi tịch thu, nếu là nhân viên liên chính. Trường hợp khác bị im đi, nhân viên tiêu cực một tí thì ra hiệu với “nạn nhân” lãnh đồ, bí mật cho địa chỉ ăn chia cho yên lòng lương tâm đỡ bị áy náy và còn được biểu xén đến ơn đáp nghĩa. Được coi là “người tốt việc tốt”. Nhưng các vị nhân viên đó biết nhìn những con mòng, mòng mập thì sẽ có chuyện làm ăn lâu dài, mòng mềng thì về luôn đứt túi. Con kiến đi kiện củ khoai.

Hàng từ ngoại quốc gửi về, nằm trong kho, người nhận quà được giấy báo, đôi khi hơi ôi, chỉ còn thùng rỗng

rút ruột hoặc bị đánh tráo. Vải từ bên Mỹ gửi về cho thân nhân ở quê nhà toàn dệt ở Việt Nam, nhà máy dệt Nam Định chẳng hạn. Gặp những chuyện đó chỉ có nước đi kiện, lại kiện củ khoai. Tồn hàng ký lô đơn từ, chạy khoảng một chục cửa quan rồi chẳng đi đến đâu. Đành tin trong nhà kho có chuột.

Cái cột đèn trong thành phố nó bị trồng cứng xuống lề đường đành đứng nguyên một chỗ, còn đồ Mỹ có chân, nó chạy ra chợ trời được. Nồi cơm điện, bàn ủi, hay đồng đài nó có thể chạy ra đến chợ trời Huỳnh Thúc Kháng, Tôn Thất Đạm. Người mất của nên căm cái hòng, đừng có la. Càng la càng bị đi. Liệu cái thần hồn. Nên tin rằng những món đồ ở ngoại quốc gửi về là những con quái vật có chân, biết di chuyển đến những nơi nào nó phải

đến. Chuyện đó xảy ra hàng ngày nên không còn là chuyện lạ.

Người ta nói rằng có nhân viên hải quan làm việc một năm trời, đồng lương ba cọc ba đồng mà xây nổi nhà cao tầng giữa thành phố. Rồi kinh doanh nuôi chó béc giê kiếm lời. Một giai cấp mới ra đời, người ta chăm sóc chó, cho chó ăn cả ký lô chả quế, ăn phở tái nạm gầu. Lời đồn đại về lối sống của giai cấp mới này nhiều lắm, nhưng tôi không thể tin hết nếu chưa kiểm chứng.

Trong thiên hồi ký này những điều tôi viết ra đều đã được kiểm chứng và đúng là sự thật. Tôi không “bắt” ai phải tin hay nghĩ gì khác. Tôi viết hồi ký có thể than thở cho thân phận mình, một thân phận chẳng mấy may mắn gặp toàn nghịch cảnh, nói lên được nó cũng

nhẹ cái đầu. Thường thì tôi nói những điều xấu hơn những điều tốt. Nhưng không phải không nói đến những điều tốt. Điều đó có chứ, tôi sẽ dần trải dần dà trong thiên hồi ký này.

Nói về những điều tốt có những nhà chuyên môn phụ trách họ được học nghề ca tụng. Tôi có muốn ca tụng thêm cũng bằng thừa, bằng lạc điệu, nghe chẳng đặng, chẳng hay ho gì. Bởi vậy nên tôi im lặng. Làm văn nghệ cũng vậy, tôi chỉ văn nghệ cái lỗ miệng tôi với những bạn bè của tôi thôi. Sáng tác được những câu thơ, đọc cho nhau nghe. Nghĩ được cái truyện ngắn, không in ấn đăng báo gì cả, tự mình làm diễn viên kể nghe chơi.

Bạn tôi, anh Hoàng Hải Thủy có một thú đam mê là được lấy ráy tai.

Nghe danh ở đâu có anh thợ cạo lấy ráy tai giỏi đạt nghệ thuật anh phải mò tới lấy ráy tai bằng được. Anh đã kể cho tôi nghe một chuyện rằng ở Hải Phòng có một anh thợ cạo lấy ráy tai siêu hạng. Ngày chia đôi đất nước, chỉ còn một ngày nữa Hải phòng tiếp thu, thuộc về chính quyền miền Bắc, anh cũng mò đến nhờ anh thợ lấy bằng được một vẩy tai cuối cùng còn mắc ở tận hốc tai trong cùng. Có vậy anh mới đành lòng xuống tàu vào Nam.

Sau giải phóng, trước những ngày anh lãnh án tù (được lãnh án đang hoàng đấy), tôi gặp anh ở Ông Tạ, ngồi uống cà phê với nhau trước một tiệm hớt tóc. Anh khen phó cạo này có tài lấy ráy tai. Anh nhàn nhã quá nên uống cà phê ngồi chờ đến lượt, anh nói anh chẳng làm gì hết, chỉ chờ đồ ngoại

viện lãnh qua đường bưu điện. Cà phê nhâm nhi nên nổi hứng đọc thơ nghe chơi. Thơ của Hoàng Hải Thủy vui đáo để, từ lâu rồi tôi cũng từng nghe thơ của anh, chế từ thơ khác thành thơ mình, chọc phá người ta cười chơi. Mà chẳng ai giận được, anh chẳng hề có ác ý với ai bao giờ.

Ngồi ở Ông Tạ nhìn sang quán thịt chó có tên “Ô kìa! Đây rồi!” Hoàng Hải Thủy nổi hứng đọc một loạt thơ ca tụng mọc tồn, bây giờ tôi quên mất, vì tôi không phải là người hảo món ấy. Tôi chỉ biết là buồn cười thôi.

Hoàng Hải Thủy quay sang đọc thơ khác, bài này thì tôi nhớ lõm bõm, vì nó phản ánh tâm sự chung của những người “được” lãnh đồ nước ngoài.

Hoàng Hải Thủy ở đây bị tó, bị kết án rồi ra tù rồi hàng loạt bài viết nói về con người Hoàng Hải Thủy qua tất cả mọi khía cạnh. Rồi Thủy ở tù ngót nghét mười năm. Rồi cũng ra tù, rồi biến khỏi Việt Nam thân yêu. Tôi biết anh ở Mỹ, tuy già rồi mà viết cũng rất hăng.

Sau một chuyến vượt biên khác, không thành công, tôi bị bắt, ở tù. Ra tù, một lần nữa gia đình tôi tan vỡ. Cơm không lành, canh không ngọt. Cả hai phía cùng có lỗi cả. Tôi có đời vợ thứ ba, điều ác hại người vợ thứ ba này lại có họ hàng dây mơ rễ má với bà thứ hai mà lại gần xít, thành ra tôi lãnh đủ cái búa tạ.

Tôi uống thuốc liều, tôi chịu đựng để tiếp tục yêu. Tôi và bà xã thứ hai có

dắt nhau ra tòa cùng thuận tình ly hôn. Bà cũng đã kết hôn với người khác có cái thể ra đi nước ngoài, hiện bà cũng đã đi rồi.

Lại thêm những ngày cay đắng nữa, tôi và người vợ thứ ba sống không nhà không cửa, đói rách ra mặt. Tôi chán đời, uống rượu ngày một nhiều. Điều này làm tôi hư hỏng trầm trọng, bất mãn đời. Nhưng vẫn phải sống, phải làm việc kiếm tiền, cố tìm lấy một mái nhà, không phải lê đường, quán trọ, bến xe. Cũng không thể ở nhờ ở đậu ai được. Ở đâu người ta cũng cần đến giấy tờ làm tạm trú. Tôi không có giấy tờ. Đêm xét hộ khẩu, tôi trốn như chuột, không thoát thì bị bắt, bị nộp phạt... Tôi là người sống bất hợp pháp.

Tôi trôi dạt về khu Tân Phú, Bà

Queo làm nghề mua bán phế liệu. Tôi xưa nay vẫn là người dở ờm trong việc buôn bán. Tôi thuê được một cái chuồng heo bỏ không, hai vợ chồng chui rúc vào đó ở. Ngày ngày tôi khiêng từng bao phế liệu rác bao ni lông về chọn lựa, phân loại ra từng thứ rồi giặt giũ, rửa sạch, phơi khô đem bán cho nhà máy tái sinh. Những bao ni lông hôi rình, thối tha đựng đủ thứ đồ phế thải, vợ chồng tôi ngồi lựa chọn, xé bọc. Tôi muốn ngạt thở, muốn nôn mửa nhưng vẫn phải làm việc.

Trong khi đó bên cạnh chúng tôi có mấy con chó đói nhà hàng xóm ngồi châu chực. Bỗng một con nhảy xổ vào đồng phế liệu ngoạm một cái bao đựng gì đó rồi phóng chạy. Vợ tôi vụt đứng dậy đuổi theo. Nàng bụng chửa, con chó tha bao chạy trước, vợ tôi lạch bạch

chạy theo sau. Tôi sợ vợ té nên chạy sau cản nàng, đành mặc cho lũ chó xâu xé những bao ni lông được rũ tung trên đất:

– Em ơi! Thôi đi.

– Nhưng nó cướp bao ni lông của mình kia.

– Kệ nó, cái bao ấy đựng phân đó.

– Bỏ sao?

– Bỏ đi! Tiếc cái gì!

Cuộc buôn bán phế liệu của tôi chẳng bao lâu thất bại. Sự thất bại thảm hại lại đeo thêm nợ nần. Chơi hụi với người ta thì bị giật hụi, buôn bán bị lừa lọc. Họ hàng, bà con, bạn bè xa lánh, không một mái nhà.

Tôi ngất ngưỡng một mình với rượu. Con người tôi hốc hác bệ rạc. Hình như tôi sắp sửa phát điên. Tôi sống quanh với nhiều loại người cận bã của xã hội.

Tôi nói là cận bã chứ không phải là nghèo đói hay bình dân. Tôi không trở thành ăn cắp ăn trộm hay móc túi, lừa manh, còn đồ là may lắm.

Tiền bạc, miếng ăn đối với hai vợ chồng tôi khi đó cần thiết biết bao. Nhất là cho đứa trẻ sắp ra đời. Nó cần một mái nhà, dẫu là dưới một túp lều.

CHƯƠNG 5

 HỜI GIAN NÀY TÔI GẶP LẠI ANH LÊ XUÂN HẢO, giáo sư Anh văn hồi chế độ cũ, anh Hảo cũng là nhà thơ, nhà văn với bút danh là Đỗ Thế thường cộng tác với những báo văn nghệ hồi trước. Thời gian sau anh có năm vùng cho cách mạng, anh nghĩ anh là người yêu nước. Thôi được, đó là lý tưởng của anh. Bạn bè có biết cũng mặc anh. Công việc đó là công việc của cảnh sát, công an chế độ cũ.

Phải thú thật mà nói người thuộc chế độ cũ rất lơ là với việc làm “tình báo nhân dân”. Nhất là giữa những bạn bè, không nỡ tố cáo nhau, đôi khi còn bao che, nếu có thể được. Việc tìm bắt cách mạng nằm vùng là việc của công an, những điểm viên chuyên nghiệp ăn công xá. Không ai rỗi hơi làm chuyện mà người ta cho là tào lao. Đến bây giờ tôi không thể nói tính cách ấy tốt hay xấu.

Sau giải phóng tôi biết rõ, sáng mắt ra những người theo cách mạng 30-4. Mà người ta gọi là cách mạng 30. Những “lính mới” lập công dữ dội. Bao nhiêu hàng xóm láng giềng bị bắt bớ, tù tội. Kể cả những người có tội và những người không có tội. Người người nhìn nhau cũng phải cảnh giác, phải dè chừng. Những anh trót làm văn nghệ còn ớn

hơn. Đi đâu cũng phải nhìn trước nhìn sau xem mình có bị theo dõi không. Có anh thi sĩ nghèo rớt mồng tơi cũng sợ, bây giờ vẫn còn sợ. Tôi gặp anh, ngồi uống cà phê với nhau, anh bạn nói nhỏ với tôi:

– Mình bị theo đó, cái thằng ngồi bàn bên kia kia, tay đeo kính đen đó. Đây, khi nào cậu với tớ chia tay nhau. Nếu có bị tóm thì mình nói rằng nói chuyện với cậu câu này nhé, cậu có bị lôi ra hỏi riêng thì cũng nói thế nhé. Khẩu cung mình cùng khai có ăn khớp thì chẳng sao đâu, họ sẽ tha mình...

Tôi muốn phì cười, anh bạn thi sĩ của tôi luôn luôn nhắc nhở, như những lời nhắc nhở nhau hồi hai mươi năm về trước. Tôi không muốn làm bạn phật lòng vì tính cẩn thận thất kinh của

bạn. Tôi trả tiền cà phê rồi biến, không nhớ cả câu dặn dò. Tôi lơ lơ là là như kẻ sống trên mây... Tôi rất bình thường chẳng có gì quan trọng hết. Muốn làm một phó thường dân còn không nên thân nữa là. Nhưng thỉnh thoảng tôi cũng tìm gặp lại ông bạn thi sĩ của tôi để hù dọa, nói phét cho đỡ buồn.

Tôi đến nhà bạn, nói phét, hù chơi:

– Có một người coi nghi lắm theo tôi khi tôi vào nhà anh. Khi quay lại hắt biến mất như ma.

Anh bạn thất kinh hồn vía:

– Thế hả, sao còn đến đây, biết vậy cậu biến đi có được không.

– Kệ, tôi đến rủ cậu đi uống cà phê, mình cứ bốn cũ soạn lại. Tôi nói rằng

tôi đến thăm cậu bệnh. Cậu nói sao cho hợp thì nói.

Thế là một màn kịch được soạn ngay tức thì. Vui đáo để. Bạn tôi tâm phục khẩu phục:

– Ủ, tớ cũng có ốm thật, hai ngày hôm nay không bước chân ra khỏi nhà, vãi cà phê thấy mờ.

Bệnh sợ công an của bạn tôi cao độ, không thuốc nào trị nổi. Tôi phải dĩ độc trị độc. Đã lâu tôi không gặp bạn, không biết bệnh của bạn tôi thuyên giảm phần nào chưa. Tôi viết hồi ký nhắc đến bạn mà không dám nêu tên. Không may bạn “trở bệnh” thành linh thất kinh lẫn ra chết thì tôi có tội. Tôi quen thói sống lương tuồng nên cũng hay thường bị mắng mỏ. Mong bạn tha thứ cho tôi.

Trở lại chuyện nhà thơ Đỗ Thế, tức Lê Xuân Hảo. Sau giải phóng, dĩ nhiên Hảo được biệt đãi, anh có công việc làm ở bộ giáo dục, một việc làm cà là mềng là lái xe cho ông lớn. Nhưng thế cũng là an ủi lắm rồi, thời gian sau anh nghỉ hưu non về làm nghề hàn cửa sắt. Nhà ở phường 23 quận Tân Bình, là người cách mạng mang bí danh Tám Hảo, anh tham gia hội phụ lão, nhà có vườn rộng nên anh trồng mai, đêm sáng trăng ngồi ngâm thơ, uống rượu với các bạn thơ ở phường. Đời sống thanh nhàn bên bà vợ trẻ đồng điệu, cũng là một nhà thơ.

Anh là người tốt luôn luôn đảm thắm với bạn bè không phân biệt bạn cũ mới.

Gặp tôi anh rất mừng, nghe tôi tâm

sự về hoàn cảnh, chỉ một phút suy nghĩ anh hỏi tôi:

– Bạn cần một chỗ ở và một việc làm hả?

– Đúng vậy.

– Không chê việc này việc nọ chứ?

– Còn chê việc gì nữa, bất cứ việc gì, dù chưa biết nhưng tôi hứa sẽ tận tâm, tôi đã quen lao động rồi.

– Vậy thì được, ở phường này có một ao cá đang thiếu người trông coi, có một túp lều cạnh ao cá cho nhân viên bảo vệ ao cá ở coi áo cho tiện. Cảnh trí nên thơ lắm, có thể hợp với bạn tha hồ mà ngâm thơ vịnh nguyệt.

Tôi phải nhận lời ngay kéo hồ. Buổi tối tôi đến nhà Lê Xuân Hảo, ngồi ngoài

vườn mai trắng sáng uống rượu để cùng với những nhà thơ miệt vườn, chính là những vị có chức sắc ở phường. Tất cả đều là những người làm thơ tài năng hoặc có máu yêu thơ. Bà vợ trẻ của nhà thơ Tám Hảo là ngôi sao bắc đẩu trong đám thi ca này. Chỉ cần bước đi ba bước đã làm xong bài thơ, vần điệu nghiêm chỉnh. Có người phải xin chị một bài thơ để mừng đám cưới, người xin thơ phúng điếu đám ma. Nghĩa là tuần chay nào cũng có nước mắt. Tôi được một vị lão ông hội phụ lão làm một bài thơ Đường luật tặng, có nhan đề như sau “Mừng bạn thơ văn về coi ao cá Bác Hồ”.

Nhưng nào tôi đã mừng được đâu. Trở lại công ăn việc làm tôi gặp liền trở ngại. Các vị chức sắc có thể có quyền ở ao cá đòi tôi phải có người bảo lãnh.

Nghĩa là người cách mạng mới đủ tầm cỡ. Tôi lại vắt giò lên cổ chạy đi tìm người quen làm cách mạng. Đầu tiên tôi nghĩ đến Duy Thái, tổng thư ký nhật báo Đông Phương tôi cộng tác hồi trước. Duy Thái là người nắm vùng, bây giờ anh được biệt đãi, công tác tại viện bảo tồn bảo tàng gì đó trong thành phố. Nhiều lần tôi gặp anh thấy anh đội mũ cối đi dép râu. Tôi và anh vẫn giữ quan hệ bình thường như xưa kia. Gặp tôi nhờ vả, Duy Thái mau mắn lên đường đi giúp đỡ ngay. Nhưng khi tới cơ quan, các vị chức sắc lại từ chối rằng anh chưa đủ tầm cỡ để bảo lãnh cho tôi, một kẻ bị vấy bùn. Giấy xanh mực đỏ của anh có trình ra cũng vô hiệu. Duy Thái vênh râu bất mãn:

– Mẹ kiếp, tớ thua rồi, thành tích cách mạng của tớ như vậy mà cũng

chẳng bảo lãnh được anh thì đúng là kẻ có mắt không trông. Không thể nhìn thấy núi thái sơn ở trước mặt.

Vậy là tôi phải lên đường tìm núi thái sơn khác để người ta có thể nhìn thấy. Tôi đi tìm Cung Tích Biền. Biền không phải là núi thái sơn nhưng anh ta quen nhiều núi thái sơn có tầm vóc vĩ đại. Biền mau mắn giúp tôi. Anh giới thiệu tôi với Huỳnh Bá Thành, nay là thiếu tá công an, đang làm tổng biên tập cho tờ báo Công An bán rất chạy. Tôi cũng là người quen biết Huỳnh Bá Thành trước giải phóng, anh làm phóng viên cho báo Điện Tín. Tôi chỉ không biết Thành hoạt động cho phía bên kia. Sau giải phóng Huỳnh Bá Thành xuất hiện với quân hàm công an. Anh từng giữ nhiệm vụ hỏi cung văn nghệ sĩ bị bắt. Tôi không gặp anh lần nào, nhưng

sợ. Tôi nghĩ anh ta là người dũ dằn và nguy hiểm, nhưng khi gặp Thành, tôi thấy khác, anh hồn nhiên và chân thành:

– Chuyện đó được thôi, cần làm một công dân thì đó cũng là chủ trương của chế độ. Tôi biết về anh lâu rồi, cũng chẳng nên uống phí tài năng của mình.. Nếu anh không có điều gì đố kỵ thì nên làm việc hợp với khả năng và nghề nghiệp của mình. Nếu anh bằng lòng, tôi giúp anh.

Huỳnh Bá Thành là người sống có lý tưởng và tin vào lý tưởng của mình đang phục vụ. Dù muốn dù không, anh đã từng giúp được nhiều anh em thuộc chế độ cũ thất cơ lỡ vận, anh giúp trong cái thế của anh lúc ấy. Không phải qua một bài viết trên báo anh với tiền nhuận

bút hậu hĩnh mà tôi muốn nói đến tình người. Nay Huỳnh Bá Thành đã chết ở tuổi 49, bỏ ra ngoài chính kiến và đố kỵ, tôi vẫn nói Huỳnh Bá Thành là người tốt. Lòng tốt của một con người với con người giữa nơi “gió tanh mưa máu”.

Tôi đã có một công việc làm, một túp lều để đụt mưa tránh nắng giữa thời buổi khó khăn. Không phải bị mua chuộc để tôi làm một việc gì đó, không đúng với ý nguyện lương tâm của mình. Đời sống cũng đang gặp khó khăn, nhưng đối lại tôi có chút thanh thoi. Đêm ngồi trên bờ ao, ngược mặt nhìn trăng sao, không biết làm thơ thì chuyện suy nghĩ vẫn vơ. Một chút yên tâm không bị bắt vì cư trú bất hợp pháp, trong khi tôi đang bất hợp pháp thật. Tôi biết thân phận mình chỉ là một hạt

cát bụi mỏng manh không chống nổi một nhát chổi lừa. Đứa con của tôi sắp ra đời, có nhận được một sự giúp đỡ nào của ai đâu, hay chỉ là những tiếng tội nghiệp xuông. Như kẻ uống rượu mà không có đồ mồi.

Ao cá rộng chừng một mẫu. Trước kia có người thuê khai thác cá, sau này phường lấy lại tự khai thác. Đương nhiên cần người trông coi, bảo vệ. Trên bờ ao có một dãy cầu cá lộ thiên để dân xóm đi cầu lấy lương thực thả ra nuôi cá tra. Từ ba bốn giờ sáng đến mười hai giờ đêm cá tra và chẳng biết thứ cá gì nữa quấy lộn tranh nhau đớp mồi. Lương thực cho cá vẫn không đủ, một ngày tôi phải đi hốt đầy hai xe phân chuồng heo đổ xuống cho cá ăn, thêm một xe dầu tép của nhà máy tôm đông lạnh gần đó làm lương thực bồi dưỡng

thêm cho cá đỏi mỗi. Đêm đêm tôi vác cây gậy giàng thun đi giáp vòng bờ ao làm công việc bảo vệ, coi xem có ai ăn trộm cá không.

Túp lều bên cạnh bờ ao heo hút, nền đất gập ghềnh, không có nổi một cái giường hay cái chõng tre để nằm, một người bạn thân của tôi, anh Nhạ hứa cho vay hai ngàn rưỡi bạc để mua lại một cái giường cũ, nhưng sau đó anh lại rút lời vì lý do gì đó tôi không quan tâm nữa. Người hàng xóm không quen biết thấy chúng tôi nằm đất, tội nghiệp cho mượn một tấm liếp trải xuống đất cho đỡ ẩm thấp. Cái lu đựng nước ăn cũng không có. Tôi xin của bạn Hảo cái lu bể một nửa, khi sắp sửa lặn ra đến nửa sân, bà mẹ của bạn tôi đòi lại, tôi phải lặn trả lại chỗ cũ. Lần đó thực sự tôi khóc vì tủi nhục, dù không muốn

khóc, nước mắt cứ tự động trào ra. Ôi bạn bè chơi với nhau bốn chục năm. Còn rất nhiều chuyện cay đắng nữa, tôi chẳng muốn kể ra làm gì.

Đời sống tôi như đời sống của Robinson Crusoe lạc trên hoang đảo. Nhưng không phải tất cả những bạn bè đều thế. Có những người bạn đến với tôi chân tình. Một người bạn cũ Trần Thúc Vũ đến với tôi, anh thấy vợ tôi bụng mang dạ chửa, nằm đất tội nghiệp anh cho mượn một chiếc giường của chính mẹ anh nay đã gác lên nóc bếp. Tôi ân hận mãi chiếc giường tôi đã để lại ao cá khi phải dời túp lều ấy, không trả lại được cho anh.

Ngày đầu tiên tôi đến nhận”nhiệm sở”. Vị sếp sông ao cá cho tôi biết lương tôi một tháng được lãnh ba ngàn đồng,

có thể mua được hai chục ký gạo hồi đó. Được ở túp lều cạnh ao cá, có sự chấp nhận của công an phường. Và những công việc tôi phải làm tròn trách nhiệm như tôi đã kể trên. Mỗi buổi trưa tôi phải dọn sạch phân ba cái chuồng heo, ước chừng hai chục con heo. Đẩy xe phân về cho cá ăn rồi đẩy xe đầu tép. Tôi một lượm những con tép sót làm đồ ăn, hái rau lang ngoài ruộng về luộc. Vợ tôi gầy xanh rớt như tàu lá. Xe phân heo tôi đẩy đến đâu, mọi người chạy tránh xa. Tôi trông giống như một con ma đói già nua, tóc râu lởm chồm, lại dở hơi thường hay cáu kỉnh. Quần áo tôi tả như thằng ăn mày.

Tuy thương hoàn cảnh gia đình mình, nhưng tôi vẫn hư hỏng. Tôi trở thành kẻ nghiện rượu. Bạn bè loại thất phu thừa dịp đó cho uống chén rượu

rồi chửi lên đầu, làm nhục làm nhã vậy mà tôi vẫn không sáng mắt ra. Lỗi lầm đó do tôi, tôi không bao giờ quên. Bởi tại thời gian đó tôi quá chán đời. Tôi cú bí tử như thế không biết bao nhiêu năm, cho đến lúc tỉnh ngộ nằm trên giường bệnh chờ chết. Rồi thì tôi không chết được, sống cho tới ngày nay. Ngồi trên gác bút viết những dòng hồi ký này mà còn thấy hãi hùng.

Tôi chẳng giống ai mà cũng chẳng ai giống tôi. Phường thuê tôi coi ao cá, thật tình chỉ có một lần trả cho ba ngàn đồng tiền lương. Những tháng sau kế tiếp không trả lương, họ biết thóp tôi cần một chỗ ở. Một mái nhà dù mái nhà dột nát. Vợ chồng tôi cần rằng chịu đựng. Đói đầu gối phải bò, tôi biết phải làm gì? Tôi biết sửa xe đạp, một thằng thợ tay ngang. Nhưng cũng liều nhắm

mắt đưa chân. Tôi phải đi “xoay” tìm búa để hành nghề sửa xe. Việc này cũng rất là khó khăn và nhọc nhãi.

Người bạn thân bốn mươi năm của tôi, có thể không từ chối cho tôi uống một xị rượu, nhưng từ chối cho tôi mượn cái kìm khi anh dư thừa. Cuối cùng thì tôi cũng có tạm đầy đủ đồ hành nghề do anh em bạn chợ trời lạc soong ve chai giúp. Ngày ngày tôi ngồi lề đường từ năm giờ sáng cũng có thể kiếm được tí gạo nấu cơm ăn, hôm nào ế ẩm nấu cháo. Chẳng sao, miễn là sống được. Ngồi lề đường là chuyện khổ, nhiều khi phải ôm đồ nghề chạy công an vắt giò lên cổ. Hôm phải lên phường công an chuộc cái bơm bị bắt, tôi chiếm dụng lòng lề đường bất hợp pháp. Buổi trưa về “nhà” thay vì nghỉ ngơi, tôi đi đẩy xe phân heo rồi lại tiếp

tục đi sửa xe. Đêm thức như vạc coi ao cá.

Vợ tôi bụng mang dạ chứa cũng phải gục đầu trên đồng đầu tép một lượm những con tép sót, Những cây roi liên tiếp quất vun vút lên thân phận tôi. Đời sống tôi luôn luôn bấp bênh. Vợ tôi lại sắp đến ngày sinh nở. Tôi càng lo lắng càng chán đời, có lẽ thấy mình bất lực. Những chén rượu không giúp tôi thêm nghị lực mà chỉ chìm dần tôi xuống bùn...

Một buổi trưa đang ngồi sửa xe. Hai cậu bé mang xe ra sửa. Tôi loay hoay mãi không tháo nổi cái cổ xe đạp quá rỉ sét. Tôi nói với chú nhỏ sửa xe:

– Không thể tháo bằng tay được, có lẽ phải mang ra hàn xì hơi lửa mới lấy ra được.

Cậu bé chủ xe nói:

– Bố mang đi làm giùm con đi.

Cậu bé có vẻ ngoan ngoãn, có vẻ là một học sinh, vì tôi thấy trên ngực áo sơ mi của cậu có phù hiệu tên trường. Nhưng tôi phải từ chối lắc đầu:

– Không được đâu, tôi còn phải làm việc em mang đi đi.

– Có xa không bố?

– Cách đây chừng nửa cây số có tiệm hàn, tuốt trên đầu đường kia.

Hai cậu bé ngại ngùng:

– Xa quá, con mang gì nổi.

– Cũng phải ráng thôi.

Hai cậu bé chụm đầu vào nhau bàn

tán, một lát quay lại nói với tôi:

– Chúng con không có tiền nhiều, không thể đi xích lô được. Hay là con đề nghị bố thế này ..

– Cái gì?

Nếu bố có thể tin được tụi con, cho con mượn cái xe đạp của bố. Thằng đạp, thằng vác lên vai. Đồ nghề xe con tháo ra còn để đây mà.

Thấy hai thằng bé đáng yêu quá, tôi tội nghiệp chúng:

– Tụi bay mượn xe tao?

Hai cậu bé rụt rè:

– Dạ, có thể được không bố?

Tự nhiên tôi trở nên cả nể, khẽ gật đầu:

– Cũng được, tụi bay lẹ lên, chiều rồi đấy.

– Cám ơn bố, con không phụ lòng tin của bố đâu. Già như bố mà còn ngồi sửa xe, tội nghiệp quá.

Niềm tin của tôi vào con người thật to lớn, khi nghe được một lời ngọt ngào. Tôi đã cả tin đến chín giờ tối hôm ấy. Hai chú nhỏ không trở lại. Tôi dò dẫm nhìn ra cuối đường trong hy vọng mỏng manh. Chiếc xe đạp dùng cho công việc kiếm cơm của cả gia đình tôi không bao giờ trở lại nữa, đổ nghề ngổn ngang. Chị bán thuốc lá lẻ đầu đường mắng tôi:

– Bác già rồi mà còn cả tin quá, con nít bây giờ ghê gớm lắm. Thôi bác về đi, khuya rồi đấy.

Tôi bó đồ nghề sửa xe đạp vào một cái bao khiêng lên vai, lội dưới trời mưa trở về túp lều ao cá có người bụng mang dạ chứa trông chờ. Tôi đội những món đồ nghề sắt thép trên lưng, lẫm lũi lê bước như con rùa đội cái mai của mình, không, như một con ốc sên nhỏ nhoi ươn hèn đội cái vỏ liêm sỉ của nó thì đúng hơn.

Con đường về nhà của tôi sao đêm ấy dài diệu vợi. Từ đường Nguyễn Kim qua trường đua Phú Thọ, qua hương lộ 14, đến hết con đường Âu Cơ, trước đây tôi cũng đã dùng cái tên Âu Cơ này đặt tên cho nhà xuất bản của mình. Một sự trùng hợp vô lý. Mưa ướt lướt thướt, mà tôi vẫn cứ lội đi, qua một nghĩa địa đang cải táng. Những tia chớp xanh loảng ngoảng vạch nát bầu trời đen, rồi tiếng sét nổ. Vẫn không có một lưỡi

tầm sét nào của ông trời giáng trúng đầu tôi.

Khi đó thì tôi bật khóc. Túp lều cá cô liêu, tiếng ếch nhái y uông vang trong suốt một đêm trường. Túp lều dột nát quá, vợ chồng tôi ngồi đợi áo mưa rách suốt đêm hôm đó.

Tôi chờ trời hửng sáng để lại lên đường đi làm. Đứa con của tôi đang quấy đạp trong bụng mẹ nó. Thây kệ, không thiếu gì người mắng mỏ tôi là đại khờ, con nít cũng lừa gạt được. Không chẳng ai mắng mỏ tôi thế, họ chửi lên đầu tôi, chửi một thằng già còn ngu hơn con chó. Tôi chỉ biết một điều, mỗi chiều tôi vẫn phải trả nợ góp. Không đủ tiền lập tức tôi bị xiết kìm búa, mỏ lết. Chủ nợ của tôi là vợ của một người bạn cho tôi vay một chỉ vàng từ

hồi buôn bao ni lông phế liệu. Tiền nợ còn nguyên gốc. Mỗi ngày bà ta đến lấy tiền lời. Muốn có tiền mua gạo, tôi ngồi thêm giờ sửa xe cho đến khi trời tối. Về muộn mua gạo ở hàng tạp hóa người ta không mở cửa vì sợ tôi xông vào nhà ăn cướp. Hai vợ chồng tôi và cái bào thai đôi thường xuyên.

Tôi chìm đắm trong buồn chán và men rượu khan. Tôi thường ăn nói lung tung như một thằng điên. Có dịp gặp lại thi sĩ Bùi Giáng, nhìn bộ dạng tôi anh khuyên tôi đừng có điên. Tôi nhìn anh:

– Nhưng sao anh lại điên?

– Chắc không, đồ ngu, tao có thì giờ để điên, mày có thì giờ điên không?

Tôi chịu thầy. Đúng đó tôi đâu có thì giờ để điên. Nhận định của một người điên có tiếng như thi sĩ Bùi Giáng thật là đúng, sáng suốt không chê được.

Tôi chưa đủ tư cách làm một người điên. Quan trọng nhất phải có thì giờ dành cho những cơn điên dại. Những cơn điên phải có đầy đủ chất lượng của nó, nghĩa là khác đời. Dầu điên thật hay điên giả. Bệnh điên nên coi là một bộ môn nghệ thuật. Với thi sĩ Bùi Giáng, tôi chịu thua vì ông thuộc loại siêu điên có nghệ thuật. Tôi chỉ là hàng hậu sinh, không dám phán đoán. Nghĩ đến ông, tôi vừa cảm phục vừa thán phục. Tôi muốn viết một quyển sách về ông có nhan đề là “một đời điên dại”. Hôm nay tôi đang sưu tầm những mẫu chuyện điên của Bùi Giáng, một thi sĩ “điên” kỳ lạ. Một bậc tài năng, không nhắc đến là

một điều thiếu sót. Người ta phải gọi Bùi Giáng là “Ông điên” chứ không ai gọi là “Thằng điên”, “Người điên” nên chẳng có đẳng cấp do những người còn tỉnh gọi và phân biệt.

Trong thiên hồi hồi ký này, nhắc đến thi sĩ Bùi Giáng, chỉ để nhắc đến mà thôi, chưa hẳn là một bài viết về ông. Một hiện tượng nêu ra trong cuộc đời này.

Bây giờ tôi lại xin tiếp tục thiên hồi ký của mình. Những ngày cư ngụ “hợp pháp” ở ao cá là những ngày tháng nặng nề, cay nghiệt, những điều xấu và những điều tốt đến với tôi lẫn lộn. Điều tốt đến với tôi hiếm hoi như những vẩy vàng dãi được, còn điều xấu thì như như sỏi cát.

Rồi tôi cũng có lại chiếc xe đạp đi kiếm cơm. Những món đồ lạc soong của những người bán ve chai cho. Tôi ráp thành hình một chiếc xe đạp và đạp đi được. Hình như tay nghề của tôi cũng đã cao. Nhờ vậy đời sống tôi xoay trở cũng dễ dàng hơn. Vợ tôi gần kề ngày chuyển bụng. Tôi phải có xe đi để xoay ra tiền. Tôi biết đứa trẻ này ra đời chẳng được ai thừa nhận, ngoại trừ chúng tôi, nhưng cần thiết gì. Bố thương con, dẫu con là trai hay gái. Không biết con có khỏe mạnh không. Mẹ con suốt thời gian mang thai sự bồi dưỡng quá thiếu thốn. Mẹ con gầy và xanh như tàu lá. Tôi lo lắng cho giờ phút sinh nở của vợ, với nàng là sinh con so.

Vị sếp sòng ao cá còn nợ tôi năm tháng tiền lương. Vị chi là mười lăm

ngàn đồng bạc. Số tiền này xem ra cũng đủ cho cuộc sinh nở cho vợ tôi. Buổi trưa tôi đẩy xe phân không đến nhà chủ. Tôi vào nhà nói “ý nguyện” của mình với ông chủ. Ông ta có vẻ suy nghĩ một lát rồi nói:

– Anh ra dọn cho sạch phân chuồng heo đi rồi tính. Tôi chưa bán được heo.

Buổi chiều hôm ấy, tôi phải chờ đến bốn xe phân heo đổ xuống ao cá. Ông chủ nói với tôi:

– Vợ anh chưa sanh phải không? Vậy thì khi nào đi sanh rồi tính.

– Thưa ông tôi cần phải thu xếp, cả ngày hôm nay tôi phục vụ cho ao cá, tôi không đi kiếm tiền được. Tôi cần chút đỉnh trước...

Ông chủ cười mỉa mai:

– Anh nói anh cần lương thực? Tôi được báo cáo ngày nào anh cũng vớt cá lên ăn. Anh dung túng cho kẻ lưới trộm cá rồi chia tiền với họ.

Tôi ghen uất lên tận cổ, đầu nóng bừng bừng. Tôi không thể nhịn được:

– Ông nói tôi là thằng bảo vệ đi ăn cắp cá hả? Ông sỉ nhục tôi phải không?

Cái cười nhếch mép đều đều, cái mặt gà mái men mét và giọng nói Quảng hơi khó nghe:

– Thế hả? Tôi chỉ nghe nhân dân báo cáo và phản ánh như vậy. Ủ, đâu có chứng cứ gì. Thôi được, cứ tới ngày vợ anh đi sanh, anh đến đây.

Chú em ruột tôi, ngày còn sống ở

nhà nói tôi chỉ là con cọp giấy. Hung hăng cái lỗ miệng, chẳng làm gì được ai. Bây giờ tôi thấy nhận xét của chú em đúng. Cả đời tôi chỉ chịu thua chịu thiệt. Tuổi Mậu Dần mà cầm tinh con Tuất, con Hợi. Mẹ tôi vẫn thường dạy tôi một điều một điều nhin là chín điều lành. Tôi nhẩn nhin ra khỏi cửa nhà ông ta, đẩy chiếc xe chở phân heo, trong tiến máy dẹt vải ì xèo, cả một khu nhà ngang của ông ta đặt khung dẹt. Một con người biết làm ăn, biết tích lũy và biết bóc lột, dối trá sẵn sàng nuốt lời. Có lẽ một giai cấp giàu sang mới đang thành hình trong chế độ. Năm mươi năm kháng chiến đấu tranh để hình thành một giai cấp mới. Mỹ đã cút và Ngụy cũng đã nhào.

Cho đến nay đã mười năm qua rồi tôi không thể nào ăn nổi những con cá

ao, đừng nói chi phải mất công ăn trộm cá. Mười cái câu cá cung cấp phân cho đủ loại cá từ ba giờ sáng đến 12 giờ đêm, còn xe phân heo, đầu tép mà cá lúc nào cũng như thò thòm. Nhìn cảnh đó tôi thất kinh rồi, tính trộm cắp tắt ngấm, không một chút manh động. Vợ tôi chỉ nhặt những con tép sót trong xe đầu tôm, rang lên với muối hoặc nấu cháo tìm chút nước ngọt thịt thà. Còn những con cá ao xin chịu thua. Tôi nghe nói cá nuôi ao có lương thực của nó, cái đó phải mua nên tốn tiền. Các ông bà chủ của tôi tiết kiệm và biết tận dụng mọi chất thải để nuôi chúng. Tận dụng sức lao động của tôi mà không tốn kém gì mấy ngoài một chỗ ở là túp lều rách bên ao cá.

Tôi yếu xìu như con sên và người ta nắm được điểm yếu ấy. Tôi đã sống qua

hai mùa lưới cá, chủ lưới cá thương hại tôi là người hầu trà nước nên tặng tôi bốn con cá tra để kho ăn dần, ông ta còn dặn tôi đừng kho gừng vì cá sẽ trở lại mùi hôi thối... Tôi từ chối, không nhận cả bốn con cá ấy. Nên không biết cá tra kho gừng có trở lại mùi thối không như lương thực chúng mỗi ngày. Ông chủ bèn tặng tôi tiền, vài trăm bạc ít ỏi, nhưng còn có cái tình... Các ông chủ nuôi cá của tôi là một trong những vị tinh tú trong thi văn đàn của phường. Tôi từng nhìn thấy các vị xướng họa. Thơ chép nắn nét vào tập vở đóng bìa da mạ vàng để lại cho hậu thế. Một ông cụ làm nghề thầy cúng chuyên viết sớ ở đền miếu biết được vài ba chữ Hán, chữ nôm được giới thiệu là học giả thông kim bá cổ. Một lần tôi đến nhà ông Tám Hảo chơi, thấy quyển sách Tư Mã

Thiên, tôi mó vào định lật xem. Tôi bị một vị mắng cho một trận kịch liệt...

Tôi tiếc là chưa được đọc quyển tiểu thuyết “Những vĩ nhân tỉnh lẻ” của Dương Thu Hương nên không biết trong đó viết gì.

Tối ngày vợ tôi đập bầu, tôi vẫn không thể nào lấy được tiền công trông coi ao cá. Đứa con trong bụng mẹ nó quấy đập dữ dội. Vợ tôi vẫn phải cúi gập đầu trên xe tôm kiếm tìm những con tôm sót. Tôi khuyên vợ tôi nấu một nồi cháo tôm ăn lấy sức, chắc là sáng mai thì sinh em bé. Vợ tôi nói thôi. Tôi phải đưa nàng đến nhà bảo sanh. Tôi phóng đi hành nghề sửa xe hành nghề kiếm tí tiền lẻ. Buổi chiều hôm ấy tôi phải cãi nhau kịch liệt với bà chủ nợ để bảo vệ món tiền ít ỏi kiếm được.

Không cho bà ta xiết tiền lời. Lần đầu tiên trong đời tôi chiến đấu dũng mãnh như vậy.

Qua một đêm vợ tôi chuyển bụng đẻ, sáng sớm ngày hôm sau tôi phải đưa vợ đi sớm. Túp lều bên ao cá buồn heo hắt. Hàng cây tre, lối đi quanh ao trồng cây bạch đàn cao vút lao xao gió thổi. Căn chòi chúng tôi ở như căn chòi hoang. Bờ thêm có một tổ kiến, tôi còn kịp nhìn hàng kiến tha mồi về tổ. Tôi không nỡ di bàn chân lên đó. Không gian như đứng lại.

Tôi đèo xe đạp vợ tôi lên nhà bảo sanh quận Tân Bình. Trong khi chờ đợi khám, tôi mời vợ tôi tô hủ tít và ly cà phê sữa. Tại quán cà phê tôi gặp anh nhà báo Đường Thiên Lý, xưa kia tôi cũng làm việc chung với anh tại một

tòa báo. Hình như ngày nay anh còn tiếp tục hành nghề, nhưng cũng èo uột lắm. Sau giải phóng đời sống anh thảm hại, bị vợ bỏ, anh đi đập xích lô. Trong nghề nghiệp mới này anh lại gặp một mối tình, rồi cũng nên vợ nên chồng. Anh hứa với tôi sẽ thông báo cho bạn bè. Tôi tin điều đó cũng được và không tin cũng chẳng sao.

Tôi lại phải chở vợ về nhà bảo sanh Hùng Vương vì đẻ khó. Những đồng bạc ít ỏi của tôi vét bằng sạch, không thấm tháp gì với thủ tục nhập viện. Tôi lại lên đường hy vọng khi trở về có tiền, rồi suốt buổi trưa, buổi chiều. Mãi chiều tôi mới gặp được một người bạn tù cũ, anh Phạm Như Kiều. Hiện thời anh là kẻ có tiền. Tôi nói với anh, anh sẵn lòng giúp. Tôi nhớ rõ là hai ngàn rưỡi đồng bạc.

Anh là người theo đạo Tin Lành, anh nói với giọng rất chân thành:

– Anh nhớ nhé, Chúa đã nói rằng làm việc thiện bằng tay mặt thì không cho tay trái biết.

Nhưng sau tôi biết đó là lời Chúa nói chứ không phải là lời của bạn tôi Phạm Như Kiều. Tôi khốn đốn vì nghĩa cử của bạn tôi không ít. Tám giờ tối tôi chạy về nhà bảo sanh. Vợ tôi vẫn nằm trong phòng đợi sanh. Tôi hỏi tại sao lại chưa sanh được. Cô nữ hộ sinh cho biết đã gọi thân nhân của bà Trần Thị Thúy mấy lần. Bà Thúy cần phải chích thuốc dực sinh. Tôi cúi kính:

– Tại sao lại không chích?

– Tại vì ông chưa đóng tiền, đóng tiền thuốc và công chích đỡ đẻ thì sinh

ngay ấy mà. Chưa có tiền thì để đó đã. Nguyên tắc thôi.

Tôi đóng tiền xong, mười phút sau vợ tôi sanh. Một đứa con gái èo uột. Chắc chắn là suy dinh dưỡng ngay từ trong bụng mẹ. Tôi cúi xuống con, nhìn vợ nói:

– Mình gọi nó là con Tép nhé!

Nhờ có mũi thuốc chích dục sinh, con tôi mới được ra đời an toàn, tôi biết thêm được một điều ở nơi làm công việc nhân đạo này họ rất sòng phẳng về mặt tiền bạc. Thấm thía câu “thầy thuốc như đồ tế”. Một câu vô cùng xỏ lá, phản ánh lòng nhân đạo hồi ấy trong chốn y tế.

Suốt thời gian vợ tôi nằm ở nhà bảo sanh, xảy ra mấy vụ trốn khỏi nhà

để. Lần nào người mẹ cũng bỏ lại con trốn đi người không. Tôi cũng chẳng hiểu người ta xử lý với những đứa trẻ bị bỏ rơi đó ra sao. Nhưng tôi vẫn nghĩ đến một lòng nhân đạo mà con người phải có. Hy vọng là thế! Nên tôi không thể khẳng định đó là điều tốt hay xấu cho những trẻ sơ sinh. Có thiếu chẳng là bầu sữa nóng của mẹ và tình mẫu tử. Biết đâu trên thân thể đứa trẻ sơ sinh đang yên ngủ hay o oe khóc đó không in lại rẫy nước mắt của người mẹ nó hay lưu lại ánh mắt đau buồn. Dù chị là gì, thế nào, nhưng chị cũng là con người. Một con người đẻ ra con người.

Tôi đồn đảo đi tìm tiền, còn nôn nả hơn anh công an đi tróc nã tội phạm, để “chuộc” vợ con ra khỏi nhà bảo sanh. Ổn nghĩa cuộc đời bạn cho tôi, tôi không thể không nói bất cứ từ đâu

đến. Cũng có lần nhận sự giúp đỡ của ai đó rồi mang họa vào thân, nhưng nào có quan trọng gì đâu.

Một buổi sáng tôi đang ngồi sửa xe, đang rầu rĩ thối ruột gan. Một anh ký giả trẻ tới bên tôi, anh chia mừng tôi mới có con, anh dúi vào tay tôi một nắm tiền:

– Anh Huỳnh Bá Thành nhờ tôi đưa giúp anh để lo cho cháu. Anh cứ nhận, không có điều kiện gì hết.

Tôi ngỡ ngàng, rồi tôi nhận, cảm ơn. Người ký giả trẻ vội vã ra đi. Trong thiên hồi ký viết trên gác bút này tôi chưa ca tụng ai nhưng không thể không công nhận một con người Huỳnh Bá Thành. Tôi không khen cái tình con người của anh đối với riêng tôi mà anh

từng đối xử với nhiều người khác dù không đứng chung về phía anh. Anh có một tấm lòng đáng quý. Đó là tình người. Tôi đã im lặng về chuyện này nhiều năm. Đến nay con bé Tép của tôi đã tám tuổi. Huỳnh Bá Thành đã chết ở tuổi 49 với bệnh nhồi máu cơ tim. Tôi không đi đưa đám anh, nhưng tôi nghe kể lại. Bà mẹ già của anh khóc lóc kêu lên rằng sao không để bà chết thay anh, vì nếu anh còn sống anh còn làm được nhiều việc tốt, Tôi nghĩ không ai hiểu con người bằng mẹ.

Nhân cách của anh tồn tại. Tôi không có nhiều kỷ niệm với Huỳnh Bá Thành. Tôi chỉ nói về anh những điều ngắn gọn nhất.

Tôi đã đủ tiền để “chuộc” vợ con tôi ra khỏi nhà bảo sanh Hùng Vương.

Bệnh viện luôn luôn cảnh giác cao. Bảo vệ theo vợ chồng và đứa con sơ sinh của tôi bèn gót đến tận quầy đóng tiền. Khi tôi đóng tiền xong, anh chị em bảo vệ mới thở phào nhẹ nhõm, họ hoàn tất công tác. Chúng tôi không ôm con chạy trốn hay ném con lại chạy thực mạng thoát thân như nhiều vụ đã xảy ra.

Tôi tự chở vợ con tôi trên chiếc xe đạp thổ, con đường hương lộ 14 xóc điên người. Tôi cứ đi, đi mãi cũng tới nhà. Túp lều ao cá phường 23 Tân Bình nằm heo hút trong xóm vắng, ngổn ngang mồ mả cải táng. Người ta đã đập sập cái nhà mồ, nơi vợ chồng anh bạn mù hát rong cư ngụ. Chẳng biết họ đi về đâu rồi.

Đêm đêm tôi vác gậy đi tuần quanh

ao trong tiếng ễnh ương kêu y uôm, tôi không còn nghe tiếng đàn Tây Ban Cầm dạo của anh mù và tiếng hát như mèo gào trong đêm của chị vợ dượt bài bản nữa. Tôi nghĩ ngày nào đó vợ chồng con cái tôi sẽ dời khỏi ao cá này. Lại tha phương cầu thực. Chốn này có một mái nhà nhưng không phải đất lành chim đậu.

Khi tôi viết trang hồi ký trên gác bút này thì trời đổ mưa. Sấm chớp ì ầm một góc trời.

Gia đình nhỏ bé của tôi phải dời ao cá trong cảnh thảm hại. Khi đó bé Tép mới có tám tháng tuổi, hai vợ chồng tôi và một con chó con, con Lu. Chó Lu cũng sống với chúng tôi được tám năm mới chết. Tôi chôn nó dưới vườn, ngay căn gác bút của tôi nhìn xuống. Có lúc

tưởng chừng nó còn quanh quẩn dưới chân tôi. Bây giờ thay vào nó là một bầy mèo. Mới đầu chỉ có một con, bây giờ chúng sinh sôi nảy nở thành một bầy. Chúng quanh quẩn chơi với ba đứa con của tôi và chơi với tôi. Có lúc nó nằm trên bàn viết xem tôi làm việc cả tiếng đồng hồ. Nó dụi cái mõm xinh xinh đáng yêu vào tay cầm bút của tôi, tôi buông bút vuốt ve nó và nói cũng lẫn thẩn với nó. Tôi thường có những lúc như thế. Thường là những lúc hứng khởi sau khi buồn chán.

Tôi phải viết về việc dời ao cá ra đi như thế nào nhỉ. Nói đúng ra tôi bị đuổi khỏi ao cá cấp kỳ, người ta không cho tôi trông coi ao cá nữa dù không công. Tôi bị kết tội là thiếu đạo đức, tên mang án phản động đang nguy trang nghèo đói sống lẫn lút trong nhân dân.

Tội nào đối với tôi cũng đúng cả. Tôi đã bị người ta thuê côn đồ đánh đập cả hai vợ chồng. Phải đưa đi cấp cứu và tôi đã bị xử thua, hay không được nhắc đến nữa. Như hôm tôi bị đưa ra phường xử về mặt đạo đức do bà vợ cũ tôi thưa kiện vì tôi dám bỏ vợ vì bà ta chửi mẹ tôi là con đĩ già. Mụ phù thủy, quân đội quân. Tôi không chấp nhận cho bà vợ tôi hiện đang chung sống móc cái bào thai mang trong bụng vứt bỏ. Ngược lại tôi còn bảo vệ cái bào thai ấy để nó ra đời. Bé Tép suy dinh dưỡng của tôi.

Tôi thua, cuối cùng thì thua ở những cái miệng có gang có thép. Chiếc xe đạp thô lại chở mẹ con nó ra đi. Chưa biết về đâu...

Hoàn cảnh này tôi làm vạ lây đến vợ con và con chó Lu. Tôi đang bị ném

ra ngoài lề xã hội. Tất cả mọi người ngoảnh mặt với tôi. Nhưng tôi vẫn phải bỏ sức lao động ra kiếm sống. Roi vọt tới tấp vút xuống thân phận. Tôi tha hồ đỡ gạt rồi lì đòn, chịu nhận mình sai trái cho yên thân.

Tôi có một căn nhà ở ấp Đông Ba Gia Định, mua từ thuở đầu đời, nhưng tôi không được về đó và không được phép về do nhiều “lý do tế nhị” tôi không hiểu nổi. Vợ con tôi sống chui rúc ở một căn gác hẹp. Ngày ngày tôi đi thô gạo và buôn rượu lậu ở đất Gò Đen lên thành phố bán kiếm chút lương thực và kiếm rượu uống “nung chí anh hùng”.

Tôi đi từ sai lầm này đến sai lầm khác. Rồi đây tôi không biết mình trở thành cái giống gì. Hiện nay tôi đang ngồi viết hồi ký ở trên gác bút trong

căn nhà xưa của tôi trong ấp Đông Ba
vùng Gia Định xưa kia.

CHƯƠNG 6

 HỒI GIAN BAO CẤP, QUAN
LIÊU, CỬA QUYỀN đã qua
chưa? Nhân dân đã đói khổ quá chừng.
Những đợt người trốn đi nước ngoài,
vượt biên bất chấp mọi hiểm nguy đã
gần thời tàn lụi. Các cửa trại tiếp nhận
người tị nạn trên các xứ tự do dần đóng
cửa.

Chủ nghĩa cộng sản trên xứ Liên
Xô tan rã. Trung Quốc mở cửa đón

nhận quốc tế đầu tư. Thời đại Hồng Vệ Binh khinh khủng của bà Giang Thanh lùi vào dĩ vãng. Một Trung Quốc mới ra đời.

Việt Nam cũng tuyên bố mở cửa. Người ta tuyên bố và quay lại xỉ vả thời quan liêu bao cấp. Đó là việc làm của người ta, chẳng mấy ai quan tâm đến, Bộ luật hình sự được quốc hội phê chuẩn và ra đời. Sống có luật pháp hân hoi. Trường luật được phục hồi, nghĩa là mới thành lập đối với chế độ mới. Các luật sư thuộc chế độ cũ được hành nghề trở lại với điều kiện phải học lại và thi đậu.

Tôi có một ông bạn là tiến sĩ công pháp quốc tế Đào Quang Huy từng làm chánh án, giáo sư dạy đại học luật.

Nay ông muốn hành nghề luật của ông, ông phải đi thi lại. Ông thi trượt, trong khi vợ ông, chính là học trò của ông xưa kia lại thi đậu bằng luật sư và được hành nghề. Thân chủ của bà thật đông. Ông chồng thì ngồi chơi xơi nước cho đỡ buồn. Ông nghiên cứu luật giúp vợ.

Mở cửa rồi thì tới đổi mới, đến kinh tế thị trường. Người ta phải bon chen để sống. Nhiều vấn đề được đặt ra để phù hợp với nếp sống văn minh. Nhiều nhà giàu xuất hiện, không phải thuần vì biết làm kinh tế. Con số người giàu nghèo trong xã hội có sự chênh lệch rõ rệt. Đó là chuyện của người ta...

Mỹ vẫn còn cấm vận Việt Nam. Việt Nam có một đồng minh bị Mỹ cấm vận hơi lâu là Cuba với đồng chí Fidel

Castro. Hai nước xã hội chủ nghĩa anh em thi nhau xỉ vả đế quốc Mỹ chơi xấu, chơi đều.

Trong thiên hồi ký này, ngay từ đầu tôi có ý nghĩ rằng chẳng nên bàn đến chuyện chính trị làm chi. Nhưng khi viết, nhất là viết hồi ký tôi thấy điều đó không đúng. Phải có tí chính trị, chế độ, cách cai trị con người mới đưa đến một xã hội. Một cách dẫn chuyện, tốt hay xấu, hay lằng lẩn nó bày ra đó. Trên những thân phận con người. Một sự xuyên tạc nào cũng không có giá trị gì.

Sau ngày ở ao cá, vợ chồng con cái tôi thuê được một gác nhỏ ở vùng ngã ba Chú la, gần bệnh viện Cộng Hòa của quân đội xưa kia. Địa danh này trước kia nổi danh là một nơi đi điếm, chẳng tốt lành gì. Tôi phải chấp nhận một đời

sống như thế vì mình quá nghèo chẳng biết mảnh mung chôm chĩa ai hết để có cái ăn cái ở khá hơn, cũng chẳng có tài cán kiếm ra nhiều tiền. Nghề viết lách thì cùn lụt, không hợp thời. Tôi gác bút làm thân con trâu kéo cày. Những phút hứng khởi vẫn là chất men rượu nguy hiểm. Huênh hoang nói phét cho đỡ vã miệng. Nghĩa là tôi chẳng là cái thá gì hết.

Trong nhiều năm nay tôi chẳng hiểu gì về tình hình thế giới. Tôi nghe phong thanh một số văn nghệ sĩ bạn đồng nghiệp của tôi, những người đã chạy thoát ra nước ngoài. Bây giờ họ lại hành nghề viết văn làm báo. Người ta mở nhà xuất bản. Họ có tiếng nói trong cộng đồng người Việt. Điều đó cũng tốt và tôi biết đời sống của họ cũng èo uột lắm. Những thế hệ con

cháu họ lớn lên đã quên dần chữ Việt. Tôi cũng nghe nói một số sách vở, tiểu thuyết, truyện dài, truyện ngắn của các nhà văn cũ được in lại. Trong đó có tôi. Số sách của riêng tôi được in ra không dưới hai mươi bộ. Có những bài viết nói xấu có, nói tốt có, thương hại thân phận tôi còn ở lại Việt Nam sống cuộc đời vừa bất hạnh vừa đói rách cũng có.

Ở tại đất nước này người ta quên tôi rồi và họ muốn quên luôn. Vậy mà ở nơi khác người ta còn nói đến tôi, nhắc rằng tôi vẫn còn hiện hữu. Có sao đâu. Tôi vẫn có một đời sống dù là đời sống thường xuyên đói rách. Một số bạn bè tôi, đồng nghiệp cũng có, không phải đồng nghiệp cũng có gửi “quà” về giúp đỡ tôi. Tiện đây tôi xin chân thành cảm ơn nghĩa cử ấy.

Rồi một hôm điều mà tôi không ngờ tới, có người tới gặp tôi. Một chủ nhà xuất bản mới toanh. Không đúng, một tay lái sách, nói một cách khác là “đầu nậu”. Anh ta không đủ tư cách là chủ một nhà xuất bản lấy giấy phép để được in ấn, mà chỉ mượn tên nhà xuất bản, xin chữ ký của giám đốc nhà xuất bản lấy giấy phép để được in ấn, kinh doanh chữ nghĩa kiếm lời. Nhà xuất bản tư nhân không có, cho đến bây giờ, khi tôi đang viết những hàng chữ này vẫn chưa có. Một cuốn sách được phép xuất bản, không phải chịu sự kiểm duyệt mà chịu qua chế độ biên tập. Nghĩa là những người có trình độ, đọc, toàn quyền sửa chữa, mới đệ lên ngài giám đốc ký. Lại thêm có ngài chịu trách nhiệm xuất bản. Không còn chế độ kiểm duyệt nữa, nhưng chặt chẽ,

tưởng chừng như một chữ nhỏ bằng con kiến cũng không thể lọt được. Nếu chữ ấy có sai phạm hoặc ngài biên tập có thể đổi hẳn cả một đoạn văn khiến tác giả cũng phải ngỡ ngàng, nổi cáu vì bị xúc phạm. Nhưng chuyện cũng đã rồi. Tác giả luôn luôn là kẻ thấp cổ bé miệng. Đầu nậu, kẻ trực tiếp bỏ tiền ra in ấn và trả tác quyền cho tác giả. An ủi cho tác giả một câu:

– Chuyện bắt buộc thôi, nếu không biên tập như thế thì sách không ra được. Anh tính coi tôi bỏ vào đó bao nhiêu triệu bạc, chạy chọt giấy phép, chạy chọt biên tập. Đáng lẽ sách không được ra, cũng nhờ biết điều và khéo nói, nếu không, tiêu tùng rồi.

Có một giai thoại nói về nhà văn Nguyễn Tuân, đưa tác phẩm của mình

cho nhà xuất bản. Đương nhiên là phải chịu sự biên tập. Nhà văn van vái ngài biên tập:

– Xin ông, ông đừng biên tập câu này của tôi. Tôi đã cân nhắc rất kỹ, tôi đã treo nó lên gõ kêu boong boong rồi mới ghép nó vào tác phẩm.

Nhà văn Nguyễn Tuân còn có dịp thừa chuyện với ngài biên tập. Còn những người hành nghề viết văn làm báo thì không có dịp. Nguyên tắc biên tập như thế, nhưng chưa phải thế! Còn tùy túi tiền nặng nhẹ, những châu bìa ôm, bìa lon của các đầu nậu mà linh động. Hàng loạt sách tiểu thuyết, bài báo không đúng chất lượng được tung ra thị trường. Rồi những vụ cãi chầy cãi cối, tác giả bị “tố”, bị mời đi “làm việc”. Nhà xuất bản không chịu trách nhiệm,

biên tập không nhận, cả đến ngài chịu trách nhiệm xuất bản cũng chẳng chịu luôn. Sách có lệnh tịch thu được bao nhiêu đã lọt đi hết rồi. Đầu nậu thì cứ về tiền. Tôi muốn nói đến cuốn truyện “Nổi Loạn” của Đào Hiếu. Thú thật tôi chẳng biết cuốn sách đó viết những gì, nói xấu cán bộ như thế nào? Nhưng um sùm lăm. Tác giả bỗng dưng được “phong thánh”.

Tôi gặp nhà văn Bảo Ninh, tác giả cuốn tiểu thuyết “Đằng sau cuộc chiến”. Anh là bộ đội phục viên, trở về viết văn. Tôi đã đọc cuốn tiểu thuyết này. Anh không hãi sợ khi cầm bút viết lại tất cả những gì mình biết vì đã tham dự cuộc chiến đó, cuộc chiến được coi như thần thánh. Anh không bơi nhỏ mà nói lên sự thật. Thân phận những con người bị ném vào cuộc chiến. Tôi không nói là

xấu hay tốt mà là sự thật là nhân bản của con người. Anh bị lên án. Lên án thế nào, tôi tưởng chẳng nên nói nhiều.

Như “Thiên đường mù” của Dương Thu Hương. Như “Tướng về hưu” và hàng loạt truyện ngắn của Nguyễn Huy Thiệp. Họ từng là hội viên của Hội Nhà Văn Việt Nam, từng là đảng viên. Bây giờ họ trở thành người có tội vì nghề cầm bút của mình. Tôi nhận họ vừa là nhà văn chân chính vừa có tài, tôi nghĩ rằng họ không chỉ dừng lại ở đó. Tôi gặp Bảo Ninh thấy anh cặp chai rượu đế bên nách và rủ tôi đi nhậu. Tôi là một con sâu rượu, nhưng hôm đó tôi lại từ chối vì mắc chuyện cơm áo. Tiếc rằng từ đó tôi không còn lần nào gặp anh nữa.

Khi tôi viết đến những trang này, tôi được cảnh sát khu vực mời tôi lên phòng làm việc với an ninh thành vào hồi 8giờ30 sáng ngày 13-6-1997. Tôi không nhận được giấy mời mà chỉ là lời mời miệng, nói là để trao đổi. Tôi không biết trao đổi gì, thôi để những chuyện đó nói sau.

Bây giờ tôi nói đến chuyện cầm bút lại đã. Vâng, tôi đã cầm bút lại như thế nào. Xin trả lời ngay rằng tôi không mấy thoải mái. Quả thật vác cây bút này nặng ngàn cân.

Thời đổi mới, hàng loạt sách vở trước kia bị cấm đoán nay được tái bản. Những sách của Tự Lực Văn Đoàn được in lại hầu hết. Còn nhiều tác giả khác mà trước đây bị coi như đối lập với nhà nước, sách cũng được in lại. Một buổi

chiều tôi được Nguyễn Thị Thụy Vũ, bà bạn đồng nghiệp mời đi nhậu với một số bạn bè. Lý do chị được đầu nậu trả cho chị bốn triệu đồng tác quyền mấy cuốn sách của chị. Họ trót tái bản mà không xin phép chị. Bữa nhậu xôm trò trong quán Tú Hải đường Huỳnh Văn Bánh (Nguyễn Huỳnh Đức cũ). Tôi nhớ bữa nhậu đó có mặt một số anh em nhà văn nhà báo cũ, bạn tôi, dĩ nhiên cũng có mặt cả những đầu nậu, cai đầu dài đầu ngắn giữ nhiệm vụ chủ chi để cho thêm phần long trọng.

Gần cuối bữa nhậu từ bàn bên cạnh, một thanh niên cao lớn, anh ta cỡ trung niên cầm một lon bia mở sẵn sang bàn chúng tôi, đến trước mặt tôi mời:

– Xin mời anh uống với em lon bia này.

Tôi ngỡ ngàng chưa nhận ra anh là ai, nhưng mặt thì có hao hao giống ai đó có thể quen biết, nhưng tôi không nhớ nổi. Anh bạn chưa quen biết đến gần tôi hơn:

– Xin mời anh, anh không nhận ra em là phải, khi viết những cuốn sách về xã hội đen ở Sài Gòn hồi đó em còn nhỏ quá, em là Bửu, em anh Sơn Đảo đây mà.

Sơn Đảo, một nhân vật có tiếng trong xã hội đen hồi đó, một tay “kỳ bèo” kiêm anh chị bụi. Tôi đã từng gặp anh ta, nhưng chưa bao giờ viết về anh ta. Điều đơn giản vì tôi không biết chơi cờ bạc, một trong những thủ phạm mê

của những tay chơi thời đó. Phải thú thực rằng vì nghề nghiệp nên món ăn chơi nào tôi cũng nhúng mũi vào, nhưng thực chất tôi là một anh nhà quê nên chẳng thạo một ngón nào hết. Có cái con hoàn toàn không biết. Hút sách, cờ bạc, nhẩy đầm, làm du đấng hay anh chị, tôi mù tịt. Khi sáng tác, tôi tìm đến cảm nhận nhiều hơn hết. Chỉ đơn giản thế thôi. Tôi nhận lon bia mời của chú Bửu, uống ra cái vẻ một tay chơi, hảo hán lắm. Một anh hùng mạt vận uống rượu tiêu sầu. Sau này nghĩ lại, tôi thấy mình như phờng tuồng. Chẳng cần ai chửi tôi mà chính tôi cũng đã chửi tôi rồi.

Ngày hôm sau, một anh đầu nậu đến nhà tôi, xin được ký kết với tôi cho phép tái bản một số tiểu thuyết do tôi là tác giả. Anh đầu nậu này hình như

cũng là một nhà thơ, nhưng chưa dành được một chỗ đứng trên thi đàn, nên rất ít người biết đến. Nhưng anh có một bút hiệu rất... thơ. Lãng đãng mùi thiền... Tôi thú thật với anh rằng tôi chẳng giữ được một tác phẩm nào có thể hết. Anh nói điều đó không quan trọng, vì nghề của anh, anh có đầu mỗi để tìm ra. Nơi đó là Tổng Thư Viện, cần chút tiền bạc anh có thể lấy sách ở thư viện hoặc photocopy. Rồi đưa đi biên tập, xin giấy phép tái bản. Hai ba bên đều có lợi. Đang nghèo rớt, nhà thì ở thuê ở mướn, đói thường xuyên, bây giờ bỗng dưng có tiền tại sao tôi lại không chấp nhận. Tôi mua được một căn nhà nát ở xóm lò muối xóm Gà Gia Định. Có tí tiền còn ăn xài, vợ con tôi đỡ khổ phần nào. Tôi cứ nghĩ rằng mình là người được cầm bút trở lại, tôi

ngây thơ, một sự ngây thơ bẩm sinh, tôi nói là ngây thơ bẩm sinh chứ không phải là mãn tính. Rồi tôi lại viết tiểu thuyết. Thời gian đó nhiệt độ ở thành phố nóng thường xuyên 39 đến 40 độ C. Tôi ngồi trên căn gác sát mái tôn nóng cháy người để sáng tác. Công việc lao động trí óc mệt mỏi thật. Nhưng tôi cũng cố gắng hoàn tất những tác phẩm hồi sau giải phóng (1975).

Mọi chuyện không đơn giản như thế. Tác phẩm tôi viết được ra đời, nhưng lệch lạc, mặc dầu cũng đúng chính sách đó. Tác phẩm được biên tập kỹ lưỡng. Nhiều đoạn văn được thêm vào không phải do tôi viết. “Vợ một anh sĩ quan chế độ cũ bỗng nhiên tôi thấy là một cán bộ ở Đồng Tháp lên lấy sĩ quan với công tác nằm vùng.” Đại khái những chuyện như thế. Tôi thì chẳng

biết gì đến những chuyện hoạt động ở bên kia của cách mạng. Đây là lời nói chân thật của tôi.

Anh đầu nậu an ủi tôi:

– Phải như thế sách mới ra được, anh thông cảm, tiền anh cũng đã lấy rồi.

Tôi há miệng mắc quai, và cũng đã nhiều lần mắc quai. Một mình tôi chịu đựng chẳng thể chia sẻ với ai được. Tôi như một nhà văn hành nghề không còn tự ái. Tôi quay ra viết truyện nhi đồng để không đụng chạm gì. Một nhà xuất bản kêu tôi lên, giám đốc nhà xuất bản đưa ra một đề nghị. Tôi đổi tên sách thì sách sẽ ra được. Tôi đành lấy một cái tên lạ hoắc, tôi chẳng biết đó là thằng cha nào.

Một lần khác nhà xuất bản in một cuốn tiểu thuyết về hình sự của tôi, tôi thấy tên tác giả không là tôi mà lại là tên khác. Tựa đề cũng thay đổi. Sáu tháng sau tôi biết mới đi đòi tiền nhuận bút. Anh đầu nậu trả trả tiền cho tôi như cho một thằng ăn xin. Hắn trả lời đốp chát vào mặt tôi:

– Tôi phải làm thế, tiền bạc của tôi bỏ biết bao nhiêu, in cho anh là phúc. Bây giờ người ta in sách khoa học kỹ thuật vì tính có ăn hơn chứ ai in tiểu thuyết đâu. Anh đừng nói chuyện văn nghệ với tôi vô ích.

Tôi là kẻ hết thời, khi đó tôi lại nghĩ đến lời khuyên của ông cậu tôi gần hai mươi năm về trước.

Sức khỏe tôi ngày một suy kiệt. Những công việc nặng nhọc tôi thực hiện không mấy hiệu quả. Sức vóc “trâu nước” của tôi giờ chỉ còn là sức vóc của một con bò sữa gầy nhom gặm cỏ cháy trong đồng hoang.

Anh bạn Trần Phong Giao, nguyên là tổng thư ký báo Văn xửa kia, nay cũng viết báo, giới thiệu tôi là cộng tác viên cho mấy tờ báo ở thành phố để tôi viết bài kiếm tiền... chợ. Chuyện có bài đăng báo mới ăn tiền nhuận bút. Tốt số lắm thì được tòa báo hỗ trợ cho phương tiện, giấy giới thiệu đến cơ quan này, cơ sở kia làm phóng sự.

Báo Công An Thành Phố khi tổng biên tập Huỳnh Bá Thành còn đương thời. Để giúp cho các cộng tác viên nhận công tác do tòa báo chỉ định, mỗi

tháng tòa báo cấp cho 500.000 đồng gọi là tiền bồi dưỡng. Tôi nghĩ việc làm này của Huỳnh Bá Thành chẳng phải do lòng tốt của Thành hoặc cảm tình riêng mà chính là một việc làm có hiệu quả, hiệu quả tốt đẹp là đằng khác cho nghề làm báo. Sẽ tránh được hẳn tình trạng phe phái mà tôi thấy xảy ra ở nhiều tòa báo hiện nay.

Trong đời làm báo của tôi, tôi thấy rất ít trường hợp người lãnh đạo tờ báo có những quyết định sáng suốt như vậy. Ở thành phố và có thể ở khắp toàn quốc chỉ duy nhất có một tờ báo là tờ Công An Thành Phố có được quyết định như vậy. Tờ Công An Thành Phố là tờ báo bán chạy nhất Việt Nam. Từ một tờ báo phát hành nội bộ trở thành một tờ báo có uy tín nhất, được độc giả mến chuộng nhất. Nói đến công an,

tâm lý chung của tất cả mọi người dân đều kinh sợ. Thế mà báo Công An lại được ưa chuộng đúng là tỷ lệ ngược. Sự chân thật đáng quý là dường nào.

Chỉ tiếc rằng sau khi Huỳnh Bá Thành mất đi, những cộng tác viên không còn được coi trọng nữa, số tiền bồi dưỡng bị cúp, tờ báo vẫn bán chạy vì sẵn có uy tín, nhưng chất ngọt ngào tình cảm của độc giả hình như cũng có kém. Bao nhiêu là bài báo viết ca tụng lòng tốt của Huỳnh Bá Thành, nhưng chỉ là những bài ca tụng suông mà thôi. Rồi thấp nhang, rồi đi ăn giỗ. Rất là đúng với lễ nghi loài người văn minh. Tôi xin miễn bình luận dài dòng.

Đời sống của tôi lại trở lại nguyên vẹn con người cùng quần nghèo túng đôi khi liêu lĩnh. Tôi và vợ trở lại nghề

buôn thúng bán bưng để kiếm tiền độ nhật. Chúng tôi phải nuôi hai đứa con tuổi còn mẵng sữa và sắp có đứa con thứ ba. Tôi vẫn rượu chè hư hỏng, và một lần ngã bệnh suýt chết. Tôi bị tai biến mạch máu não. Khi đưa đi cấp cứu hầu như sắp hôn mê bất tỉnh.

Tôi nhớ một số bạn bè tôi đã toi mạng vì bệnh này sau khi nằm liệt giường suốt ba năm trời, bán thân bất toại, tay chân run rẩy, nói năng ngọng nghịu khó khăn. Như chủ nhiệm báo Con Ong, Minh Vô, như nhà thơ Ninh Chữ, một số bạn bè khác nữa. Bố tôi cũng chết bất đắc kỳ tử vì đứt mạch máu não. Còn tôi, tôi thoát chết khỏi căn bệnh hiểm nghèo như được phép lạ.

Tôi chấm dứt ngay những bữa nhậu nhẹt, thuốc thang cũng chỉ đại khái thôi, tôi tập luyện và có chế ăn uống cho mình, rất là đạm bạc, vì không đạm bạc cũng chẳng lấy đâu ra mà ăn uống tẩm bổ. Ít ra những cơn nghèo túng đối với tôi cũng có ích phần nào. Nó làm tôi tủi nhưng chính nó cũng đã cứu sống tôi.

Tôi nói những cơn nghèo đói, túng thiếu khiến tôi trở thành liều lĩnh, chẳng biết sợ là gì. Tôi bán căn nhà nát ở xóm Lò Muối, kéo rốc hết vợ con về căn nhà cũ của tôi, do tôi mua và gây dựng từ thuở thiếu thời. Tại căn nhà nay tôi đã bị cắt hộ khẩu. Tôi đang xin lại và đã cả chục lần hồ sơ tôi được gửi đi rồi trả lại. Hết cơ quan này hướng dẫn đến cơ quan khác, rốt cuộc tôi vẫn

là kẻ sống bất hợp pháp trên ngôi nhà chính tôi làm chủ. Tôi sẵn sàng chờ đợi một sự bất bớ, nếu xảy ra cho tôi. Tôi bình tĩnh lắm, tôi tự đáng giá tôi như thế. Tôi lì lợm như con trâu.

Cuối cùng tôi có tấm hộ khẩu tạm và chứng minh thư tạm. Con người tôi hoàn toàn là tạm. Tạm trú, sống tạm trên cõi đời này. Tạm thời... Tạm tạm mà thôi. phải con người thật của tôi. Như hồn ma bóng quế.

Rồi tôi chán, tôi thấy kệ. Những đứa con tôi lớn dần lên, qua những lớp học nhà trẻ. Năm nay chúng đã ở những lớp tiểu học nhờ vào hộ khẩu của mẹ chúng, nếu không, chúng đã không được đi học. Chúng trở thành những đứa trẻ thất học vì gia đình chúng không có hộ khẩu. Tôi không

biết đó là sự may mắn hay điều nguy hiểm dành cho một gia đình không có hộ khẩu vì lý do gì đó không được cấp. Chính tôi là chủ căn nhà này, chính tôi đã được cấp hộ khẩu tại căn nhà này rồi bị cắt sau khi bị bắt. Tôi xin lại và cho đến bây giờ cũng không được cấp phát. Tôi chán, đâm lì ra muốn đến đâu thì đến. Tôi không còn quan tâm nữa.

Tôi leo lên căn gác xưa cũ, sửa chữa lại sơ sài, có chút tiện nghi. Giam mình ở đó, trên căn gác bút, viết lách, làm gì mình thích. Đó là khoảnh trời tự do. Ở chỗ này tôi có một bàn viết thô sơ tự đóng lấy, nhìn ra cửa sổ. Tôi có một bao lơn nhìn xuống vườn chùa Huệ Nghiêm. Có những người hàng xóm lâu năm từ bé nhỏ của tôi. khi tôi còn niên thiếu. Hàng xóm người miền Bắc

có, miền Nam có. Người từng là lính Cộng Hòa, người là Việt Cộng nằm vùng. Tất cả đều lâu năm và là người Việt Nam như tôi. Dù có người đã đi xa, trở lại xóm xưa với tính cách là Việt kiều nhưng vẫn thấm đượm tình xóm giềng Việt Nam. Đàn bà già cả tặng quà nhau bằng lọ dầu xanh Con Ó sản xuất tại Hoa Kỳ. Đàn ông con trai tặng nhau gói thuốc lá cũng xong, mời nhau bữa nhậu bia lon.

Nhiều chục năm nay dân xóm tôi nghe chung tiếng chuông chùa Huê Nghiêm, nghe chung những bài kinh. Có thể đêm khuya, có thể lúc sáng sớm tinh mơ. Đêm trăng sáng tôi đứng trên bao lơn gác bút nhìn xuống vườn chùa cây lá muốt mát ánh trăng. Tâm hồn tôi được thư giãn.

Tôi ngồi trước bàn viết, cầm lên cây bút và tôi biết mình làm gì trước trang giấy.

Ngoài cửa sổ trắng sáng trên những mái nhà tôn.

CHƯƠNG 7

CÁI SỐ CỦA TÔI “ĐI ĐẾN ĐÂU CHẾT TRÂU CHẾT BÒ ĐẾN ĐÓ”. Mẹ tôi thường nói với tôi như thế.

Tôi trở lại căn nhà xưa, đang yên lành, bỗng nhiên có lệnh giải tỏa, để làm gì đó tôi không được biết, có thể vì chuyện chỉnh trang đô thị cho thành phố văn minh sạch đẹp hơn. Cũng có thể bán lại cho ngoại quốc làm hăng

xưởng gì đó. Chỉ là đoán già đoán non, không ai được biết. Điều duy nhất được biết, không phải mình tôi mà cả những người hàng xóm được lệnh rằng không được sửa chữa nhà cửa, không được nhượng hay mua bán để chờ nhà nước giải tỏa. Nhà nào chưa hợp thức hóa sẽ không được hợp thức hóa. Dù là đất của ông cha để lại cho con cháu ở. Thời gian giải tỏa không được biết, và cũng không được biết giá cả đền bù là bao nhiêu.

Nhà tôi và mọi nhà trong xóm đã chờ đợi sự giải tỏa này năm năm nay. Từ khi đứa con út của tôi được một tuổi và đến nay cháu vào lớp một. Nhà chúng tôi xuống cấp trầm trọng, có những nhà khác trong xóm cứ tự ý sửa chữa và xây cất, không xin xỏ giấy phép, vì xin cũng chẳng được mà vào chốn cửa

quan biết bao nhiêu phiền hà. Thà là chịu phạt, thà không nhận bồi thường khi nhà bị giải tỏa. Họ là con người, họ tự bảo vệ nhu cầu sống của họ. Năm năm qua rồi, nhà của có thể vẫn chưa bị giải tỏa.

Hồi đầu năm nay (1997) một lần nữa ban Chính Trang Đô Thị lại đo đạc nhà cửa trong xóm, có nhà tôi. Họ không trả lời bất cứ một câu hỏi nào của nhân dân đặt ra. Thành ra không có vấn đề “an cư lạc nghiệp”. Đời sống bấp bênh, không tính toán được trước một chuyện gì. Tới đâu hay tới đó. Tôi tính làm đến chuyện kinh tế gia đình nuôi con gà con vịt cũng không dám thực hiện. Thời tiết thất thường này, gà có thể chết hàng loạt, kinh nghiệm này tôi đã trải qua có đến mùa mưa ngâu tháng

bảy ta, gà tôi nuôi bị chết cả loạt, ăn thịt không kịp phải vứt bỏ. Vốn liếng bỏ ra nuôi gà phút chốc tiêu tùng. Điều tôi ghi vào tập hồi ký này chỉ là nét chấm phá đơn sơ trong một bức tranh vĩ đại thời buổi kinh tế thị trường. Điều này đã nhiều người nói đến và viết trên báo chí. Nhiều lời bình luận có đụng chạm, tôi không rõ vì người viết có ngòi bút dũng cảm hay được chỉ thị viết như thế. Xin miễn bình luận hoặc đoán già đoán non.

Cửa sổ bàn viết của tôi nhìn chính hướng Đông. Buổi tối tôi thường đi ngủ sớm, hai ba giờ sáng thức giấc, bật đèn bàn viết lên, ngồi vào bàn. Pha một ấm trà ngồi cho đến sáng bạch. Tôi viết, trải tâm sự mình lên trang giấy. Những điều viết ra chẳng giúp gì được cho thu

nhập kinh tế gia đình tôi. Nhưng tôi thoả mái như trả dần được một món nợ.

Tôi nói là một phần nợ nhỏ, một phần nào cho kẻ kẻ trót mang dĩ nghiệp vào thân. Món nợ vĩ đại của nhà văn mà suốt đời, cho khi nhắm mắt cũng chưa trả hết, vì đời sống mãi vây quanh, chất liệu quá sức dồi dào. Lúc nào cũng muốn viết và có cảm tưởng mình mắc nợ nó nếu chưa viết được nó lên giấy hay chưa viết đủ. “Hồi không thể viết trên gác bút” của tôi ở trong tình trạng ấy, dù tôi chỉ giới hạn trong một khoảng thời gian trên dưới hai mươi năm.

Những sự kiện, những kỷ niệm ví như nấm mọc tự do trong cánh rừng nguyên sinh, mà kẻ đi hái nấm hái hoài không hết. Trong đó có nhiều loại

nấm, nấm độc, nấm lành và có thể có cả nấm... Linh Chi ngàn năm vô cùng quý giá.

Tôi buông bút, uống một tách trà nóng, hút thuốc. Hương Đông đã rạng hồng. Gió thổi rì rào trong lá cây. Tiếng chim hót sau vườn chùa. Một đội chim nhỏ nháy nhót trên cành, tôi không biết chúng tên loại chim gì nhưng tiếng hót cực hay mỗi sáng đều đón chào bình minh bằng tiếng hót của mình. Trên những mái tôn còn đọng sương đêm, lóng lánh phản chiếu ánh mặt trời thật đẹp. Tôi chỉ nói là nó thật đẹp chẳng ví von chúng như những hạt kim cương làm gì để tránh sáo ngữ.

Tập hồi ký này viết xong, tôi xếp lại, để ở đáy rương, như những tác phẩm khác tôi đã hoàn thành.

Trước Tết năm kia, một kỷ niệm nhỏ thôi, tôi đến thăm nhạc sĩ Lê Thương ở đường Bùi Viện. Người nhạc sĩ tài hoa, tác giả Hòn Vọng Phu, một trường ca vĩ đại của dân tộc Việt Nam. Mà tôi và nhiều thế hệ đã hát, tôi hát từ thuở còn thơ ấu. Khi tôi thăm anh, anh đã già lắm rồi, 84 tuổi. Anh tiếp tôi ở nhà khách, cũng là cửa tiệm tạp hóa của gia đình. Một cửa tiệm tạp hóa nghèo nàn. Anh cho biết anh đã ở ngôi nhà này 40 năm, hiện giờ chẳng có một sự trợ giúp nào ngoài vợ con. Trong lúc hàn huyên, tôi cho anh biết Hòn Vọng Phu, biểu tượng của bản trường ca của anh nay đã sập đổ. Anh ngổ ngàng, rồi nước mắt của anh chảy trên gò má già nua. Giọng anh thều thào:

– Thật sao? Thật vậy sao? Từ lâu tôi không theo dõi một thông tin nào.

Đôi vai anh rung lên trong chiếc ghế bành mây cũ kỹ. Rồi qua năm sau, tôi nghe tin anh mất. Tôi nhớ mãi câu anh nói với tôi:

– Có chú, sau Hòn Vọng Phu tôi vẫn làm nhạc. Tôi ở trong rừng, tôi chẳng là gì hết, Việt Nam đã làm nên tất cả. Nhờ có đất nước quê hương ta, người nghệ sĩ mới có cảm hứng. Thiên sứ, việc làm của thiên sứ.

Một sự khiêm nhường của một nghệ sĩ tài danh đáng quý làm sao. Trong những kỷ niệm trong đời tôi đã gặp nhiều trường hợp như vậy. Sao tôi ghi hoài không hết.

Những tia nắng đầu tiên rọi qua cửa sổ trải trên những trang viết đêm qua. Có vài ba con muỗi chết trên đó.

Những vết máu trên trang giấy trắng, có thể do chính tôi di nó chết, mà máu ai đó? Chắc chắn muối không có máu. Dòng suy nghĩ của tôi lẩn thẩn, có lẽ vì tuổi già.

Tôi nhìn lên tờ lịch trên tường. Lại sắp hết một năm. Để tạm kết cho thiên hồi ký này, tôi ghi lại ngày giỗ ông Chu Tử, ngày 30-4-1975. Nếu không ghi lại quả là một thiếu sót của tôi. Năm vừa qua và vài ba năm trước tôi đi ăn giỗ ông Chu không được vào ngày 30-4 Dương lịch. Điều dễ hiểu là ngày 30-4-1975 đúng là ngày 19 tháng 3 Âm lịch. Ông Chu đã tử nạn trên tàu chạy loạn được thủy táng ở cửa biển Cần Giờ. Anh em nhớ ngày 30-4 hàng năm đến nhà vợ chồng Đăng Giao – Chu Vị Thủy ăn giỗ anh. Sau này vợ chồng Thủy đề nghị giỗ anh theo ngày Âm lịch. Anh em thông

cảm, vì sợ được đội nhiều kiểu “mũ” mà chẳng ai muốn. “Tránh voi chẳng xấu mặt nào”.

Hình như tất cả những người anh em còn lại đều có chung ý nghĩ ấy nên chẳng ai ì xèo về ngày giỗ anh Chu xài ngày Tây hay ngày Ta. Thắp lên bàn thờ một nén nhang cho anh Chu. Nghĩ đến nhau là quý dù thân hay sơ. Buổi giỗ anh Chu năm nay anh em lại ngồi với nhau. Vắng bóng nhiều anh em cũ, lý do lớp đi nước ngoài, lớp vắng mặt trên thế gian, hay nói cách khác Chúa đã thu hồi hộ chiếu, nhưng lại có mặt nhiều anh em khác nhưng đều có liên quan với nhau trên mặt tình cảm nghề nghiệp từ hơn hai mươi năm trước.

Tất cả đều đã biết nhau cùng tay bắt mặt mừng vì lâu không có dịp gặp

nhau. Ô sao trông cậu già thế! Này cậu trẻ ra, suýt nữa thì không nhận ra. Năm nay từ nước ngoài về có anh Lê Văn Vũ Bắc Tiến, ông chủ nhà sách Khai Trí. Tôi là người ít tuổi nhất thì cũng đã sáu mươi. Anh em nói nhanh thật như một cái chớp mắt. Hai mươi hai năm qua cái vèo. Kể còn người mất, người ở xa, người bệnh hoạn. Anh em mình từng tiến nhau lên đường, từng ôm nhau trong tù, từng tiến nhau xuống mồ hay lên giàn thiêu.

Năm nay giỗ ông thiếu mặt nhà thơ chưa Tú Kếu, lý do chính đáng là anh ta mắc bệnh quên. Bệnh quên nặng không còn nhớ gì hết, tiếng Tây gọi là bệnh Alzheimer. Thậm chí không còn biết mình là ai. Gia đình anh phải đưa anh lên Bảo Lộc dưỡng bệnh. Anh ta không điên mà mất trí nhớ. Trong

bữa giỗ năm nay, anh em mang nhiều rượu Tây quý giá. Riêng tôi không uống một giọt rượu. Anh em hỏi lý do tại sao tôi không uống rượu, bia cũng không uống, lý do rắc rối một tí là rượu đã làm hại sức khỏe tôi, làm tôi mang tiếng mang tai cũng đã nhiều, bị coi thường, bị khinh miệt là kẻ bê tha. Tôi không muốn thế, tôi muốn làm việc, đền bù vào những năm tháng tôi lỡ bỏ phí. Một cuộc “đi thực tế” vô cùng quý giá cho một nhà văn. Tôi không muốn phụ lòng bất cứ ai, Già đầu bạc một thời hư hỏng rồi mới biết ăn năn. Nhưng tôi nghĩ cũng chưa muộn.

Sau những câu chuyện trong ngày giỗ ông Chu, rượu và mối đã no nê. Anh em đến lúc chia tay nhau. Chủ nhà xin với anh em đừng hẹn gặp nhau vào năm sau, vì chẳng biết thế nào mà hẹn.

Tuổi anh em đều ngồi sẵn sàng trên “giàn phóng”. Bấm nút bay vèo, người đi trước kẻ theo sau. Thành ra không nên “đến hẹn lại lên”.

Quả đúng vậy, sau bữa giỗ ông Chu ít lâu, Xuyên Sơn, anh bạn ký giả anh em chúng tôi, vĩnh viễn xa bạn bè. Chúng tôi chỉ ngậm ngùi nghĩ đến bạn.

Người tôi đêm nay sao mệt mỏi thế, nhưng tôi vẫn chưa muốn buông bút. Đã từ lâu năm tôi biết mình có tật khi ngồi vào bàn viết không muốn phải đứng dậy ngay. Tôi có cái đam mê khi mình ngồi viết, viết những gì thích viết mới được.

Khi trẻ tôi còn ham chơi, nhưng nay đã già, cái bàn trên gác bút này lại làm tôi thú vị khi ngồi ở đó.

Tôi đã hoàn tất tập hồi ký, căn gác bút của tôi chưa bị giạt sập. Tôi mãn nguyện, tôi đã làm việc xong trước thời hạn mà do chính tôi đặt ra cho mình. Tôi chỉ còn một điều cần nói xin đừng ai nghĩ tập hồi ký viết trên gác bút của tôi là những lời than phiền riêng cho thân phận tôi. Tôi chẳng đáng gì đâu.

Lại một đêm nữa sắp qua đi. Tôi vẫn còn ngồi vững trước bàn viết. Tay tôi còn cầm bút chưa gác lên giá.

Miền Nam Việt Nam
mùa nước lũ.

